



FIGURES & EVENTS REVIEW
OF THE GSO (MPI)

TẠP CHÍ **Con số SỰ KIỆN**

ISSN 2734-9136

TẠP CHÍ CỦA TỔNG CỤC THỐNG KÊ | BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ | NĂM THỨ 61 - Số 630 / Kỳ II - 9/2022



**VIỆT NAM KIỂM SOÁT THÀNH CÔNG
LẠM PHÁT 8 THÁNG ĐẦU NĂM 2022**



**HƯỚNG TỚI XÂY DỰNG
HỆ THỐNG AN SINH XÃ HỘI
TOÀN DIỆN, BỀN VỮNG**



**THẾ GIỚI TRƯỚC TÌNH TRẠNG
THỜI TIẾT NGÀY CÀNG KHẮC NGHIỆT**



**THÁI BÌNH
THU HÚT ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN**

CON SỐ & SỰ KIỆN

Tạp chí của Tổng cục Thống kê ISSN 2734-9136. Số kỳ II - 9/2022 (630) Ra hàng tháng. Năm thứ 61

Tổng biên tập: NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG - Phó Tổng biên tập: BÙI BÍCH THỦY - NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LAN

Tòa soạn: 54 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội ĐT: (84-24) 37344920 - 37344970 - 37344971

Fax: 84-24-37344969 Email: consosukien@gso.gov.vn

Giấy phép xuất bản số 340/GP-BTTTT ngày 09/6/2021. Số lượng in: 1.200 bản

In tại Công ty TNHH In Tân Thăng Long

Ấn phẩm được phát hành qua ngành Bưu điện. Độc giả đặt mua tại các Bưu điện trong cả nước.

TRONG SỐ NÀY

HOẠT ĐỘNG TRONG NGÀNH

1. Hội nghị tập huấn Điều tra cơ sở SXKD cá thể năm 2022 và Công tác phối hợp, định hướng triển khai Chương trình điều tra thống kê quốc gia
3. Tổng cục Thống kê tiếp xã giao đoàn cán bộ cấp cao Cơ quan Thống kê Lào
4. Lãnh đạo Tổng cục Thống kê làm việc với Trưởng đại diện của FAO
5. Hội thảo giới thiệu kinh nghiệm thực hiện sáng kiến "Dữ liệu cho Hiện tại" và tìm kiếm lĩnh vực đáp ứng nhu cầu ưu tiên cho Việt Nam

KINH TẾ - XÃ HỘI

6. Việt Nam kiểm soát thành công lạm phát 8 tháng đầu năm 2022
8. Quyết tâm hoàn thành mục tiêu xuất khẩu để duy trì đà xuất siêu

Bích Ngọc

11. Thúc đẩy tiến độ giải ngân vốn đầu tư công năm 2022

ThS. Trần Thị Đào

13. Xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt sang EU: Hướng đến trách nhiệm, minh bạch và bền vững

Trúc Linh

16. Phòng ngừa tranh chấp, lừa đảo trong thương mại quốc tế

Minh Hà

18. Hướng tới xây dựng hệ thống an sinh xã hội toàn diện, bền vững

ThS. Nguyễn Thị Nga - ThS. Phạm Linh Giang

21. Việt Nam nỗ lực bảo đảm an ninh nguồn nước

Duy Hưng

24. Giải pháp phát triển thị trường lao động

ThS. Nguyễn Phương Tú

26. Phát triển du lịch Tây Ninh trong hội nhập kinh tế quốc tế

TS. Cảnh Chí Hoàng - Nguyễn Thành Trung

29. Tin địa phương

KẾT QUẢ TỔNG ĐIỀU TRA KINH TẾ NĂM 2021

31. Tổng điều tra Kinh tế năm 2021 - Phát triển Hợp tác xã thời hội nhập

Thu Hiền

34. Doanh thu, lợi nhuận doanh nghiệp Việt Nam có tốc độ tăng khá

Bích Ngọc

QUỐC TẾ

37. Thế giới trước tình trạng thời tiết ngày càng khắc nghiệt

Gia Linh

40. Hàng không châu Âu: Triển vọng phục hồi sau mùa hè "hỗn loạn"

Tiến Long

THÁI BÌNH THU HÚT ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN

43. Thái Bình - Tạo bước đột phá về thu hút đầu tư và phát triển kinh tế xã hội

Trọng Nghĩa

45. Thái Bình đẩy mạnh thu hút đầu tư vào khu kinh tế và các khu công nghiệp

Thành Nam

46. Khoa học công nghệ Thái Bình: Bám sát thực tiễn, chú trọng khả năng ứng dụng tạo động lực cho phát triển

Thanh Hà

48. Thái Bình: Khai thông và sử dụng hiệu quả nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội

Trịnh Long

51. Huyện Kiến Xương vững bước đi lên

Nghĩa Thủy

Giá: 27.000 đ

Hội nghị tập huấn Điều tra cơ sở SXKD cá thể năm 2022 và Công tác phối hợp, định hướng triển khai Chương trình điều tra thống kê quốc gia

Trong các ngày từ 14-15/9/2022 tại Hải Phòng, Tổng cục Thống kê (TCTK) đã tổ chức Hội nghị Tập huấn điều tra cơ sở sản xuất kinh doanh (SXKD) cá thể năm 2022 và Công tác phối hợp, định hướng triển khai chương trình điều tra thống kê quốc gia.

Tham dự Hội nghị có Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Thị Hương, Phó Tổng cục trưởng Nguyễn Trung Tiến, đại diện lãnh đạo và công chức các đơn vị liên quan trực thuộc cơ quan TCTK; đại diện lãnh đạo, công chức Cục Thống kê của 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Phát biểu khai mạc Hội nghị, Phó Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Trung Tiến cho biết, điều tra cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể năm 2022 và định hướng triển khai Chương trình điều tra thống kê quốc gia là các công việc rất quan trọng của ngành Thống kê.

Nhằm đánh giá thực trạng, năng lực và kết quả SXKD của các cơ sở, phục vụ công tác quản lý, hoạch định chính sách; Cập nhật cơ sở dữ liệu về cơ sở SXKD cá thể; Tính toán các chỉ tiêu thống kê quốc gia, đáp ứng yêu cầu liên quan đến lĩnh vực tài khoản quốc gia; Đáp ứng nhu cầu của người dùng tin trong và ngoài nước.

Để bảo đảm thực hiện công tác thu thập thông tin cuộc Điều tra cơ sở SXKD cá thể năm 2022 được chính xác, đầy đủ và đúng tiến độ, Phó Tổng cục trưởng Nguyễn Trung Tiến yêu cầu:

Đối với các giảng viên: Truyền đạt đầy đủ, dễ hiểu nội dung

phiếu hỏi của cuộc Điều tra cơ sở SXKD cá thể năm 2022, có hướng dẫn để giải quyết các vướng mắc và kinh nghiệm thực tế trong quá trình điều tra; Hướng dẫn cụ thể các chương trình phần mềm: Phần mềm quản lý, giám sát và tổng hợp điều tra; phần mềm CAPI thực hiện điều tra để phục vụ tốt cho công tác tập huấn tại địa phương và thu thập thông tin tại thực địa; Phổ biến đầy đủ dự thảo Chương trình điều tra thống kê quốc gia; Định hướng thực hiện các cuộc điều tra theo chương trình điều tra mới. Đồng thời nêu rõ một số nội dung thay đổi lớn trong các phương án điều tra năm 2023.

Đối với các đại biểu tham dự tập huấn: Thực hiện đúng quy chế dự Hội nghị của TCTK đảm bảo nghiêm túc và đầy đủ thời gian. Các đồng chí lãnh đạo Cục Thống kê cấp tỉnh tiếp thu đầy đủ các nội dung và yêu cầu của Phương án Điều tra cơ sở SXKD cá thể năm 2022 để tổ chức chỉ đạo thực hiện tốt cuộc điều tra tại địa phương theo nội dung công việc và tiến độ được quy định. Chỉ đạo các đại biểu ở địa phương mình tham gia Hội nghị tập huấn đầy đủ, đúng giờ. Học viên cần nghiêm túc tiếp thu đầy đủ những nội dung do các giảng viên truyền tải, tích cực nghiên cứu và thực hành trên phần mềm. Tích cực tương tác với giảng viên để hiểu rõ các nội dung liên quan tới cuộc điều tra nhằm nâng cao hiệu quả công tác tập huấn.

Ngoài ra, để đảm bảo và nâng cao chất lượng các cuộc điều tra thống kê nói chung và Điều tra cơ sở SXKD cá thể năm 2022 nói riêng,

Phó Tổng cục trưởng yêu cầu thực hiện kiểm tra giám sát toàn diện, triệt để ở tất cả các bước từ tổ chức các lớp tập huấn đến công tác thu thập thông tin tại thực địa.

Nội dung tập huấn bao gồm: Giới thiệu nội dung chính của phương án và một số nét thay đổi trong điều tra cơ sở SXKD cá thể năm 2022; Giới thiệu quy trình chọn mẫu, thay mẫu; Hướng dẫn điền phiếu điều tra; Một số lưu ý và quy ước trong phiếu điều tra; Hướng dẫn phương pháp tính và kiểm tra biểu tổng hợp điều tra cơ sở SXKD cá thể năm 2022; Một số vấn đề cần lưu ý trong đánh mã ngành, kiểm tra dữ liệu điều tra cơ sở SXKD cá thể.

Hướng dẫn sử dụng phần mềm quản lý, giám sát và tổng hợp điều tra cơ sở SXKD cá thể năm 2022; Hướng dẫn cài đặt và sử dụng phần mềm CAPI thực hiện điều tra cơ sở SXKD cá thể năm 2022; Thực hành phần mềm quản lý, giám sát điều tra cơ sở SXKD cá thể; Thực hành phần mềm điều tra CAPI; Một số lưu ý sử dụng kinh phí trong các cuộc điều tra năm 2022.

Phổ biến Chương trình điều tra thống kê quốc gia; Định hướng thực hiện các cuộc điều tra theo chương trình điều tra mới; Một số nội dung thay đổi lớn trong các phương án điều tra 2023; Công tác phối hợp điều tra giữa các phòng thuộc Cục Thống kê tỉnh, thành phố.

Đại biểu tham dự Hội nghị cũng được nghe một số tham luận, phát biểu của các đơn vị về công tác phối hợp giữa phòng thu thập thông tin và các phòng khác.

Phát biểu kết luận Hội nghị, Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương nêu rõ, Hội nghị tập huấn trực tiếp lần này nhằm giúp các Cục Thống kê nắm bắt tốt hơn các nội dung điều tra; thực hiện tập huấn tại địa phương; chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ điều tra theo đúng kế hoạch; Để triển khai thực hiện tốt Điều tra cơ sở SXKD cá thể năm 2022 và các điều tra khác trong thời gian tới, Tổng cục trưởng yêu cầu:

Đối với các đơn vị trong TCTK: Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê (Cục TTDL) xây dựng quy trình khung làm việc chung, phân công trách nhiệm, phối hợp cụ thể để thống nhất đồng bộ, chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tiếp thu, hoàn thiện tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ điều tra, các chương trình phần mềm: Phần mềm quản lý, giám sát và tổng hợp điều tra; phần mềm CAPI thực hiện điều tra để phục vụ tốt cho công tác tập huấn tại địa phương và thu thập thông tin tại thực địa.

Đối với các Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Cục trưởng Cục Thống kê cấp tỉnh chỉ đạo chuẩn bị kỹ tài liệu phục vụ Hội nghị tập huấn cấp tỉnh; quán triệt các giám sát viên, điều tra viên nghiêm túc thực hiện quy định nghiệp vụ của cuộc điều tra; Tổ chức giám sát điều tra theo đúng kế hoạch đã xây dựng đảm bảo chất lượng thông tin; Chỉ đạo triển khai kiểm tra số liệu ngay trong quá trình điều tra để sửa lỗi kịp thời; Tiếp tục triển khai tổ chức các điều tra, chỉ đạo phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị trong suốt quá trình điều tra từ giai đoạn chuẩn bị đến thu thập thông tin; xử lý kết quả và xây dựng báo cáo.

Sau hai ngày làm việc khẩn trương, nghiêm túc, Hội nghị tập huấn Điều tra cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể năm 2022 và định hướng triển khai Chương trình điều tra thống kê quốc gia đã thành công tốt đẹp./

Thu Hòa

LỄ BẾ GIẢNG KHÓA ĐÀO TẠO NGHIỆP VỤ THỐNG KÊ CHO CÁN BỘ, CÔNG CHỨC NGÀNH THỐNG KÊ LÀO

Thực hiện nhiệm vụ của lãnh đạo Tổng cục Thống kê giao, sáng ngày 12/9/2022, tại Bắc Ninh, Trường Cao đẳng Thống kê tổ chức Lễ Bế giảng khóa đào tạo nghiệp vụ thống kê cho cán bộ, công chức ngành Thống kê Lào.

Tham dự Lễ Bế giảng, về phía Tổng cục Thống kê Việt Nam (TCTK) có Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Thị Hương; Phó Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Trung Tiến; đại diện lãnh đạo một số đơn vị thuộc TCTK, lãnh đạo Trường Cao đẳng Thống kê, đại diện lãnh đạo khoa, phòng và các giảng viên của trường

Về phía Cơ quan Thống kê Lào có bà Phonesaly Souksavath, Tổng cục trưởng Cơ quan Thống kê Lào; các thành viên Đoàn cấp cao cơ quan Thống kê Lào, 20 học viên là cán bộ thống kê nước CHDCND Lào.

Tại Lễ Bế giảng, đại diện Trường Cao đẳng Thống kê đã trình bày báo cáo tổng kết 2 tháng học tập, sinh hoạt của các học viên. Trong suốt quá trình học tập, mặc dù chưa quen với điều kiện sinh hoạt, cũng như thời tiết tại Việt Nam nhưng các học viên đã nghiêm túc chấp hành nội quy, quy định của Nhà trường; có tinh thần, thái độ học tập rất nghiêm túc nên đa số học viên tiếp thu bài tốt, mạnh dạn trao đổi với giảng viên để tìm hiểu kỹ hơn về bài giảng. Đa số các bài thu hoạch được học viên thể hiện sự tâm huyết với những nội dung được nghiên cứu qua tài liệu và nhận thức trên lớp, đạt kết quả cao, trong đó có 10% đạt loại Giỏi, 90% đạt loại Khá...

Thay mặt Lãnh đạo TCTK, Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Thị Hương gửi lời chúc mừng tới 20 học viên của cơ quan Thống kê Lào và các thầy cô Trường Cao đẳng Thống kê đã hoàn thành xuất sắc Khóa bồi dưỡng nghiệp vụ thống kê cho cán bộ, công chức ngành Thống kê Lào.

Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương cho biết, từ năm 2004 đến nay, Tổng cục Thống kê đã đào tạo hơn 145 lượt cán bộ, công chức ngành Thống kê Lào với các nội dung nghiệp vụ Thống kê như: Phương pháp Thống kê mô tả, Điều tra và điều tra chọn mẫu trong thống kê, các phương pháp phân tích thống kê cơ bản... Năm 2022, dù tình hình dịch bệnh Covid-19 vẫn còn diễn biến phức tạp, nhưng với sự chuẩn bị chu đáo và phối hợp tốt của 2 cơ quan Thống kê Việt Nam và Lào, đặc biệt là dịp kỷ niệm 60 Năm đoàn kết hữu nghị Việt Nam - Lào, TCTK đã đón tiếp và tổ chức thành công khóa bồi dưỡng nghiệp vụ thống kê cho cán bộ, công chức ngành Thống kê Lào tại Trường Cao đẳng Thống kê từ 13/7/2022 đến 12/9/2022.

Kết thúc Lễ Bế giảng, đại diện Trường Cao đẳng Thống kê đã công bố quyết định và trao chứng chỉ hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ Thống kê cho các học viên.

Sau một thời gian làm việc khẩn trương, nghiêm túc, Lễ Bế giảng lớp Bồi dưỡng nghiệp vụ Thống kê cho cán bộ Thống kê nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào đã thành công tốt đẹp./

Thu Hoàng

TỔNG CỤC THỐNG KÊ TIẾP XÃ GIAO

ĐOÀN CÁN BỘ CẤP CAO CƠ QUAN THỐNG KÊ LÀO

Trong khuôn khổ Chương trình hợp tác giữa Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam và Bộ Kế hoạch và Đầu tư Lào năm 2022 và Kế hoạch triển khai các hoạt động kỷ niệm “Năm đoàn kết hữu nghị Việt Nam - Lào 2022”, sáng ngày 13/9/2022, tại Hà Nội, Tổng cục Thống kê (TCTK) đã có buổi đón tiếp xã giao đoàn cán bộ cấp cao của Cơ quan Thống kê Lào. Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Thị Hương tham dự và chủ trì buổi tiếp đón.

Tham dự buổi tiếp xã giao, về phía TCTK có thủ trưởng một số đơn vị thuộc TCTK. Về phía Cơ quan Thống kê Lào có: Bà Phonesaly Souksavath - Thứ trưởng kiêm Tổng cục trưởng Cơ quan Thống kê Lào, Ông Phousavanh Chanthasombath - Phó Chánh Văn phòng, Bà Thiphavanh Lattanananta - Trưởng phòng Thư ký và Hợp tác.

Phát biểu tại buổi đón tiếp, Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương bày tỏ sự vui mừng khi được đón tiếp Thứ trưởng kiêm Tổng cục trưởng cơ quan Thống kê Lào - bà Phonesaly Souksavath cùng các đồng nghiệp sang thăm, làm việc với TCTK và dự Lễ Bế giảng Lớp Bồi dưỡng ngắn hạn về nghiệp vụ thống kê cho các cán bộ, công chức của Cơ quan Thống kê Lào từ ngày 11-15/9/2022 trong khuôn khổ Chương trình hợp tác giữa Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam và Bộ Kế hoạch và Đầu tư Lào năm 2022 và Kế hoạch triển khai các hoạt động kỷ niệm “Năm đoàn kết hữu nghị Việt Nam - Lào 2022”. Theo Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương, quan hệ gắn kết anh em giữa Việt Nam và Lào đã được hình thành và hun đúc trong lịch sử dựng nước và giữ nước. Đặc biệt, trong 6 thập niên qua,

mối quan hệ truyền thống tốt đẹp, sự gắn bó thủy chung giữa nhân dân hai nước Việt Nam - Lào luôn được các thế hệ lãnh đạo và nhân dân hai nước dày công vun đắp và phát triển.

Trên cơ sở quan hệ hợp tác truyền thống giữa hai Chính phủ, hợp tác trong lĩnh vực thống kê giữa Tổng cục Thống kê và Cơ quan Thống kê Lào đã được các cấp lãnh đạo của Tổng cục Thống kê chú trọng và ưu tiên hàng đầu. Hai cơ quan đã có những hoạt động hợp tác trong lĩnh vực thống kê dưới nhiều hình thức khác nhau như trao đổi đoàn, đào tạo nhân lực, hỗ trợ kỹ thuật. Cụ thể từ năm 2004 đến nay, Tổng cục Thống kê đã hỗ trợ nâng cao năng lực cho Cơ quan Thống kê Lào dưới hình thức đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ thống kê tại Việt Nam cho rất nhiều lãnh đạo và công chức của Cơ quan Thống kê Lào. Tính đến năm 2022, Tổng cục Thống kê đã tổ chức 8 khóa đào tạo cho 185 Lãnh đạo và công chức của Lào. Bên cạnh đó, hai cơ quan cũng tổ chức nhiều chuyến khảo sát, học tập kinh nghiệm trong công tác thống kê nhằm chia sẻ những kinh nghiệm quý báu trong chuyên môn nghiệp vụ đồng thời tìm hiểu thêm về văn hóa và con người của hai quốc gia.

Tại buổi đón tiếp, thay mặt các đồng nghiệp của ngành Thống kê Việt Nam, Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương bày tỏ lời cảm ơn chân thành tới những tình cảm thân thiết, sự hỗ trợ hết mình của Thứ trưởng kiêm Tổng cục trưởng Phonesaly Souksavath và các đồng nghiệp Cơ quan Thống kê Lào đã dành cho Tổng cục Thống kê và cá nhân Tổng cục trưởng trong những năm qua, đặc biệt

là trong gần 3 năm đại dịch khó khăn. Đồng thời, Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương nhấn mạnh sự tin tưởng vào quan hệ hợp tác truyền thống giữa hai cơ quan sẽ ngày càng phát triển hơn trong thời gian tới. Đáp từ Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Thị Hương, bà Phonesaly Souksavath - Thứ trưởng kiêm Tổng cục trưởng Cơ quan Thống kê Lào bày tỏ sự vui mừng trước sự hợp tác của TCTK và ngành Thống kê Lào trong thời gian qua; đồng thời Bà cảm ơn sự đón tiếp nồng hậu của các đồng nghiệp Tổng cục Thống kê. Bà Phonesaly nhấn mạnh, năm 2022 là năm đặc biệt quan trọng kỷ niệm quan hệ hữu nghị Việt Nam - Lào, đặc biệt hơn nữa mở ra cơ hội hợp tác, gần gũi hơn giữa 2 bên. Trong buổi đón tiếp hôm nay, Cơ quan Thống kê Lào mong muốn trao đổi hoạt động thống kê giữa 2 cơ quan và đánh giá cao sự hỗ trợ của cơ quan Thống kê Việt Nam dành cho cơ quan Thống kê Lào. Bà Phonesaly tán thành với ý tưởng của Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương trong việc chia sẻ kinh nghiệm, nghiệp vụ của 2 cơ quan thông qua các khóa đào tạo, buổi hội thảo... Cơ quan Thống kê Lào cảm ơn và mong muốn tiếp tục nhận được sự hỗ trợ của Tổng cục Thống kê Việt Nam.

Các đại biểu tham dự buổi đón tiếp đã có những trao đổi về công tác phối hợp giữa 2 cơ quan, các mục tiêu xây dựng và phát triển ngành Thống kê Việt Nam và Thống kê Lào. Buổi tiếp đón xã giao của 2 cơ quan Thống kê Việt Nam - Lào đã diễn ra thành công trong không khí ấm cúng, thân mật và cởi mở với sự tiếp đón nồng hậu từ Tổng cục Thống kê Việt Nam./.

Thu Hiền

LÃNH ĐẠO TỔNG CỤC THỐNG KÊ LÀM VIỆC VỚI TRƯỞNG ĐẠI DIỆN CỦA FAO

Sáng ngày 07/9/2022, tại trụ sở của Tổng cục Thống kê (TCTK), Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương cùng Phó Tổng cục trưởng Nguyễn Trung Tiến và đại diện lãnh đạo một số đơn vị thuộc Tổng cục đã có buổi làm việc với Ông Rémi Nono Womdim, Tân Trưởng Đại diện Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp của Liên Hợp quốc tại Việt Nam (FAO).

Phát biểu tại buổi làm việc, ông Rémi Nono Womdim, Trưởng Đại diện FAO nhấn mạnh tầm quan trọng của công tác thống kê trong các hoạt động của FAO. Trong năm 2021, FAO đã phối hợp Chính phủ Việt Nam, cụ thể là Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (Bộ NNPTNT) thông qua Khung chương trình hợp tác quốc gia giai đoạn 2022 - 2026.

Ông Rémi Nono Womdim đã đề xuất một số hoạt động hợp tác để thúc đẩy hợp tác chia sẻ số liệu thống kê giữa 2 bên trong tương lai. Trong đó, ưu tiên đầu tiên là thực hiện Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; tăng cường thu thập thông tin, số liệu trong lĩnh vực nông nghiệp, giúp các nhà hoạch định đưa ra các chính sách giúp thu hẹp khoảng cách nghèo đói giữa khu vực nông thôn và thành thị, cải thiện mức sống người dân tộc thiểu số, cải thiện công tác quản lý tài nguyên môi trường nông nghiệp. Điều này có ý nghĩa quan trọng, đóng góp trong việc hoạch định chiến lược dài hạn cho Chính phủ Việt Nam và cơ quan đối tác của Chính phủ. Đồng thời, công tác thống kê của TCTK sẽ giúp nhìn thấy bức tranh ngắn, trung và dài hạn của sự phát triển quốc gia Việt Nam.



Trao đổi về cơ hội hợp tác cụ thể trong thời gian tới, ông Rémi Nono Womdim - Trưởng đại diện FAO khẳng định, Việt Nam là một thành viên hợp tác chủ chốt của FAO. Hiện tại, FAO đã gửi đến TCTK văn kiện Dự án các dữ liệu địa lý phục vụ công tác quy hoạch đất lúa, do Chính phủ Nhật Bản tài trợ, thực hiện tại Việt Nam và Campuchia. Sau buổi làm việc hôm nay, FAO sẽ chính thức gửi công thư đến Lãnh đạo TCTK để 2 bên thực hiện dự án này.

Về hợp tác ở cấp độ toàn cầu, Ông Rémi Nono Womdim cho biết, sẽ làm việc cụ thể với Vụ Thống kê của FAO và Văn phòng đặc trách về SDG để tổ chức các khóa tập huấn theo đề xuất của TCTK. Trước mắt, sẽ tập trung thực hiện Dự án các dữ liệu địa lý cho quy hoạch đất lúa. Tiếp theo là xây dựng và thực hiện chương trình xóa đói giảm nghèo cho đồng bào dân tộc thiểu số các tỉnh miền núi phía Bắc. Trưởng Đại diện FAO đồng thời bày tỏ mong muốn trong thời gian tới sẽ có buổi tọa đàm giữa TCTK, Bộ NNPTNT và FAO, để thực hiện các ưu tiên trước mắt,

giúp thúc đẩy kinh tế - xã hội nói chung và giúp đồng bào dân tộc thiểu số các tỉnh miền núi phía Bắc phát triển kinh tế nông thôn và hy vọng nhận được giúp đỡ, tham gia của TCTK trong thực hiện chương trình giải quyết vấn đề đói nghèo các tỉnh miền núi phía Bắc. Ông hy vọng, FAO sẽ cùng TCTK và Bộ NNPTNT xây dựng được bộ cơ sở dữ liệu quốc gia về nông nghiệp, góp phần vào thúc đẩy mối quan hệ hợp tác giữa các cơ quan trong thống kê nông nghiệp, để đạt mục tiêu là có hệ thống lương thực thực phẩm, bền vững, bao trùm, có khả năng chống chịu tác động bên ngoài.

Kết thúc buổi làm việc, Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Thị Hương cảm ơn những trao đổi và những đề xuất mang tính định hướng và cụ thể của FAO, đặc biệt là việc liên kết với các bộ ngành, trong đó quan hệ hợp tác với Bộ NNPTNT là trọng tâm. Tổng cục trưởng đề nghị FAO có đơn vị đầu mối để có thể trao đổi sâu hơn về hợp tác hai bên trong thời gian tới, nhất là những hoạt động hợp tác ở cấp toàn cầu./.

B.N



HỘI THẢO THAM VẤN DỰ THẢO BỘ CHỈ TIÊU TĂNG TRƯỞNG XANH VIỆT NAM

Trong 2 ngày (từ ngày 16-17/9/2022) tại Vinh Phúc, Tổng cục Thống kê (TCTK) phối hợp với Cơ quan hợp tác và phát triển kinh tế Đức (GIZ) đã tổ chức Hội thảo tham vấn Dự thảo Bộ chỉ tiêu tăng trưởng xanh (TTX) Việt Nam. Phó Tổng cục trưởng Lê Trung Hiếu chủ trì hội thảo.

Tham dự hội thảo có đại diện các Bộ, ngành và các Tổ chức quốc tế: Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc (UNICEF); các chuyên gia kinh tế trong nước, chuyên gia GIZ; các thành viên trong tủ biên tập.

Phát biểu khai mạc hội thảo Phó Tổng cục trưởng Lê Trung Hiếu cho biết mục đích của Bộ chỉ tiêu TTX nhằm thiết lập một hệ thống chỉ tiêu thống kê về TTX nhằm mô tả, phản ánh và đánh giá mức độ "xanh hóa" trong các hoạt động kinh tế, xã hội và môi trường của Việt Nam; đồng thời phản ánh khả năng thích ứng của xã hội trước những thay đổi ngày một rõ nét trong môi trường tự nhiên, kinh tế và xã hội. Cung cấp Bộ công cụ

giám sát, đánh giá việc thực hiện các mục tiêu của Chiến lược quốc gia về TTX giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn 2050, đồng thời là cơ sở xây dựng các chính sách TTX trong tương lai.

Để tiếp tục hoàn thiện Bộ chỉ tiêu cũng như tính khả thi của Bộ chỉ tiêu, TCTK phối hợp với GIZ tổ chức Hội thảo với mong muốn các đại biểu tham dự hội thảo tập trung góp ý về nội hàm Bộ chỉ tiêu đã đủ thể hiện mức độ xanh hóa của nền kinh tế thông qua «thay đổi cơ cấu kinh tế - đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng xanh» của toàn nền kinh tế và ngành, lĩnh vực hay chưa? đồng thời đánh giá tổng thể - xác định các tồn tại, hạn chế của Bộ chỉ tiêu, định hướng xây dựng khung giám sát và đánh giá quốc gia về TTX. Phó Tổng cục trưởng Lê Trung Hiếu cũng đề nghị Vụ TKQG ghi chép các góp ý để bổ sung, hoàn thiện Dự thảo bộ chỉ tiêu.

Tại hội thảo các đại biểu đã nghe đại diện Vụ TKQG trình bày Tổng quan dự thảo Bộ chỉ tiêu TTX

Việt Nam; Định hướng xây dựng và triển khai Chỉ số TTX tổng hợp. Theo đó, tổng quan dự thảo Bộ chỉ tiêu TTX Việt Nam tập trung vào 4 nội dung gồm: Căn cứ xây dựng; Dự thảo Bộ chỉ tiêu TTX Việt Nam; Mối liên hệ giữa 02 bộ chỉ tiêu: TTX với VSDG; Khoảng trống thông tin.

Theo kế hoạch chương trình, trong hai ngày hội thảo sẽ dành thời gian để các đại biểu tiến hành chia nhóm thảo luận tập trung xin ý kiến vào dự thảo Bộ chỉ tiêu; đánh giá tổng thể các tồn tại, hạn chế của dự thảo Bộ chỉ tiêu nhằm hỗ trợ định hướng xây dựng khung giám sát và đánh giá quốc gia về TTX. Sau phần thảo luận nhóm các nhóm trình bày kết quả thảo luận và danh mục các chỉ tiêu TTX cùng metadata do nhóm đề xuất.

Tại hội thảo, Phó Tổng cục trưởng Lê Trung Hiếu cũng đã điều hành hội thảo tiến hành thảo luận chung về Danh mục tổng hợp các chỉ tiêu TTX cùng metadata và thảo luận nhóm về Định hướng xây dựng và triển khai Chỉ số TTX tổng hợp và bế mạc hội thảo./

M.T

HỘI THẢO GIỚI THIỆU KINH NGHIỆM THỰC HIỆN SÁNG KIẾN “DỮ LIỆU CHO HIỆN TẠI” VÀ TÌM KIẾM LĨNH VỰC ĐÁP ỨNG NHU CẦU ƯU TIÊN CHO VIỆT NAM

Sáng ngày 06/09/2022, tại Hà Nội, Tổng cục Thống kê (TCTK) đã tổ chức Hội thảo giới thiệu kinh nghiệm thực hiện sáng kiến “Dữ liệu cho Hiện tại” và tìm kiếm lĩnh vực đáp ứng nhu cầu ưu tiên cho Việt Nam. Phó Tổng cục trưởng Nguyễn Trung Tiến tham dự và chủ trì Hội thảo. Tham dự Hội thảo có đại diện 6 Bộ, ngành tham gia với vai trò vừa là đầu mối sản xuất dữ liệu, vừa là đơn vị dùng tin gồm: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Bộ Tài nguyên Môi trường, Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; lãnh đạo một số đơn vị liên quan thuộc cơ quan TCTK; Điều phối viên thường trú của Liên hợp quốc tại Việt Nam (UNRCO); các chuyên gia của các tổ chức quốc tế: Ủy ban Thống kê Liên hợp quốc (UNSD), Ngân hàng Thế giới (WB), Tổ chức Hợp tác phát triển Đức (GIZ), Chương trình phát triển của Liên hợp quốc (UNDP), Đại sứ quán Ý.

Tại Hội thảo, Phó Tổng cục trưởng Nguyễn Trung Tiến hy vọng sẽ được nghe ý kiến về các khoảng trống dữ liệu và các mong muốn về các lĩnh vực ưu tiên mà thống kê các Bộ, ngành cần giải quyết trong thời gian tới. Đồng thời mong muốn các chuyên gia từ các tổ chức quốc tế có các ý tưởng, đề xuất để lựa chọn các lĩnh vực ưu tiên cho Thống kê Việt Nam.

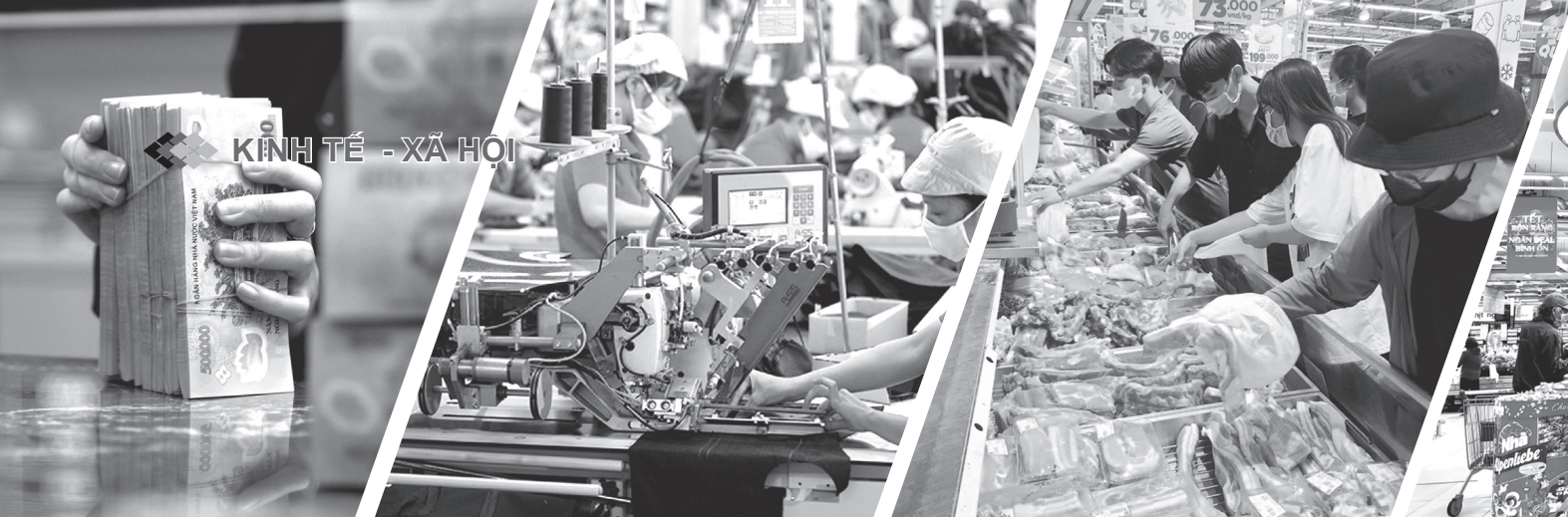
Đáp từ Phó Tổng cục trưởng, ông Faral Ahmed, đại diện UNSD cho rằng, sự hợp tác của các Bộ, ngành có liên quan đặc biệt là TCTK sẽ giúp nhanh chóng đạt được các mục tiêu mà dự án đề ra. Hội thảo là bước khởi đầu quan trọng cho quá trình hợp tác trong 2 năm sắp tới. Đây cũng là một trong những cơ hội để nâng cao khả năng sử dụng những công cụ sáng tạo, giải quyết khúc mắc trong sử dụng dữ liệu.

Đại diện Đại sứ quán Ý cho biết, Chính phủ Ý đã ký thỏa thuận hỗ trợ Chính phủ Việt Nam và các cơ quan chức năng như TCTK tham gia dự án

có thể gặp gỡ, tương tác được nhiều hơn những người sử dụng công cụ này. Tại Hội thảo, các đại biểu tham dự đã được nghe giới thiệu về dự án Data For Now (Dữ liệu cho Hiện tại); Tầm quan trọng của việc tương tác với người sử dụng để tăng cường sử dụng dữ liệu trong quá trình ra quyết định; Đáp ứng nhu cầu của những người ra quyết định thông qua đổi mới dữ liệu: Ví dụ về thực hành tốt; Các mục tiêu phát triển bền vững của Việt Nam và các ưu tiên chính sách hiện hành đối với Việt Nam; Tăng cường năng lực sử dụng dữ liệu trong quá trình ra quyết định. Đại diện Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã chia sẻ thông tin về triển khai thực hiện SDG và hiện trạng về dữ liệu cho giám sát, đánh giá SDG tại Việt Nam. Phần trình bày các ví dụ về đổi mới dữ liệu đã giúp đại biểu có cái nhìn rõ nét hơn về hiệu quả của dự án có thể đem lại.

Buổi Hội thảo diễn ra sôi nổi và nghiêm túc với nhiều nội dung hữu ích, bám sát thực tiễn.

Thu Hiền



VIỆT NAM KIỂM SOÁT THÀNH CÔNG LẠM PHÁT 8 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

Chỉ số giá tiêu dùng 8 tháng đầu năm 2022

Trong 8 tháng đầu năm 2022, thị trường hàng hóa thế giới tiếp tục có nhiều biến động và chịu ảnh hưởng của các nhân tố kinh tế, chính trị, trong đó nổi lên là cuộc xung đột giữa Nga và Ucraina kéo dài, chính sách phong tỏa phòng, chống dịch Covid-19 của Trung Quốc cùng tình trạng gián đoạn chuỗi cung ứng và nguy cơ lạm phát đình trệ đang kìm hãm tăng trưởng. Giá năng lượng tăng cao gây lạm phát trên toàn thế giới, các ngân hàng trung ương thắt chặt chính sách tiền tệ và nâng lãi suất. Lạm phát tại Mỹ tháng 7/2022 tăng 8,5% so với cùng kỳ năm trước. Lạm phát của khu vực đồng Euro tháng 7/2022 đã lập kỷ lục tăng 8,9%, cao hơn nhiều lạm phát mục tiêu 2% của Ngân hàng Trung ương châu Âu. Tại Châu Á, lạm phát tháng 7/2022 của Thái Lan tăng 7,61%; Hàn Quốc tăng 6,3%; Indonesia tăng 4,9%; Nhật Bản tăng 2,6% và Trung Quốc tăng 2,7%.

Trong nước, mặc dù chịu nhiều sức ép lớn và khó khăn bủa vây của bối cảnh thế giới, nhưng các hoạt động sản xuất, kinh doanh

tiếp tục xu hướng phục hồi tốt. Nhiều giải pháp đồng bộ được Chính phủ triển khai quyết liệt để giảm giá xăng dầu, ổn định giá điện, nước sinh hoạt, học phí, duy trì mặt bằng tỷ giá, lãi suất hợp lý... Nhờ đó, lạm phát 8 tháng năm 2022 được kiểm soát ở mức 2,58%, áp lực các chi phí đầu vào giảm đáng kể. Cụ thể:

Trong 8 tháng năm nay, giá xăng dầu được điều chỉnh 22 đợt (trong đó có 8 đợt giảm giá) làm cho giá xăng A95 tăng 1.370 đồng/lít; xăng E5 tăng 1.170 đồng/lít và dầu diezen tăng 6.180 đồng/lít. Giá xăng dầu liên tục được điều chỉnh giảm từ tháng 7/2022 theo biến động giá nhiên liệu thế giới và do tác động của việc Nhà nước giảm thuế đối với xăng dầu. Từ ngày 21/6/2022, giá xăng A95 III ở mức 32.870 đồng/lít, dầu diezen ở mức 30.010 đồng/lít đã giảm xuống với các mức giá tương ứng là 24.660 đồng/lít và 23.750 đồng/lít trong tháng 8. Giá xăng dầu giảm là yếu tố chủ yếu kiểm chế tốc độ tăng của CPI tháng 7 và tháng 8/2022.

Bên cạnh đó, đối với những hàng hóa và dịch vụ do Nhà nước định giá như dịch vụ giáo dục,

dịch vụ y tế, giá điện sinh hoạt chiếm tỷ trọng 12,87% trong tổng chỉ tiêu dùng của dân cư được Chính phủ điều hành giữ ổn định trong năm 2022. Trong đó, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã đề xuất chưa tăng học phí năm học 2022 - 2023 như lộ trình trước đó, thậm chí các địa phương còn miễn, giảm học phí trong thời gian vừa qua để chia sẻ khó khăn cho người dân đã giúp chỉ số giá dịch vụ giáo dục bình quân 8 tháng đầu năm giảm 3,14% so với cùng kỳ năm trước, làm CPI chung giảm 0,17 điểm phần trăm. Với giá dịch vụ y tế, năm 2021 phải hoãn thành việc tính đủ chi phí tiền lương, chi phí trực tiếp, chi phí quản lý, khấu hao tài sản cố định và các chi phí khác theo pháp luật về giá, tuy nhiên việc này đã được hoãn lại trong đại dịch. Thêm vào đó, giá điện của EVN cũng chưa tăng giá và EVN đã chủ động đề xuất không tăng giá điện trong năm nay mặc dù chi phí đầu vào của ngành này như giá xăng dầu, giá than đều đã tăng rất cao.

Đồng thời, Chính phủ và các Bộ, ngành liên tục chỉ đạo các địa phương thực hiện quản lý giá



trên địa bàn, nhiều doanh nghiệp tích cực tham gia chương trình bình ổn giá, đảm bảo đầy đủ các hàng hóa thiết yếu phục vụ nhu cầu của người dân, đặc biệt là mặt hàng lương thực, thực phẩm, chiếm quyền số khoảng 1/4 trong rổ hàng hàng hóa.

Áp lực lạm phát những tháng cuối năm 2022 và năm 2023

Việc kiểm soát tốt lạm phát trong 8 tháng đầu năm giúp Việt Nam có dư địa để đảm bảo thực hiện thành công mục tiêu kiểm soát lạm phát năm 2022 khoảng 4% như mục tiêu Quốc hội đề ra. Tuy nhiên, hiện nay vẫn tiềm ẩn những yếu tố có khả năng tác động làm tăng CPI trong những tháng cuối năm 2022 và năm 2023, cụ thể:

- Giá nguyên nhiên vật liệu trên thế giới đang ở mức cao trong khi Việt Nam là nước phải nhập khẩu nhiều nguyên liệu phục vụ sản xuất nên việc nhập khẩu nguyên liệu với mức giá cao sẽ ảnh hưởng đến chi phí, giá thành, tạo áp lực cho sản xuất của doanh nghiệp và từ đó đẩy giá hàng hóa tiêu dùng trong nước tăng lên, tạo áp lực cho lạm phát của nền kinh tế.

- Giá xăng dầu thế giới có xu hướng giảm trong ngắn hạn nhưng rủi ro tăng trở lại là khá cao do xung đột giữa Nga - Ukraine chưa chấm dứt và khi kinh tế Trung Quốc phục hồi có thể kéo nhu cầu năng lượng gia tăng.

- Giá lương thực, thực phẩm có khả năng tăng trong các tháng cuối năm, nhất là khi dịch đã được kiểm soát và nhu cầu tiêu dùng của người dân đang trở lại như thời gian trước khi đại dịch diễn ra. Mặc dù là quốc gia có nguồn lương thực, thực phẩm dồi dào nhưng sẽ không tránh khỏi những ảnh hưởng từ giá thế giới khi nguồn cung phân bón và ngũ cốc dùng làm thức ăn chăn nuôi sụt giảm mạnh.

- Kinh tế trong nước đang trong giai đoạn phục hồi rõ nét và cùng với các gói hỗ trợ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế có khả năng sẽ còn phục hồi mạnh mẽ hơn trong các tháng cuối năm, khi đó cầu tiêu dùng hàng hóa trong dân sẽ tăng mạnh, các hoạt động dịch vụ cũng sẽ tăng cao như các hoạt động du lịch, vui chơi, giải trí, ăn uống ngoài gia đình, từ đó sẽ đẩy giá cả hàng hóa và dịch vụ lên cao và tạo áp lực lên lạm phát.

Đề xuất một số giải pháp trong công tác điều hành giá

- Các bộ, ngành, địa phương cần chuẩn bị đầy đủ nguồn hàng nhằm đảm bảo đáp ứng kịp thời nhu cầu của người dân đối với các mặt hàng lương thực, thực phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng thiết yếu. Đối với mặt hàng thị lợn, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cần chú trọng công tác bảo đảm nguồn cung, nhất là giai đoạn cuối năm. Bộ Công Thương và các địa phương phải tăng cường

kiểm soát các khâu trung gian, lưu thông trên thị trường nhằm ổn định giá của mặt hàng này.

- Đối với mặt hàng xăng dầu, cần phải đảm bảo nguồn cung xăng dầu trong nước, không để xảy ra gián đoạn nguồn cung. Quỹ Bình ổn giá xăng dầu cần được sử dụng hợp lý với liều lượng thích hợp, góp phần kiểm soát lạm phát, hỗ trợ hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, đời sống của người dân. Đồng thời, xem xét giảm thuế VAT và thuế tiêu thụ đặc biệt đối với nhóm mặt hàng xăng dầu trong trường hợp giá thế giới tiếp tục tăng cao.

- Đối với các nguyên liệu đầu vào quan trọng khác như sắt thép, vật liệu xây dựng, thức ăn chăn nuôi cần thúc đẩy tăng năng lực sản xuất trong nước, ưu tiên cung ứng cho thị trường trong nước hơn thị trường xuất khẩu. Đồng thời, chủ động các biện pháp bình ổn giá các mặt hàng, không để xảy ra các trường hợp tăng giá bất hợp lý.

- Cần tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa và các chính sách kinh tế vĩ mô khác nhằm kiểm soát lạm phát theo mục tiêu đề ra, đặc biệt cần đảm bảo cung ứng đầy đủ, kịp thời vốn tín dụng cho nền kinh tế nhưng không chủ quan với rủi ro lạm phát.

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, đảm bảo kịp thời, minh bạch thông tin về giá và công tác điều hành giá của Chính phủ, Ban chỉ đạo điều hành giá, nhất là diễn biến giá cả các vật tư quan trọng, các mặt hàng thiết yếu liên quan đến sản xuất và đời sống người dân để hạn chế gia tăng lạm phát kỳ vọng, ổn định tâm lý người tiêu dùng và doanh nghiệp./

Nguồn: Tổng cục Thống kê

QUYẾT TÂM HOÀN THÀNH MỤC TIÊU XUẤT KHẨU ĐỂ DUY TRÌ ĐÀ XUẤT SIÊU

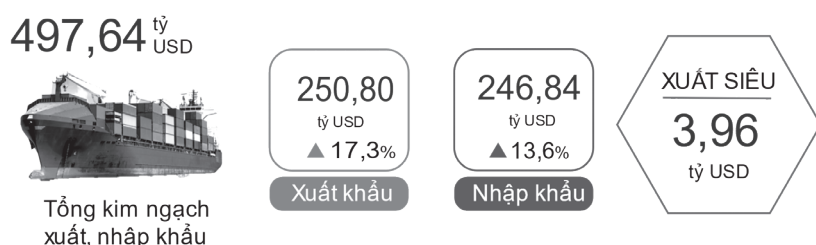
Bích Ngọc

Năm 2022, với quyết tâm phục hồi và phát triển kinh tế để không lỡ nhịp với sự gia tăng trở lại của kinh tế thế giới, tạo đà để hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025, hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa của nước ta đã tăng trưởng mạnh mẽ.

Những con số ấn tượng

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tính chung quý I/2022, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa ước đạt 176,35 tỷ USD, tăng 14,4% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 12,9%; nhập khẩu tăng 15,9%. Sang quý II/2022, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa tiếp tục tăng, đưa tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa 6 tháng đầu năm 2022 đạt 371,17 tỷ USD, tăng 16,4% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 17,3%; nhập khẩu tăng 15,5%. Bước sang quý III/2022, hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa vẫn chứng tỏ là điểm sáng của nền kinh tế, góp phần nâng tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa 8 tháng năm 2022 ước đạt 497,64 tỷ USD, tăng 15,5% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 17,3%; nhập khẩu tăng 13,6%.

Hình 1. Xuất, nhập khẩu hàng hóa 8 tháng năm 2022



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Về cán cân thương mại hàng hóa, hầu hết các tháng vừa qua đều duy trì xuất siêu, đặc biệt là tháng 8/2022 xuất siêu tăng vọt lên 2,42 tỷ USD, tạo lực đẩy để cán cân thương mại hàng hóa 8 tháng năm 2022

đạt con số ấn tượng, ước tính xuất siêu 3,96 tỷ USD, đảo chiều nhập siêu 3,52 tỷ USD của cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 19,44 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 23,4 tỷ USD. Điều này góp phần làm tích cực cho cán cân thanh toán, ổn định tỷ giá và ổn định các chỉ số kinh tế vĩ mô khác của nền kinh tế.

Đạt được kết quả xuất siêu một phần là nhờ hoạt động xuất khẩu hàng hóa có sự bứt phá từ những tháng đầu năm đến nay. Trong quý I năm 2022, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước đạt 88,58 tỷ USD, tăng 12,9% so với cùng kỳ năm trước. Có 15 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm 80% tổng kim ngạch xuất khẩu (có 5 mặt hàng xuất khẩu trên 5 tỷ USD, chiếm 58%). Sang quý II/2022, kim ngạch xuất khẩu tiếp tục tăng 21% so với cùng kỳ năm trước và tăng 8,7% so với quý I/2022, giúp kim ngạch xuất khẩu hàng hóa 6 tháng đầu năm 2022



Vương quốc Anh - Việt Nam (UKVFTA) và Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện khu vực (RCEP) (có hiệu lực thi hành từ 1/1/2022). Theo số liệu của Bộ Công Thương, chỉ tính trong 6 tháng đầu năm 2022, việc cấp C/O mẫu CPTPP đạt 1,32 tỷ USD, tăng 22,1% so với cùng kỳ; cấp C/O mẫu EUR.1 sang EU đạt 5,84 tỷ USD, tăng 32,1% so với cùng kỳ...

Kiên định mục tiêu xuất khẩu

Trong những tháng cuối năm, kinh tế thế giới được dự báo còn nhiều khó khăn, nhiều nền kinh tế lớn có thể rơi vào suy thoái, lạm phát tăng cao ở hầu hết các quốc gia như khu vực EU, Hoa Kỳ... làm sụt giảm cầu hàng hóa nhập khẩu từ các nước, trong đó có Việt Nam trong thời gian tới.

Tuy nhiên, kỳ vọng nhu cầu đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam sẽ tiếp tục tăng cao theo chu kỳ xuất nhập khẩu hàng hóa và với việc thực thi các hiệp định thương mại tự do ngày càng toàn diện và hiệu quả hơn, hoạt động xuất khẩu được nhận định sẽ tiếp tục khởi sắc trong những tháng cuối năm và vượt mục tiêu đề ra cho xuất khẩu của cả năm 2022. Trong báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch năm 2022, dự kiến kế hoạch năm 2023 ngành công thương, Bộ Công Thương nhận định, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa cả năm 2022 ước đạt khoảng 368 tỷ USD, tăng khoảng 9,46% so với năm 2021, vượt mục tiêu Chính phủ giao (khoảng 8%). Về cán cân thương mại, dự kiến năm 2022 xuất siêu khoảng 1 tỷ USD, đạt mục tiêu kế hoạch.

Để hỗ trợ DN trong nước tận dụng tối đa các cơ hội xuất khẩu, trong những tháng cuối năm, Bộ Công Thương sẽ tiếp tục theo dõi chặt chẽ tình hình dịch bệnh Covid-19, tăng cường công tác

ước đạt 185,94 tỷ USD, tăng 17,3% so với cùng kỳ năm trước. Số mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD trong 6 tháng đầu năm 2022 tăng lên 28 mặt hàng, chiếm 90,6% tổng kim ngạch xuất khẩu (trong đó có 5 mặt hàng xuất khẩu trên 10 tỷ USD, chiếm 57,8%). Trong hai tháng 7 và 8, hoạt động xuất khẩu vẫn duy trì tốc độ tăng, đưa kim ngạch xuất khẩu hàng hóa 8 tháng năm 2022 ước đạt 250,8 tỷ USD, tăng 17,3% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 66,14 tỷ USD, tăng 18,4%, chiếm 26,4% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 184,66 tỷ USD, tăng 17%, chiếm 73,6%. Có 30 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm 91,8% tổng kim ngạch xuất khẩu, trong đó có 6 mặt hàng xuất khẩu trên 10 tỷ USD, chiếm 63,4%.

Hàng công nghiệp chế biến luôn là nhóm hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam. Trong 8 tháng năm 2022, nhóm hàng công nghiệp

chế biến chiếm 89%, bằng cùng kỳ năm trước, trái ngược với tỷ lệ khiêm tốn của các nhóm hàng nhiên liệu và khoáng sản chiếm 1,4%; nhóm hàng nông sản, lâm sản chiếm 6,6% và nhóm hàng thủy sản chiếm 3%. Xét về thị trường xuất khẩu, từ đầu năm đến nay, Hoa Kỳ vẫn luôn chiếm giữ vị trí là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam. 8 tháng năm 2022, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa sang thị trường này ước đạt 77,7 tỷ USD, chiếm 31% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa cả nước.

Kết quả trên đã cho thấy, sự hỗ trợ hiệu quả của các cơ quan quản lý nhà nước, sự nỗ lực, khả năng chống chịu, tính linh hoạt, sáng tạo của các doanh nghiệp (DN) biến thách thức thành cơ hội, tận dụng tốt các hiệp định thương mại tự do (FTA), đặc biệt các FTA thế hệ mới để thúc đẩy xuất khẩu như: Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA), Hiệp định thương mại tự do

thông tin dự báo sự thay đổi trong chính sách thương mại của các nước, các đối tác lớn và trao đổi hàng hóa giữa các quốc gia, giúp Chính phủ, các bộ, ngành, hiệp hội, DN kịp thời phản ứng, từ đó nâng cao khả năng cạnh tranh, thâm nhập thị trường hiệu quả của các mặt hàng xuất khẩu Việt Nam. Bên cạnh đó, hỗ trợ các doanh nghiệp nắm được nội dung cam kết, khai thác tốt các FTA; tiếp tục đổi mới, tổ chức các chương trình xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu cả trong và ngoài nước; đẩy mạnh công tác đơn giản hóa thủ tục hành chính thông qua ứng dụng số hóa trong giải quyết thủ tục, điển hình như trong các thủ tục hoàn thuế, thủ tục thông quan xuất nhập khẩu, cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O)... để tạo thuận lợi cho các hiệp hội và doanh nghiệp tham gia hoạt động xuất nhập khẩu. Đồng thời, sẽ tập trung hỗ trợ các doanh nghiệp trong việc tìm kiếm nguồn cung nguyên vật liệu thay thế với giá cả phù hợp để đảm bảo đủ nguyên, nhiên, vật liệu phục vụ cho sản xuất và tiêu dùng... chuẩn bị cho mùa mua sắm cuối năm.

Bên cạnh sự đồng hành của Bộ Công Thương, các ngành hàng cũng đều trong tâm thế chủ động thực hiện các giải pháp để đạt được mục tiêu xuất khẩu đã đề ra từ đầu năm.

Trong 8 tháng năm 2022, tình hình sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp dệt may gặp nhiều thuận lợi với lượng đơn hàng dồi dào, giúp mặt hàng dệt may luôn giữ vị trí trong Top 5 mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam. Tổng kim ngạch xuất khẩu 8 tháng năm 2022 ước đạt 26 tỷ USD, tăng 23,2% so với cùng kỳ năm 2021.

Những tháng còn lại của năm 2022, Hiệp hội Dệt May Việt Nam

(VITAS) dự báo ngành dệt may trong nước sẽ gặp nhiều khó khăn và thách thức lớn. Đó là, nhiều quốc gia như Trung Quốc, Nhật Bản, Đài Loan (Trung Quốc)... vẫn đang áp dụng các biện pháp nghiêm ngặt chống dịch, ảnh hưởng không nhỏ đến chuỗi cung ứng nguyên, phụ liệu và tiêu thụ sản phẩm, Giá nguyên, nhiên phụ liệu tăng cao liên tục do căng thẳng Nga - Ukraine vẫn đang diễn biến phức tạp; Tình trạng lạm phát cao tại các thị trường tiêu thụ dệt may lớn của Việt Nam như Mỹ, châu Âu... cũng gây bất lợi cho các doanh nghiệp xuất khẩu. Bên cạnh đó, nguy cơ tái bùng phát dịch bệnh Covid-19 và tình trạng thiếu hụt lao động vẫn đang diễn ra. Mặc dù vậy, ngành dệt may Việt Nam vẫn kiên định giữ vững mục tiêu xuất khẩu cho cả năm là 43,5 tỷ USD. Hiện toàn ngành đang chung sức, đồng lòng, nỗ lực tự chủ xử lý các tình huống trở ngại, thích ứng nhanh, bắt nhịp cùng xu thế thị trường; kết cấu lại thị trường xuất khẩu; đầu tư máy móc công nghệ, thay đổi thiết bị công nghệ nhằm thích ứng được yêu cầu từ các nước nhập khẩu; tăng cường giải pháp xây dựng đào tạo nguồn lực thích ứng với tình hình khó khăn của thị trường.

Hoạt động xuất khẩu mặt hàng giày dép cũng khá "thuận buồm xuôi gió" trong 8 tháng qua, khi có kim ngạch xuất khẩu đạt gần 16,5 tỷ USD, tăng 30,5% so cùng kỳ năm trước, là mức tăng cao nhất top 5 mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam. Mức tăng trưởng này khá đều ở các thị trường trọng điểm như Bắc Mỹ, EU và có sự phục hồi tích cực tại các thị trường có FTA. Ngành da giày đánh giá sẽ phải đối mặt với những bất ổn về nguồn cung nguyên liệu, đơn hàng chững lại, thiếu nguồn lao động...

trong những tháng cuối năm. Song với quyết tâm đạt mục tiêu xuất khẩu đã đặt ra là 20-25 tỷ USD, các DN trong ngành đang tích cực mở rộng sang các thị trường mà Việt Nam đã tham gia ký kết hiệp định thương mại tự do; đảm bảo nguyên liệu cho sản xuất, tăng tỷ lệ nội địa hóa trong thời gian tới và cố gắng tận dụng tốt cơ hội để có thể nhập khẩu công nghệ, thiết bị mới trong bối cảnh hướng đến sản xuất bền vững, sử dụng công nghệ xanh và sạch.

Mặc dù gỗ và các sản phẩm gỗ nằm trong top các mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu trên 10 tỷ (8 tháng đầu năm ước đạt 11,1 tỷ USD) song tốc độ tăng lại dừng ở con số khiêm tốn là 6,2% so cùng kỳ năm 2021. Các thị trường xuất khẩu đồ gỗ, nội thất quan trọng như EU, Hoa Kỳ, Anh đều giảm. Sự giảm tốc này đến từ nhiều nguyên nhân như đại dịch Covid-19, cuộc xung đột Nga - Ukraine, mức lạm phát cao tại nhiều quốc gia, đặc biệt tại các thị trường lớn trên thế giới. Khi hàng hóa trở nên đắt đỏ thì nhu cầu tiêu dùng về các sản phẩm không thiết yếu, trong đó có các sản phẩm về gỗ sẽ giảm là điều tất yếu. Điều này khiến cho lượng tồn kho sản phẩm đồ gỗ tại các thị trường nhập khẩu cao, dẫn đến việc các nhà nhập khẩu hạn chế mua hàng. Trước tình hình kinh tế thế giới như hiện nay, việc hoàn thành mục tiêu xuất khẩu 16,5 tỷ USD trong năm 2022 là rất khó khăn. Tuy nhiên, ngành gỗ vẫn đang "chắt chiu" từng cơ hội để về đích đúng hẹn.

"Quả ngọt" trong những tháng qua cùng sự quyết tâm của ngành Công Thương cũng như các ngành hàng chính là niềm tin để Việt Nam hoàn thành mục tiêu xuất khẩu và tiếp tục duy trì đà xuất siêu năm 2022./.



Thúc đẩy tiến độ GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022

ThS. Trần Thị Đào
Đại học Công đoàn

Năm 2022, tổng số vốn cần được giải ngân là rất lớn với 542 nghìn tỉ đồng, nhiều hơn khoảng 110 nghìn tỷ đồng so với năm 2021 và gấp hơn 2,5 lần so với năm 2016. Để chỉ đạo, điều hành kế hoạch đầu tư công năm 2022, từ đầu năm đến nay, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành 09 Nghị quyết (trong đó có 02 Nghị quyết chuyên đề về giải ngân vốn đầu tư công), 03 công điện, 07 văn bản; thành lập 06 Tổ công tác kiểm tra, đôn đốc giải ngân vốn đầu tư công và tổ chức hội nghị trực tuyến với các bộ, cơ quan trung ương, địa phương. Thế nhưng, những con số thống kê cho thấy tiến độ giải ngân tại các bộ, ngành và địa phương khá "lạc".

Theo báo cáo tình hình thanh toán vốn đầu tư nguồn NSNN lũy kế 7 tháng, ước thực hiện 8 tháng kế hoạch năm 2022 của Bộ Tài chính, về giải ngân vốn kế hoạch năm 2022, lũy kế thanh toán từ đầu năm đến 31/7/2022 là 177,8 nghìn tỷ đồng, đạt 29,74% kế hoạch

Từ đầu năm đến nay, trong bối cảnh dịch Covid-19 được kiểm soát tốt, hoạt động sản xuất, kinh doanh đang trên đà phục hồi mạnh, Chính phủ đã có nhiều giải pháp để cùng các bộ, ngành và địa phương triển khai giải ngân vốn đầu tư công. Tuy nhiên, câu chuyện "có tiền mà không tiêu được" vẫn kéo dài, chưa chuyển biến mạnh.

và đạt 32,80% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao (thấp hơn những con số của cùng kỳ năm 2021 là đạt 30,61% kế hoạch và đạt 34,77% kế hoạch Thủ tướng giao). Trong đó: Vốn trong nước là 173,3 nghìn tỷ đồng (đạt 30,77%, kế hoạch giao là 563,2 nghìn tỷ đồng). Vốn nước ngoài là 4,5 nghìn tỷ đồng (đạt 12,99%, kế hoạch giao là 34,8 nghìn tỷ đồng).

Ước thanh toán từ đầu năm đến 31/8/2022 là 212,2 nghìn tỷ đồng, đạt 35,49% kế hoạch, đạt 39,15% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao (thấp hơn cùng kỳ năm trước là đạt 35,74% kế hoạch và đạt 40,60% kế hoạch). Trong đó, vốn trong nước là 207,3 nghìn tỷ đồng (đạt 36,82% kế hoạch và đạt 40,87% kế hoạch). Vốn nước ngoài là 4,9 nghìn tỷ đồng, đạt 14,02% kế hoạch.

Cũng theo báo cáo của Bộ Tài chính, chỉ có 7 Bộ và 12 địa phương có tỷ lệ giải ngân đạt trên 45%. Một số Bộ, địa phương có tỷ lệ giải ngân đạt cao gồm: Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (73,17%); Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam (51,91%), Tiền Giang (63,5%), Thái Bình (57,9%), Phú Thọ (57,2%), Long An (55,1%). Có 35/51 Bộ và 20/63 địa phương có tỷ lệ giải ngân đạt dưới 35%, trong đó có 27 Bộ và 03 địa phương có tỷ lệ giải ngân dưới 20%. Các địa phương có tỉ lệ giải ngân vốn 8 tháng ước đạt dưới 35% gồm: TP HCM (17,1%), Cao Bằng (17,4%),

Hà Giang (19,12%), Phú Yên (20,8%), Đắk Lắk (23,3%), Gia Lai (24,4%), Cần Thơ (26%), Hà Nội (29%), Điện Biên (29,4%)... Điều này cho thấy cách làm của lãnh đạo các địa phương chưa thực sự hiệu quả, cũng như vai trò của chủ đầu tư, ban quản lý các dự án chưa được thể hiện rõ. Với tiến độ như hiện nay thì khó về đích.

Một số bộ, cơ quan trung ương trong 8 tháng đầu năm giải ngân chỉ đạt dưới 10% là: Bộ Y tế đạt 4,17%, Viện Khoa học Công nghệ Việt Nam 4,57%, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam 5,26%, Thanh tra Chính phủ 6,79%... Các cơ quan có con số giải ngân chỉ dưới 15% kế hoạch như: Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Công an, Đại học Quốc gia Hà Nội...

Tổng hợp từ báo cáo của các bộ, ngành và địa phương cho thấy, những tồn tại, khó khăn vướng mắc về đầu tư công thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau, được phân thành 03 nhóm chính. Nhóm nội dung liên quan đến thể chế, chính sách (trong các lĩnh vực đất đai, tài nguyên, môi trường, ngân sách nhà nước và công sản, xây dựng, đầu thầu và đầu tư công). Nhóm nội dung liên quan đến tổ chức triển khai thực hiện, trong đó khó khăn trong công tác giải phóng mặt bằng là vấn đề không mới nhưng vẫn nan giải trong việc thực hiện các dự án, mà trọng tâm là khó khăn trong việc xác định nguồn gốc đất, xác định giá đất, quỹ nhà tái định cư... Nhóm khó khăn mang tính đặc thù của kế hoạch năm 2022, ví dụ như giá của các loại vật liệu xây dựng tăng đột biến, đặc biệt là giá xăng dầu, sắt, thép, đất, cát... tăng mạnh, dẫn đến dự toán vượt so với tổng mức đầu tư được duyệt. Do đó, nhiều dự án phải thực hiện điều chỉnh

theo hướng tăng tổng mức đầu tư hoặc thay đổi giải pháp thiết kế hoặc giảm quy mô đầu tư để đảm bảo nguồn lực triển khai.

Với tổng số vốn cần được giải ngân lớn là trên 540 nghìn tỉ đồng và với tiến độ giải ngân hiện nay thì rõ ràng việc giải ngân vốn đầu tư công đang ở giai đoạn nước rút. Tại cuộc họp thường kỳ tháng 7 diễn ra vào đầu tháng 8/2022, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính yêu cầu các bộ ngành, địa phương đề cao hơn nữa trách nhiệm người đứng đầu; tự rà soát lại các thủ tục, công việc cần triển khai để chỉ đạo thực hiện đúng quy định, tránh tiêu cực, tham nhũng; rà soát các quy định thuộc phạm vi quản lý, sửa đổi trong trường hợp cần thiết. Thủ tướng giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, đề xuất điều chỉnh vốn giữa các bộ ngành, địa phương; các bộ ngành, địa phương tự điều chỉnh vốn trong nội bộ để tạo chuyển biến thực sự trong thời gian tới.

Để kịp thời có các giải pháp quyết liệt, hiệu quả nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công năm 2022, ngày 16/8/2022, Thủ tướng Chính phủ đã có công văn số 727/TTg-KTTH phân công Tổ công tác kiểm tra đôn đốc giải ngân vốn đầu tư công năm 2022 tại một số Bộ, cơ quan, địa phương. Cụ thể, Thủ tướng Chính phủ giao 06 Tổ công tác được thành lập theo Quyết định số 548/QĐ-TTg ngày 02/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ tiếp tục kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công năm 2022 tại 41 bộ, cơ quan trung ương và 18 địa phương có kết quả giải ngân đến ngày 31/7/2022 dưới mức trung bình của cả nước (34,47%). Thời gian thực hiện kiểm tra, đôn đốc là đến hết 31/8/2022.

Thúc đẩy tiến độ giải ngân vốn đầu tư công là một trong những nội dung trọng điểm tại Phiên họp bất thường của Ủy ban Thường vụ Quốc hội diễn ra ngày 29/8/2022 vừa qua. Trên cơ sở báo cáo của Chính phủ, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị Chính phủ chỉ đạo các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương tập trung triển khai các giải pháp thúc đẩy tiến độ giải ngân vốn đầu tư công năm 2022; tiếp tục rà soát từ nay đến cuối năm, trên cơ sở đảm bảo tuân thủ nguyên tắc, tiêu chí, mục tiêu và bảo đảm khả năng giải ngân vốn, báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội xem xét, quyết định để có thể tiếp tục triển khai vốn điều hòa, sử dụng vốn hiệu quả, đúng quy định của pháp luật.

Ủy ban Thường vụ Quốc hội cũng thống nhất ban hành Nghị quyết về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán chi đầu tư phát triển vốn ngân sách trung ương năm 2022 cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương, bao gồm cả việc bố trí vốn điều hòa của kế hoạch đầu tư công trung hạn, bảo đảm đúng quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, Nghị quyết 43/2022/QH15 và Nghị quyết 29/2021/QH15. Trong đó, sẽ điều chỉnh giảm dự toán chi đầu tư phát triển vốn ngân sách trung ương năm 2022 là hơn 3,3 nghìn tỷ đồng để bổ sung dự toán cho các nhiệm vụ, dự án đủ điều kiện bố trí vốn theo quy định. Bổ sung trên 14,8 nghìn tỷ đồng dự toán chi đầu tư phát triển vốn ngân sách trung ương năm 2022 cho 253 nhiệm vụ, dự án sử dụng vốn ngân sách Trung ương trong nước đã được Thủ tướng Chính phủ giao Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; bổ sung 18,6 nghìn tỷ đồng dự toán chi đầu tư phát triển vốn ngân sách

trung ương năm 2022 cho 4 nhiệm vụ thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; bổ sung 4,7 nghìn tỷ đồng dự toán chi đầu tư phát triển vốn ngân sách trung ương năm 2022 cho 01 dự án thuộc trách nhiệm của ngân sách trung ương.

Thực hiện chủ trương đó, ngày 15/9/2022 mới đây, Nghị quyết số 124/NQ-CP của Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công những tháng cuối năm 2022 đã chính thức được ban hành. Nghị quyết đặt mục tiêu phần đầu tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước năm 2022 đạt 95 - 100% kế hoạch được Thủ tướng Chính phủ giao; giải ngân 100% vốn ngân sách địa phương. Giải ngân tối thiểu 50% vốn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội được giao trong năm 2022.

Để đạt được mục tiêu trên, Nghị quyết đưa ra 02 nhóm nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm là: Rà soát, hoàn thiện các quy định pháp luật để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về thể chế, cơ chế, chính sách; Tổ chức triển khai quyết liệt các giải pháp thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công. Trong đó, Nghị quyết đặt ra các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể đối với từng bộ, ngành và các địa phương.

Hy vọng rằng, với sự chỉ đạo quyết liệt của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Chính phủ, giải ngân vốn đầu tư công sẽ đạt tiến độ theo kế hoạch giao, giúp thúc đẩy tăng trưởng và thể hiện được vai trò như dòng vốn mới dẫn dắt nền kinh tế./.

XUẤT KHẨU NÔNG, LÂM, THỦY SẢN CỦA VIỆT SANG EU: HƯỚNG ĐẾN TRÁCH NHIỆM, MINH BẠCH VÀ BỀN VỮNG

Trúc Linh

Liên minh châu Âu (EU) là một trong các thị trường xuất khẩu nông sản lớn nhất của Việt Nam. Hiệp định EVFTA là cơ hội để nông sản Việt liên kết sâu rộng vào thị trường lớn, có giá bán cao, nhưng cũng là thách thức đòi hỏi các doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu cần phải thay đổi mạnh mẽ hơn nữa, hướng tới xây dựng thương hiệu theo định hướng trách nhiệm, minh bạch để tăng trưởng xuất khẩu bền vững sang thị trường “khó tính” này.

Tăng trưởng mạnh mẽ

Theo số liệu của Bộ Công Thương, kim ngạch thương mại hai chiều Việt Nam-EU liên tục tăng trưởng trong những năm qua, đặc biệt là từ khi hiệp định EVFTA có hiệu lực vào tháng 8/2020. Năm 2021, con số này đạt 57 tỷ USD, tăng 14,5% so với cùng kỳ năm 2020. 6 tháng đầu năm 2022, kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa giữa Việt Nam và EU tăng 15% so với cùng kỳ năm ngoái và ghi nhận mức xuất siêu của Việt Nam sang EU tăng gần 40%. Đáng chú ý, xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang hầu hết các thị trường trong khối EU ghi nhận sự tăng trưởng tốt, khi kim ngạch xuất khẩu sang nhiều thị trường lớn trong Khối đạt mức tăng trưởng 2 con số, đặc biệt là gạo có mức tăng trưởng 3 con số. Đây là thành quả tăng trưởng rất ấn tượng trong lĩnh vực nông sản thực phẩm giữa EU và Việt Nam.

Theo đánh giá của Bộ Công Thương, nông, lâm thủy sản là các mặt hàng được hưởng ưu đãi lớn từ Hiệp định EVFTA đã ghi nhận mức tăng trưởng cao, trong đó, gạo, cà phê, thủy sản, tiêu, điều, rau quả, gỗ và sản phẩm gỗ tiếp tục đà phục hồi và tăng rất ấn tượng. Đơn cử, tổng kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng nông sản chính của Việt Nam (bao gồm cà phê, hạt điều, cao su, rau quả, hạt tiêu, gạo và chè) sang thị trường EU trong 11 tháng năm 2021 đạt khoảng 2,2 tỷ USD và tăng 10,1% so với cùng kỳ năm 2020. Với kết quả này, EU là một trong những thị trường xuất khẩu nông sản lớn nhất của Việt Nam, chiếm 13,7% trong tổng kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng nông sản chính.

Kể từ khi EVFTA có hiệu lực, giá gạo xuất khẩu của Việt Nam sang EU đã tăng thêm 10 - 20 USD/tấn. Giá gạo xuất khẩu sang thị trường EU cao hơn mức trung bình ngành gạo do chủng loại gạo xuất khẩu vào thị trường này chủ yếu là gạo thơm có giá trị cao. Dòng gạo thơm của Việt Nam được đánh giá đang có thể mạnh để đẩy mạnh xuất khẩu vào thị trường EU.

Bên cạnh đó, nông sản của Việt Nam xuất sang EU cũng có nhiều lợi thế khác. Chẳng hạn như, do ảnh hưởng của xung đột Nga - Ukraine, giá một số loại thủy sản tại EU tăng vọt như: Cá ngừ, tôm, cá hồi... Trong khi đó việc thiếu hụt nguồn cung các loại thủy sản ở EU đang tạo cơ hội để sản phẩm cá tra Việt Nam tăng thị phần ở thị trường này.

Theo thông tin của Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP), nếu trước đây, giá cá tra bình quân xuất khẩu sang EU chỉ đạt 2,7 USD/kg, thì trong 6 tháng đầu năm 2022, giá xuất khẩu sang khu vực này đạt bình quân 3,45 USD/kg.

Đánh giá từ cơ quan chức năng cho thấy, EVFTA là hiệp định thương mại tự do thế hệ mới được các ngành tận dụng khá tốt cơ hội từ việc cắt giảm thuế quan của EU. Trong 6 tháng năm 2022, các ngành hàng có tỷ lệ sử dụng mẫu C/O EVFTA cao, gồm: Gạo, thủy sản, rau quả, chè, giày dép, bánh kẹo và sản phẩm từ ngũ cốc...

Theo Trung tâm VASEP.PRO thuộc Hiệp hội Chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP) thông tin năm đầu tiên, tỷ lệ sử dụng chứng nhận xuất xứ ưu đãi theo Hiệp định EVFTA đạt 14,8% và tăng vọt lên mức 20,7% vào năm thực thi hiệp định này, trong đó, một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực có tỷ lệ sử dụng C/O cao như: Thủy sản



là 78,89%, rau quả 65,58%, gạo 100%, hàng dệt may 15,17%... Đáng chú ý, tỷ lệ sử dụng C/O theo Hiệp định EVFTA đối với các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam vào năm thứ hai đều tăng so với năm đầu thực thi. Điều này cho thấy, doanh nghiệp đã từng bước tận dụng hiệu quả các cam kết về thuế quan của Hiệp định EVFTA...

Vụ Chính sách Thương mại đa biên (Bộ Công Thương) nhìn nhận, EVFTA là hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, tiêu chuẩn cao nhưng được Việt Nam tận dụng cơ hội tốt hơn nhiều so với các FTA khác khi có hiệu lực. Một trong những chỉ số thể hiện tích cực đó là tỷ lệ tận dụng ưu đãi của doanh nghiệp Việt Nam thông qua giấy chứng nhận xuất xứ (C/O) mà doanh nghiệp cấp để tận hưởng ưu đãi khi hàng hóa của Việt Nam đi vào EU. Ước tính, trong 6 tháng đầu năm 2022, tỷ lệ này đã có tốc độ tăng rất mạnh, lên đến trên 32% và với tỷ lệ này thì khoảng 1/4 hàng xuất khẩu của Việt Nam hiện nay sang EU đã được nhận được một số hình thức ưu đãi nhất định theo Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam - EU. Đây cũng là một trong những tỷ lệ rất khá, cao hơn khoảng hơn 4 lần so với tỷ lệ tận dụng ưu đãi mà Việt Nam đạt được trong Hiệp định CPTPP.

Có thể nói, với "chất xúc tác" từ EVFTA, xuất khẩu của Việt Nam

sang EU tăng trưởng rất tích cực. Bộ Công Thương dự báo, trên đà tăng trưởng năm 2021, năm 2022, thị trường xuất khẩu sẽ tiếp tục mở rộng ở nhiều quốc gia. Các mặt hàng như: Cà phê, hạt điều, cao su, rau quả, hạt tiêu, gạo và chè tiếp tục là những mặt hàng đóng góp lớn vào tổng kim ngạch xuất khẩu ngành hàng đối với thị trường EU, và sẽ tăng trưởng mạnh trong năm 2022. Theo số liệu của Bộ Công Thương, quý I/2022, Việt Nam xuất hơn 22,5 nghìn tấn (18 triệu USD) gạo sang EU, tăng 4 lần về lượng và giá trị so với cùng kỳ năm 2021; xuất khẩu gỗ và đồ gỗ sang EU năm 2021 đạt 14 tỷ USD, tăng 17%; Tỷ trọng xuất khẩu hồ tiêu tăng từ 20% trong quý I/2021 đến 28% trong quý I/2022. Các ngành sản xuất như nông sản, dệt may, giày dép, gỗ, linh kiện điện tử... đã đưa ra kế hoạch tăng trưởng hơn 10% so với năm 2021.

Xây dựng uy tín, hướng tới phát triển bền vững

Nhờ Hiệp định EVFTA, những ưu đãi về thuế quan đã khuyến khích doanh nghiệp Việt đẩy mạnh phát triển sản phẩm theo chiều sâu từ sản lượng đến giá trị gia tăng, nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm. Nhiều doanh nghiệp Việt đang trong tâm thế coi Hiệp định EVFTA là chìa khóa để vào thị trường EU tốt hơn nhằm hướng tới



mục tiêu không chỉ là sẽ có khách hàng, có sản lượng mà là sự chuẩn bị, đầu tư để tạo niềm tin với nhà nhập khẩu. Các doanh nghiệp không chỉ lo khai thác tối đa thuế quan mà quên đi chuyện đầu tư cho lâu dài. Họ đã cùng với nhà nhập khẩu mở rộng sản phẩm theo xu hướng thị trường. Có thể nói, Hiệp định EVFTA đã giúp tạo niềm tin giữa doanh nghiệp hai bên, xác lập các vấn đề kinh doanh lâu dài, ổn định. Các nhà nhập khẩu cũng đánh giá và chọn lựa Việt Nam là nguồn cung cấp ổn định hơn so với trước đây. Đây là yếu tố giúp cho thị trường nông sản Việt tăng trách nhiệm, uy tín trên thị trường quốc tế, cũng như góp phần tăng trưởng ổn định và bền vững.

Mặc dù được hưởng lợi từ thuế trong các Hiệp định Thương mại tự do thế hệ mới nói chung và EVFTA nói riêng, nhưng nông sản Việt cũng gặp thách thức với các hàng rào kỹ thuật. EU là một thị trường với những yêu cầu cao, khắt khe về các biện pháp kiểm dịch động, thực vật (SPS). Để tăng cường vị thế và uy tín nông sản Việt Nam tại thị trường này, các doanh nghiệp Việt đã và đang cố gắng cải thiện chất lượng, tuân thủ đầy đủ các tiêu chuẩn, quy định của EU bằng việc đẩy mạnh hơn nữa việc cung cấp những chứng nhận rõ ràng, minh bạch, trung thực và chính xác.

Bên cạnh đó, doanh nghiệp Việt cũng cần hướng tới các yếu tố

phát triển bền vững vì người tiêu dùng EU đang ngày càng quan tâm đến cách sản phẩm được tạo ra có đáp ứng được các yếu tố bảo vệ môi trường hay bảo vệ quyền lợi người lao động. Mặc dù điều kiện nhập khẩu rất dễ vì hầu hết sản phẩm nhập khẩu vào EU không yêu cầu phải có mã số vùng trồng, mã cơ sở đóng gói; không yêu cầu khắt khe về xử lý kiểm dịch thực vật như: Khử trùng, xử lý hơi nước nóng... Nhưng EU thiên về hậu kiểm, nên sản phẩm đảm bảo về an toàn thực phẩm phải đạt dưới mức dư lượng tối đa thuốc bảo vệ thực vật và thuốc thú y (MRL) và doanh nghiệp phải đạt tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng trong an toàn thực phẩm - HACCP.

Tham tán thương mại Việt tại châu Âu khuyến nghị, nếu các doanh nghiệp đầu tư vào sản phẩm chế biến thì việc thiết kế mẫu mã, bao bì phù hợp với thị trường, thị hiếu rất quan trọng, vì EU phân loại các sản phẩm theo các đối tượng khách hàng khác nhau. Để doanh nghiệp có thể thâm nhập cung cấp sản phẩm cho các nhà máy chế biến thực phẩm hoặc xuất khẩu trực tiếp để phân phối vào các cửa hàng tiện ích thì mẫu mã phải thân thiện với môi trường. Một số nước đã khuyến khích sử dụng vật liệu có thể tái chế.

Ngoài ra, EU luôn cập nhật, gia tăng các biện pháp SPS. Doanh nghiệp Việt cũng cần kiểm soát tốt mức dư lượng tối đa thuốc bảo vệ thực vật và thuốc thú y cho phép trong sản phẩm. Nếu hàng hóa không đạt yêu cầu thì EU sẽ đưa ra các biện pháp kiểm soát bổ sung như ngoài chứng nhận kiểm dịch sẽ thêm giấy chứng nhận an toàn thực phẩm, tăng tần suất kiểm tra sản phẩm... Khi mức độ vi phạm vẫn tăng, mặt hàng đó sẽ dễ bị dừng xuất khẩu vào EU.

Hiện nay, một số nông sản Việt Nam đang chịu mức kiểm soát chặt chẽ của thị trường này như rau gia vị, thanh long...

Tuy Hiệp định EVFTA có yêu cầu về những chuẩn mới như môi trường, lao động... nhưng theo các chuyên gia đánh giá, đây cũng là động lực để các doanh nghiệp nông sản đầu tư đáp ứng cho không chỉ với thị trường châu Âu mà còn cho các thị trường khác, góp phần mở rộng thương mại với thị trường EU cũng như các thị trường khác.

EVFTA cũng là hiệp định đầu tiên và duy nhất có bảo hộ chỉ dẫn địa lý. Đã có 39 bảo hộ chỉ dẫn địa lý, mang lại lợi ích tốt hơn cho nông dân và doanh nghiệp như nước mắm Phú Quốc, trà Mộc Châu, bưởi Đoan Hùng... Để đảm bảo mức tăng trưởng này mạnh mẽ và bền vững, hai bên có thể thêm các sản phẩm mới (từ cả Việt Nam và EU) vào danh sách các chỉ dẫn địa lý được bảo hộ trong EVFTA. Vì vậy, việc mở rộng bảo hộ chỉ dẫn địa lý có thể được thông qua đàm phán trong thời gian tới.

Theo Bộ Công Thương, thời gian tới, kim ngạch xuất khẩu nông sản của Việt Nam sang thị trường EU được dự báo sẽ tăng trưởng mạnh mẽ hơn khi dịch Covid-19 được kiểm soát, EU dần nới lỏng các biện pháp phòng dịch, mở cửa thông thương thuận tiện hơn, các doanh nghiệp xuất khẩu của Việt Nam cũng trải qua thời gian thích nghi với các cam kết tại EVFTA, đặc biệt là các cam kết về quy tắc xuất xứ. Đây sẽ là những tiền đề quan trọng để nông sản Việt Nam nắm bắt cơ hội, đẩy mạnh xuất khẩu, xây dựng thương hiệu, mở rộng thị phần tại thị trường các quốc gia châu Âu, cũng như tạo sự minh bạch, có trách nhiệm với cộng đồng, nâng cao uy tín trên trường quốc tế và hướng tới phát triển bền vững./

Phòng ngừa tranh chấp, lừa đảo TRONG THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

Minh Hà

Quá trình hội nhập kinh tế sâu rộng cùng với việc tham gia ngày càng nhiều các Hiệp định thương mại tự do mang đến cho nền kinh tế Việt Nam nhiều cơ hội lớn, đồng thời cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro trong thương mại quốc tế. Vì vậy, doanh nghiệp xuất nhập khẩu Việt Nam cần trang bị tốt ở nhiều lĩnh vực cả về tiềm lực, thông tin, kiến thức, năng lực ứng phó để phòng ngừa những tranh chấp và lừa đảo có thể phát sinh trong các hoạt động thương mại ra nước ngoài.



Theo Hiệp hội Chuyên gia chống lừa đảo toàn cầu (Association of Certified Fraud Examiners), mỗi năm, các doanh nghiệp trên toàn thế giới phải gánh chịu khoảng 5% tổng doanh thu do thiệt hại từ lừa đảo thương mại. Giá trị trung bình của một vụ lừa đảo là 1,7 triệu USD, giá trị trung vị là 117 nghìn USD. Khảo sát tội phạm kinh tế và gian lận toàn cầu 2022 của PwC cũng cho thấy, có tới 49% doanh nghiệp được khảo sát cho biết họ là nạn nhân của lừa đảo và tội phạm kinh tế trong 2 năm trước thời điểm khảo sát vào năm 2018, con số này là 47% trước năm 2020 và 46% trước năm 2022. Việc phân loại đối tượng lừa đảo được chia ra như sau: 43% là từ đối tượng bên ngoài, 31% từ nội bộ doanh nghiệp, còn 26% là thông đồng giữa bên ngoài và nội bộ doanh nghiệp. Đối với lừa đảo, tội phạm từ đối tượng bên ngoài doanh nghiệp, có 31% đối tượng là hacker, 29% là khách hàng, 28% là tội phạm có tổ chức, 20% là người bán hàng hoặc nhà cung cấp, 15% là đại lý hoặc người môi giới, 14% là đối thủ của doanh nghiệp,

12% là đối tác liên minh/liên doanh, còn lại từ những đối tượng khác.

Đối với các doanh nghiệp Việt Nam, có tới 52% doanh nghiệp cho biết họ đã bị lừa đảo hoặc tội phạm kinh tế khác trong vòng 2 năm trước thời điểm khảo sát, cao hơn mức 46% của khu vực châu Á - Thái Bình Dương và mức 49% của toàn cầu. Trong đó, đối với đối tượng lừa đảo, tội phạm từ bên ngoài, có đến 36% các vụ việc là do khách hàng; 21% là từ đối tượng người bán hàng; các đối tượng là đại lý/người môi giới, hackers, tội phạm có tổ chức, và những đối tượng khác đồng loạt chiếm 14%; cùng chiếm 7% là từ đối tượng nước ngoài và đối tượng không biết danh tính.

Một trong các nguyên nhân quan trọng dẫn tới tranh chấp, lừa đảo được đưa ra đó là do các doanh nghiệp Việt Nam chưa chú trọng các biện pháp chống lừa đảo. Tại Hội thảo "Phòng ngừa tranh chấp, lừa đảo trong thương mại quốc tế" do Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) tổ chức vào tháng 8/2022, các chuyên gia nhận định, mặc dù chiếm tỷ lệ cao về số doanh nghiệp là nạn nhân

của lừa đảo, tội phạm thương mại nhưng các doanh nghiệp Việt Nam thường có xu hướng không muốn báo cáo cho cơ quan nhà nước. Lý do chủ yếu mà doanh nghiệp đưa ra đó là không thực sự tin tưởng vào cơ quan cũng như năng lực chuyên môn của cơ quan nhà nước và lo ngại việc thông tin bị lộ ra bên ngoài có thể gây ảnh hưởng đến khả năng khắc phục thiệt hại hoặc uy tín của doanh nghiệp.

Tuy nhiên, trước thực trạng tội phạm lừa đảo thương mại xuyên quốc gia ngày càng có nhiều thủ đoạn tinh vi và các công cụ hỗ trợ đắc lực, doanh nghiệp cần có cái nhìn tổng quan, đa chiều và cần tăng cường kết nối, hợp tác để có thể nhận được những sự giúp đỡ tối đa khi không may xảy ra vụ việc lừa đảo, gian lận. Vụ lừa đảo nhằm chiếm đoạt 76 container điều với giá trị lên tới hàng nghìn tỷ đồng của doanh nghiệp Việt Nam gây xôn xao dư luận vào tháng 3/2022 đã gióng lên hồi chuông lớn cảnh báo đối với các doanh nghiệp ngành Điều nói riêng và doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam nói chung về tình hình lừa đảo,

tội phạm trong thương mại quốc tế. Đây là vụ lừa đảo lớn nhất trong lịch sử ngành Điều và cũng là lần đầu tiên trong lịch sử 30 năm giao dịch quốc tế có nhiều doanh nghiệp cùng là nạn nhân của một vụ lừa đảo thương mại như vậy. Nhờ sự vào cuộc mạnh mẽ của Chính phủ, các cơ quan Bộ, ngành, Hiệp hội, Đại sứ quán, Thương vụ Việt Nam tại Ý... thiệt hại đã được khắc phục đến mức thấp nhất. Các doanh nghiệp Việt Nam đã không mất một container nào vào tay nhóm lừa đảo, mặc dù đã bị chiếm đoạt gần 40 bộ chứng từ gốc của gần 40 container.

Số liệu từ Tổng cục Thống kê cho thấy, hoạt động thương mại quốc tế trong 8 tháng năm 2022, đạt kết quả khả quan với tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa ước đạt 497,64 tỷ USD, tăng 15,5% so với cùng kỳ năm trước; trong đó xuất khẩu tăng 17,3%; nhập khẩu tăng 13,6%, tạo cơ sở để GDP tăng trưởng cao và kim ngạch xuất nhập khẩu cả năm 2022 vượt mốc 700 tỷ USD. Cán cân thương mại hàng hóa 8 tháng năm 2022 ước tính xuất siêu 3,96 tỷ USD. Kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam không ngừng tăng trưởng qua các năm, đặc biệt với những ưu đãi lớn từ các Hiệp định thương mại gần đây hứa hẹn tăng trưởng thương mại của Việt Nam sẽ ngày càng mạnh mẽ. Song song với đó là khả năng gia tăng các sự vụ tranh chấp, lừa đảo trong thương mại quốc tế. Vì vậy, doanh nghiệp xuất nhập khẩu Việt Nam cần chuẩn bị sẵn những biện pháp nhằm phòng ngừa và các phương án xử lý khi không may vướng vào tranh chấp hoặc trở thành nạn nhân của lừa đảo trong thương mại quốc tế.

Khuyến nghị của chuyên gia được đưa ra trong Hội thảo Phòng ngừa tranh chấp, rủi ro thương mại quốc tế do VCCI tổ chức

được đưa ra xét trên căn cứ của thương vụ lừa đảo lớn và có thể là những thông tin hữu ích cho các doanh nghiệp xuất nhập khẩu Việt Nam. Cụ thể: Doanh nghiệp nên sử dụng một bộ vận đơn thứ cấp thay cho bộ chứng từ gốc để đề phòng chứng từ gốc bị thất lạc. Chỉ định ngân hàng quốc tế có uy tín tại nước nhập khẩu để thu hộ và ký vận đơn hay giao chứng từ, chi phí tăng thêm cho việc này không đáng kể so với giá trị lô hàng để bảo đảm an toàn. Mỗi giới thương mại là dịch vụ khá phổ biến và thực tế cũng cho thấy những đóng góp của người môi giới qua các đơn hàng, tuy nhiên cần hiểu rõ địa vị pháp lý của đơn vị môi giới để sử dụng đúng và hạn chế rủi ro. Doanh nghiệp cũng cần yêu cầu bên mua đặt cọc một số tiền nhỏ để giảm thiệt hại khi người mua không nhận hàng; thông thường khoảng 10% trị giá lô hàng. Việc này là hợp lý kể cả trong trường hợp người mua mua theo điều kiện FOB (FCA). Cần bảo mật thông tin về hãng chuyển phát bộ chứng từ và doanh nghiệp có quyền làm việc đó mà chỉ cần cung cấp cho bên mua biết khoảng thời gian liên hệ với ngân hàng nhờ thu để thanh toán tiền hàng, nhận chứng từ nhằm nâng cao sự an toàn cho bộ chứng từ gốc.

Bên cạnh đó, việc lựa chọn đối tác gần như là khâu quyết định của các doanh nghiệp để có một thương vụ làm ăn thành công hay không. Vì vậy, đối với đối tác giao dịch lần đầu hoặc đột ngột đặt đơn hàng lớn, doanh nghiệp cần thận trọng tìm hiểu, điều tra kỹ lưỡng thông tin của đối phương. Doanh nghiệp có thể tìm hiểu thông tin qua bạn hàng cùng hiệp hội ngành nghề hoặc chủ động gửi bản scan giấy phép đăng ký kinh doanh của mình trước cho đối tác để có cơ sở đề nghị họ gửi lại thông tin

tương tự của họ cho mình. Ngoài ra, doanh nghiệp có thể nhờ tới sự giúp đỡ để kiểm tra thông tin từ Đại sứ quán, thương vụ Việt Nam ở nước sở tại.

Doanh nghiệp nên thuê tư vấn soạn thảo hợp đồng, quá trình giao thương nên sử dụng số điện thoại bàn, email của công ty và các thông tin về tên người liên hệ, số fax, địa chỉ, email... nên đưa vào nội dung hợp đồng khi giao dịch chính thức. Đồng thời nâng cao khả năng phòng tránh, đối phó với các trường hợp tranh chấp, lừa đảo thương mại bằng cách nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nội tại, cử người tham gia các lớp học chuyên môn, tham gia hội thảo, nâng cao hiểu biết pháp luật thương mại quốc tế cũng như nhận diện được những rủi ro tương tự trong hoạt động thương mại, từ đó phòng, tránh tranh chấp, lừa đảo khi thực hiện các giao dịch xuất nhập khẩu. Việc thanh toán cũng cần doanh nghiệp cân nhắc lựa chọn cẩn thận, ưu tiên các phương thức thanh toán an toàn, ví dụ như thanh toán bằng thư tín dụng (L/C).

Khi xảy ra sự việc tranh chấp, lừa đảo, doanh nghiệp cần phối hợp chặt chẽ, nhanh chóng với các cơ quan chức năng, Hiệp hội, tổ chức nội ngành và cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài để nhận được sự giúp đỡ. Đối với các vụ việc tranh chấp, cân nhắc việc dùng Trọng tài quốc tế giải quyết tranh chấp thay cho Tòa án quốc tế để có thể linh hoạt và nhanh chóng khi sự việc xảy ra. Đối với các vụ việc lừa đảo, doanh nghiệp nên thông báo cho bạn hàng, Hiệp hội trong và ngoài ngành mình tham gia để phòng tránh chung, gửi thông tin cho Hiệp hội, tổ chức mà bên lừa đảo là thành viên (nếu có) để tố cáo và bảo lưu quyền đòi bồi thường với những tài liệu, chứng cứ đã có./.

Hệ thống an sinh xã hội đạt nhiều thành tựu

Tại Việt Nam, hệ thống an sinh xã hội được hình thành từ các trụ cột cơ bản, bao gồm: Giảm nghèo bền vững; đào tạo nghề, lao động, việc làm; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, các loại bảo hiểm khác; bảo trợ xã hội và các dịch vụ xã hội cơ bản. Theo đánh giá, kể từ năm 2012, nước ta đã có những bước tiến đáng kể trong việc tăng cường hệ thống an sinh xã hội. Cụ thể, tại Nghị quyết số 15-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 5 (khóa XI) về “Một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020” đã đặt ra mục tiêu cụ thể: Đến năm 2020, cơ bản bảo đảm an sinh xã hội toàn dân, bảo đảm mức tối thiểu về thu nhập, giáo dục, y tế, nhà ở, nước sạch và thông tin, truyền thông, góp phần từng bước nâng cao thu nhập, bảo đảm cuộc sống an toàn, bình đẳng và hạnh phúc của nhân dân. Với định hướng và mục tiêu đó, sau 10 năm triển khai thực hiện Nghị quyết công tác chăm lo chính sách xã hội ở nước ta đã có bước tiến bộ, đạt nhiều kết quả tích cực.

Theo đó, kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết 15 cho thấy, Việt Nam đã hoàn thành trước thời hạn nhiều mục tiêu thiên niên kỷ; cải thiện Chỉ số phát triển con người (HDI) góp phần phát triển kinh tế-xã hội, bảo vệ môi trường và nâng cao phúc lợi xã hội, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Hệ thống chính sách xã hội cơ bản đồng bộ, toàn diện, bảo đảm quyền an sinh xã hội của người dân. Thực hiện có hiệu quả chính sách giảm nghèo bền vững. Người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn, người yếu thế được Nhà nước và xã hội trợ giúp thường xuyên, kịp thời, hiệu quả. Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế ngày càng mở rộng và trở thành trụ cột quan trọng

Hội nhập quốc tế cùng sự phát triển đi lên của kinh tế-xã hội nước nhà đã cho thấy những thành quả tích cực trong việc đảm bảo an sinh xã hội của Đảng, Nhà nước và toàn xã hội trong những năm qua. Thời gian tới, trước những thách thức không nhỏ từ cạnh tranh trong hội nhập, tác động của cuộc CM 4.0, cũng như xu hướng già hóa nhanh và tác động của biến đổi khí hậu, dịch bệnh... là những yếu tố khiến cho việc bảo đảm mục tiêu an sinh xã hội ngày càng khó khăn và phức tạp hơn. Tuy vậy, Việt Nam luôn xác định mục tiêu không ngừng nâng cao hiệu quả công tác an sinh xã hội và hướng tới xây dựng hệ thống an sinh xã hội toàn diện, bền vững.

HƯỚNG TỚI XÂY DỰNG HỆ THỐNG

của an sinh xã hội. Hệ thống dịch vụ xã hội được cải thiện, cơ bản bảo đảm quyền học tập, y tế, nhà ở, nước sạch và thông tin truyền thông của người dân.

Đặc biệt, trong những năm gần đây, Việt Nam đã đạt những bước tiến quan trọng nhằm tạo cơ sở cho việc từng bước mở rộng mức độ bao phủ an sinh xã hội, với mục tiêu cuối cùng là để mọi công dân được bảo đảm an sinh xã hội trong suốt vòng đời. Cụ thể như: Nghị quyết 28-NQ/TW về cải cách bảo hiểm xã hội và Đề án đổi mới và phát triển trợ giúp xã hội (theo Quyết định số 488/TTg/2017 của Thủ tướng Chính phủ); tại Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội Việt Nam 2021-2030 đã đặt ra các mục tiêu để Việt Nam trở thành nước có thu nhập trung bình cao vào năm 2030 và nước có thu nhập cao vào năm 2045; Nghị định số 20/2021/NĐ-CP, ngày 15/3/2021, về việc quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; Nghị định số 108/2021/NĐ-CP, ngày 07/12/2021, điều chỉnh

lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2022), với mức điều chỉnh tăng thêm 7,4% mức lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hằng tháng cho người hưởng lương hưu thấp, người về hưu trước năm 1995; mở rộng hợp tác quốc tế về an sinh xã hội, BHXH.

Năm 2020, 2021, trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 có nhiều diễn biến phức tạp, ảnh hưởng trực tiếp tới đời sống xã hội của người dân, Chính phủ đã ban hành nhiều cơ chế chính sách phù hợp, kịp thời, nhân văn; trong đó có những chính sách chưa có tiền lệ, như Nghị quyết số 68/NQ-CP, ngày 01/7/2021 về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 và Nghị quyết số 116/NQ-CP, ngày 24/9/2021 về chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 từ Quỹ Bảo hiểm thất nghiệp; thực hiện nhiều giải pháp,



đã tránh được sự đảo ngược trong tiến độ phát triển con người.

Cũng theo phân tích tại Báo cáo này của UNDP, Việt Nam thuộc nhóm phát triển con người cao từ năm 2019. HDI dựa trên tổng thu nhập quốc dân trên đầu người, tuổi thọ trung bình và số năm đi học trung bình, đưa ra một thước đo tổng quát về sự phát triển của con người. Việt Nam đã đạt được tiến bộ ổn định trong cả ba khía cạnh của HDI kể từ những năm 1990. Tốc độ gia tăng HDI chậm lại trong thập kỷ qua, chủ yếu là do Việt Nam đã là nước giàu hơn với mức tuổi thọ và trình độ học vấn tương đối cao so với mức thu nhập.

Theo Kết quả Khảo sát mức sống dân cư năm 2021 của TCTK, tỷ lệ hộ nghèo tiếp cận đa chiều năm 2021 của Việt Nam là 4,4%, giảm 0,4 điểm phần trăm so với năm 2020. Tỷ lệ hộ nghèo đã giảm liên tục trong giai đoạn 2016-2021, trung bình mỗi năm giảm khoảng 1 điểm phần trăm. (Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều cả nước theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều của Chính phủ giai đoạn 2016-2020, lần lượt là: 9,2; 7,9; 6,8; 5,7; 4,8%)...

Báo cáo tình hình kinh tế-xã hội 8 tháng đầu năm 2022 cũng cho thấy, sau thời gian bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19, các hoạt động sản xuất, kinh doanh tiếp tục có xu hướng phục hồi tốt. Các chương trình phục hồi và phát triển kinh tế-xã hội được đẩy mạnh đã mang lại nhiều hiệu quả, bao gồm các vấn đề an sinh xã hội. Tính đến ngày 2/9/2022, giải ngân các chính sách hỗ trợ thuộc Chương trình sơ bộ đạt 55,5 nghìn tỷ đồng. Trong đó, các chương trình cho vay ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội đạt 10.073 tỷ đồng; hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động đạt 3.045 tỷ đồng cho gần 4,54 triệu lao động;

AN SINH XÃ HỘI TOÀN DIỆN, BỀN VỮNG

ThS. Nguyễn Thị Nga - ThS. Phạm Linh Giang
Đại học Lao động - Xã hội

ban hành nhiều gói hỗ trợ kịp thời tới người dân, người lao động, người sử dụng lao động, giúp họ vượt qua khó khăn, góp phần giảm thiểu những tác động tiêu cực của đại dịch...

Theo đánh giá, với những cơ chế, chính sách đã được ban hành, đến nay, hệ thống an sinh xã hội tại Việt Nam cơ bản được xây dựng một cách đồng bộ và triển khai áp dụng rộng khắp cả nước. Mô hình an sinh xã hội của Việt Nam đã đem lại những thành quả an sinh xã hội đáng khích lệ, được thế giới công nhận, như thành tích xóa đói, giảm nghèo, giáo dục, y tế...

Báo cáo Chỉ số phát triển con người của Việt Nam giai đoạn 2016-2020 của TCTK cho biết, từ các kết quả tính toán và phân tích HDI cả nước những năm 2016 - 2020 cho thấy, nhờ đạt được sự gia tăng liên tục qua các năm, Việt Nam đã từ Nhóm các nước có HDI trung bình năm 2018 và những năm trước đó, gia nhập Nhóm đạt mức cao trong những năm 2019 - 2020. HDI tăng từ 0,682 năm 2016

lên 0,687 năm 2017; 0,693 năm 2018; 0,703 năm 2019 và 0,706 năm 2020. Theo đó, thứ hạng của Việt Nam trong Danh sách các quốc gia, vùng lãnh thổ thế giới đã tăng từ vị trí 118 năm 2018 lên vị trí 117 năm 2019.

Mới đây, Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP) tại Việt Nam đã Công bố Báo cáo Phát triển con người (HDR) toàn cầu 2021/2022, trong đó cho biết giá trị Chỉ số Phát triển con người (HDI) của Việt Nam là 0,703 vào năm 2021, về cơ bản chỉ số này không thay đổi so với năm 2019. Tuy nhiên, Việt Nam đã tăng hai bậc trong bảng xếp hạng toàn cầu từ 117/189 quốc gia vào năm 2019 lên 115/191 quốc gia vào năm 2021. Theo đánh giá của báo cáo, Việt Nam đã cố gắng duy trì tăng trưởng kinh tế trong những năm khó khăn nhất của đại dịch Covid-19. Mặc dù tốc độ tăng trưởng trung bình chậm lại, các nhóm và cá nhân dễ bị tổn thương đã trải qua những giai đoạn rất khó khăn, song Việt Nam

hỗ trợ 2% lãi suất đạt 13,5 tỷ đồng; giảm thuế giá trị gia tăng, thuế môi trường đối với nhiên liệu bay, xăng đến ngày 26/8/2022 là 34.970 tỷ đồng; chi phí cơ hội hỗ trợ thông qua gia hạn thời gian nộp thuế và tiền thuê đất đến hết tháng 6/2022 là 7,4 nghìn tỷ đồng. Ngoài ra, gia hạn các loại thuế, tiền thuê đất là 52 nghìn tỷ đồng...

BHXH Việt Nam cho biết, ước đến hết tháng 8/2022, toàn quốc có trên 17,1 triệu người tham gia BHXH, đạt 89,47% so với kế hoạch của Ngành, tăng hơn 2,36 triệu người (15,96%) so với cùng kỳ năm 2021, tăng hơn 613 nghìn người (3,71%) so với hết năm 2021. Số người tham gia BHYT đạt gần 87 triệu người, tăng hơn 1,7 triệu người (2,03%) so với cùng kỳ năm 2021, tăng gần 1,9 triệu người (2,13%) so với hết năm 2021. Tổng số thu BHXH, BHYT, BHTN lũy kế ước hết tháng 8/2022 là gần 270 nghìn tỷ đồng, tăng 4,04% so với cùng kỳ năm 2021.

Hướng tới xây dựng hệ thống ASXH toàn diện, bền vững

Có thể thấy, với những chỉ tiêu về an sinh xã hội ngày càng được đảm bảo, tăng trưởng phát triển kinh tế theo hướng tích cực đã ngày càng khẳng định những bước đi đúng đắn và tính hiệu quả, linh hoạt của hệ thống an sinh xã hội cả nước. Tuy nhiên, an sinh xã hội ở Việt Nam được đánh giá vẫn còn một số hạn chế, cụ thể: Diện bao phủ của an sinh xã hội trên thực tế còn hẹp, chưa đáp ứng được kỳ vọng; Mô hình an sinh xã hội hiện nay còn chưa bảo đảm tính bền vững; Chưa có cơ chế huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực xã hội cho bảo đảm an sinh xã hội; Chất lượng dịch vụ an sinh xã hội chưa cao, nhất là các dịch vụ BHYT; một số vấn đề thuộc lĩnh vực xã hội chậm được cải thiện...

Ngoài ra, vấn đề an sinh xã hội thời gian tới được dự báo sẽ có nhiều khó khăn thách thức bởi các yếu tố như rủi ro toàn cầu, các vấn đề về môi trường và áp lực nhân khẩu học do tốc độ già hóa dân số đang diễn ra nhanh chóng sẽ ảnh hưởng sâu sắc đến nền kinh tế cũng như thị trường lao động, có tác động mạnh mẽ đến mức sống của mọi người dân... Do đó, để khắc phục những tồn tại, hạn chế, và tiếp tục phát huy hiệu quả an sinh xã hội, bảo đảm người dân được bảo vệ tốt hơn trước các rủi ro về thu nhập và tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, Việt Nam xác định nhiệm vụ cải cách hệ thống an sinh xã hội hướng tới mục tiêu xây dựng một hệ thống an sinh xã hội toàn diện, bền vững sẽ là yếu tố xuyên suốt trong quá trình phát triển đất nước. Điều này là một trong những định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021-2030 được nêu rõ tại Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng: "Thực hiện tốt chính sách xã hội, bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội, an ninh con người, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong quản lý phát triển xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống và hạnh phúc của nhân dân".

Các chuyên gia cho rằng, để hoàn thành mục tiêu trên, Việt Nam cần tiếp tục xây dựng, phát triển an sinh xã hội theo hướng trở thành hệ thống an sinh xã hội đa tầng thực sự, nhằm khắc phục tình trạng diện bao phủ thấp, mức hưởng thấp, chênh lệch giới trong thực hiện chính sách an sinh. Hệ thống an sinh cần dựa trên cách tiếp cận vòng đời, bền vững, bao trùm, đáp ứng cú sốc, nhạy cảm về giới và bảo đảm đất nước tiếp tục phát triển kinh tế nhanh chóng, không để ai bị bỏ lại phía sau.

Theo đó, một giải pháp được đề xuất, bao gồm:

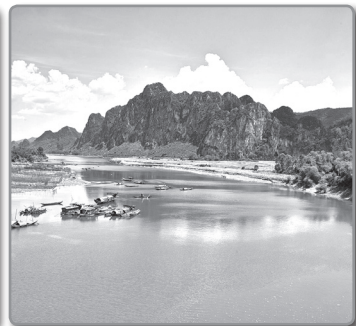
Tăng cường sự liên kết và phối hợp giữa các nhánh chính sách trong hệ thống an sinh xã hội nhiều cấp. Có sự lồng ghép phù hợp giữa các chính sách nhằm phát huy hiệu quả, hỗ trợ lẫn nhau để có thể đạt được các mục tiêu phát triển bền vững. Trong đó, đối với chính sách về BHXH, BHYT, bảo hiểm thất nghiệp... cần có sự rà soát, hoàn thiện theo hướng linh hoạt, phù hợp với tình hình thực tế; củng cố và phát triển hệ thống BHXH, tăng độ bao phủ BHXH, BHYT và bảo hiểm thất nghiệp với tư cách là trụ cột chính của hệ thống an sinh xã hội.

Tăng cường đầu tư cho an sinh xã hội. Đẩy mạnh mối liên kết và đồng bộ giữa các chính sách an sinh xã hội và các lĩnh vực chính sách khác có liên quan, bao gồm cả chính sách việc làm và chính sách kinh tế.

Có chính sách ưu tiên nguồn lực tài chính cho an sinh xã hội, nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước dựa trên sự đóng góp, chia sẻ của cộng đồng doanh nghiệp và khu vực tư nhân. Tạo cơ chế phối hợp triển khai chính sách, chương trình an sinh xã hội đồng bộ để triển khai chương trình an sinh xã hội thống nhất, minh bạch, tránh phân tán, không hiệu quả.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin để hoàn thiện hệ sinh thái an sinh số, đảm bảo hệ thống vận hành công khai, minh bạch và kịp thời trong hoạt động hỗ trợ người dân.

Nâng cao hiệu quả tuyên truyền về các mô hình an sinh xã hội với nhiều cách làm sáng tạo để tạo chuyển biến mạnh mẽ từ nhận thức đến hành động của đội ngũ cán bộ làm công tác an sinh xã hội trong các lĩnh vực, dịch vụ.../.



Việt Nam nỗ lực bảo đảm an ninh nguồn nước

Duy Hưng

Nhiều năm trở lại đây, an ninh nguồn nước đã trở thành vấn đề cấp thiết không chỉ ở Việt Nam mà còn trên cả thế giới bởi những nguyên nhân: Tính công bằng trong chia sẻ nguồn nước, tác động của biến đổi khí hậu cùng sự suy kiệt nguồn nước ngày càng hiện hữu. Từ thực tế đó, Việt Nam đang ngày càng chú trọng và có các biện pháp mạnh tay để đảm bảo an ninh nguồn nước nhằm hướng tới các mục tiêu phát triển bền vững.

Thực trạng tài nguyên nước và sử dụng tài nguyên nước ở Việt Nam

Với vị trí địa lý nằm ở vùng nhiệt đới gió mùa, Việt Nam được đánh giá là có nguồn tài nguyên nước khá phong phú cả về nguồn nước mặt trong các hệ thống sông, hồ, lượng mưa và nguồn nước dưới lòng đất. Theo số liệu từ Bộ Tài Nguyên và Môi trường (TNMT), Việt Nam có 3.450 sông, suối có chiều dài từ 10km trở lên, trong đó có 697 sông, suối, kênh, rạch thuộc nguồn nước liên tỉnh; 173 sông suối, kênh, rạch thuộc nguồn nước liên quốc gia và 38 hồ, đầm phá liên tỉnh. Tổng lượng dòng chảy hàng năm đạt khoảng 844,4 tỷ m³; trong đó tập trung chủ yếu ở lưu vực sông Cửu Long. Tuy nhiên, lượng nước sinh ra ở phần lãnh thổ

Việt Nam chỉ chiếm khoảng 310-315 tỷ m³/năm, chủ yếu thuộc các lưu vực sông Hồng - Thái Bình, sông Đồng Nai, sông Cả, sông Mã, sông Vũ Gia - Thu Bồn.

Ngoài hệ thống sông, để đáp ứng yêu cầu tích trữ, điều tiết dòng chảy phục vụ cấp nước, thủy điện, chống lũ lụt, Việt Nam còn có các hồ chứa nước. Theo Cục Quản lý tài nguyên nước (Bộ Tài nguyên và Môi trường), cả nước có trên 2.900 hồ chứa thủy điện, thủy lợi đã vận hành, đang xây dựng hoặc đã có quy hoạch xây dựng với tổng dung tích trên 65 tỷ m³. Trong đó, khoảng 2.100 hồ đang vận hành (tổng dung tích hơn 34 tỷ m³) khoảng 240 hồ đang xây dựng (tổng dung tích hơn 28 tỷ m³), trên 510 hồ đã có quy hoạch (tổng dung tích gần 4 tỷ m³). Trong số

các hồ nêu trên, có khoảng 800 hồ thủy điện, tổng dung tích trên 56 tỷ m³ (gồm 59 hồ đang vận hành, 231 hồ đang xây dựng và hơn 500 hồ đã có quy hoạch xây dựng) và hơn 2.100 hồ chứa thủy lợi, tổng dung tích hơn 9 tỷ m³, phần lớn là hồ chứa nhỏ, đã xây dựng xong, đang vận hành.

Việt Nam cũng có lợi thế bổ sung nguồn nước, khi nằm trong số các quốc gia có lượng mưa lớn trên thế giới với lượng mưa trung bình năm khoảng 1940-1960mm (tương đương tổng lượng nước khoảng 640 tỷ m³/năm). Tuy nhiên, lượng mưa của Việt Nam phân bố rất không đều theo không gian và thời gian, tập trung chủ yếu trong 4-5 tháng mùa mưa (chiếm 75-85% tổng lượng mưa năm), lượng mưa trong mùa khô chỉ chiếm 15-25%.

Phía Đông Trường Sơn thuộc vùng Bắc Trung Bộ, Trung Trung Bộ, Tây Nguyên và khu vực trung du, miền núi Bắc Bộ được ghi nhận là những khu vực có lượng mưa lớn trên cả nước. Nguồn nước dưới lòng đất của Việt Nam cũng có trữ lượng tiềm năng khá lớn, tập trung chủ yếu ở các khu vực đồng bằng Bắc Bộ, đồng bằng Nam Bộ và khu vực Tây Nguyên. Tổng trữ lượng nước dưới đất trên toàn lãnh thổ Việt Nam ước tính vào khoảng 91,5 tỷ m³/năm, trong đó, nước nhạt khoảng 69,1 tỷ m³/năm, còn nước mặn khoảng 22,4 tỷ m³/năm.

Với trữ lượng nước hiện nay, tổng lượng nước bình quân trên đầu người của Việt Nam vào khoảng 8.610 m³/người/năm, cao hơn so với tiêu chuẩn của khu vực và trên toàn cầu. Tuy nhiên, nếu chỉ xét nguồn nước nội sinh, Việt Nam đang là quốc gia thiếu nước do tổng lượng nước bình quân trên đầu người chỉ đạt 3.280 m³/người/năm, thấp hơn so với trung bình của Đông Nam Á là 4.900 m³/người/năm và mức bình quân toàn cầu là 4.000 m³/người/năm.

Điều đáng lo ngại là nguồn nước của Việt Nam đang đối mặt với nhiều vấn đề về ô nhiễm, khan hiếm, cạn kiệt cả về mức độ và quy mô, nhất là tại các vùng đô thị, khu công nghiệp, đe dọa trực tiếp đến an ninh nguồn nước và sự phát triển bền vững của quốc gia. Các nguyên nhân dẫn đến ô nhiễm nguồn nước tại Việt Nam có thể kể đến sự gia tăng dân số kéo theo lượng rác thải gia tăng với khối lượng lớn phục vụ sản xuất và tiêu dùng gây ô nhiễm nguồn nước như: Rác thải sinh hoạt, rác thải y tế. Ô nhiễm do các điều kiện tự nhiên, do quá trình sản xuất công nghiệp phát thải, sản xuất nông nghiệp (thuốc bảo vệ thực vật) và do quá trình đô thị hóa.

Theo nhiều chuyên gia, nguồn nước ở nông thôn Việt Nam đang bị ô nhiễm rất nghiêm trọng, khi ngoài sự tác động của nguồn nước thải từ các nhà máy ở lưu vực các con sông, còn có nguồn gây ô nhiễm từ hơn 10 triệu tấn phân bón dùng cho ngành nông nghiệp. Đánh giá của Bộ Tài nguyên và Môi trường, lượng phân bón bị rửa trôi mang theo dư lượng thuốc khá cao. Bên cạnh đó, nghề chăn nuôi cũng góp phần không nhỏ vào hệ lụy này, mỗi năm Việt Nam có khoảng 84,5 triệu tấn chất thải được thải vào môi trường, trong đó có đến 80% không qua xử lý. Không chỉ ô nhiễm nước mặt, các nguồn nước ngầm của Việt Nam cũng bị ô nhiễm nặng. Tại một số vùng nông thôn, nguồn nước ngầm bị nhiễm vi sinh đã vượt ngưỡng cho phép. Theo báo cáo tại một số địa phương như Bắc Ninh, Hà Nam, Nam Định... nước ngầm đã có dấu hiệu ô nhiễm chất hữu cơ (N03-, NH4+), kim loại nặng (Fe, As) và đặc biệt ô nhiễm vi sinh (Coliform, E.Coli). Đây là mối đe dọa không chỉ đến hoạt động sản xuất mà còn ảnh hưởng nghiêm trọng tới sức khỏe người dân. Bởi khu vực này, người dân không chỉ sử dụng nước ngầm cho hoạt động sản xuất nông nghiệp mà còn sử dụng nước ngầm trong sinh hoạt hàng ngày. Những thiệt hại về môi trường còn kéo theo thiệt hại về kinh tế, GDP ngành nông nghiệp được dự đoán bị ảnh hưởng nặng nề nhất, với mức sụt giảm khoảng 3,5% vào năm 2035. Đây chỉ là ước tính rất thận trọng của các nhà khoa học vì chỉ mới xét cho những tỉnh bị ô nhiễm nhất ở khu vực hạ lưu, còn trên thực tế cả nước sẽ bị ảnh hưởng nghiêm trọng hơn, ước tính rơi vào khoảng 6% GDP vào năm 2035.

Ngoài ra, nguồn nước ngoại lai chiếm trên 60% tổng tài nguyên nước mặt, đặc biệt là ở 2 lưu vực sông lớn nhất Việt Nam là sông Cửu Long và sông Hồng, nguồn nước ngoại lai chiếm lần lượt 90% và 50% tổng khối lượng nước bề mặt. Trước khi chảy vào Việt Nam cung cấp nước cho sông Cửu Long, sông Mê Kông đã chảy qua 6 quốc gia là: Trung Quốc, Myanmar, Thái Lan, Lào, Campuchia. Trong khi đó, theo phân bổ dòng chảy lưu vực của Ủy hội sông Mê Kông (MRC), Việt Nam chỉ chiếm 9% diện tích lưu vực và 11% tỷ lệ dòng chảy đóng góp, trong khi các đập tại Trung Quốc đang trữ tới 56% lượng nước, sau đó là Lào với 32,7% lượng nước và dự kiến sẽ còn tăng thêm khi các nước thượng nguồn đang tiếp tục xây dựng các nhà máy thủy điện. Nằm ở hạ lưu sông Mê Kông, Việt Nam không thể chủ động trong việc bảo vệ, khai thác và sử dụng nguồn nước này, nhất là khi các quốc gia thượng nguồn ngày càng khai thác triệt để nguồn nước để sản xuất điện. Khi các đập thủy điện ở thượng nguồn làm cho dòng chảy yếu đi thì không đủ sức vận chuyển phù sa và cát về Đồng bằng sông Cửu Long nữa, đồng nghĩa với việc sạt lở ở Đồng bằng sông Cửu Long sẽ khó có thể khắc phục được. Bên cạnh đó, các vấn đề liên quan đến biến đổi khí hậu làm nước biển dâng, xâm nhập mặn rừng đầu nguồn bị suy giảm cũng gây ra những tác động không hề nhỏ tới nguồn nước.

Giải pháp bảo đảm an ninh nguồn nước vì sự phát triển bền vững

Giữ vai trò quan trọng trong mọi lĩnh vực sản xuất kinh tế, đời sống xã hội nhưng an ninh nguồn nước của Việt Nam đang bị đe dọa nghiêm trọng. Chính vì vậy,

bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn hồ đập, hồ chứa nước luôn được Đảng, Nhà nước quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, ban hành các chính sách nhằm cơ bản đáp ứng yêu cầu về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đời sống, sinh hoạt của người dân.

Sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 432/QĐ-TTg ngày 24/3/2021 (Quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước), Bộ TNMT đã đôn đốc các địa phương xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện.

Theo nhận định của Bộ TNMT tại Đề án Bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước đến năm 2030, Việt Nam cần nguồn vốn tối thiểu là 610 nghìn tỷ đồng để 100% dân cư thành thị, 65% dân số nông thôn, 100% các đảo có đông dân cư được cấp nước sạch đạt quy chuẩn; 30% diện tích cây trồng được thực hiện phương thức canh tác tiên tiến và tưới tiết kiệm nước. Có 50% tổng lượng nước thải sinh hoạt đô thị được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường. 100% cơ sở gây ô nhiễm môi trường nước nghiêm trọng được xử lý. Bên cạnh đó, 100% các đô thị không còn tình trạng ngập úng thường xuyên trong mùa mưa.

Ngày 23/6/2022, Bộ Chính trị đã ban hành Kết luận số 36-KL/TW về bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045. Mục tiêu cụ thể đặt ra đến năm 2025, hoàn thành việc lập quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành liên quan đến nước; 95% hộ gia đình ở thành thị và 60% hộ gia đình ở nông thôn

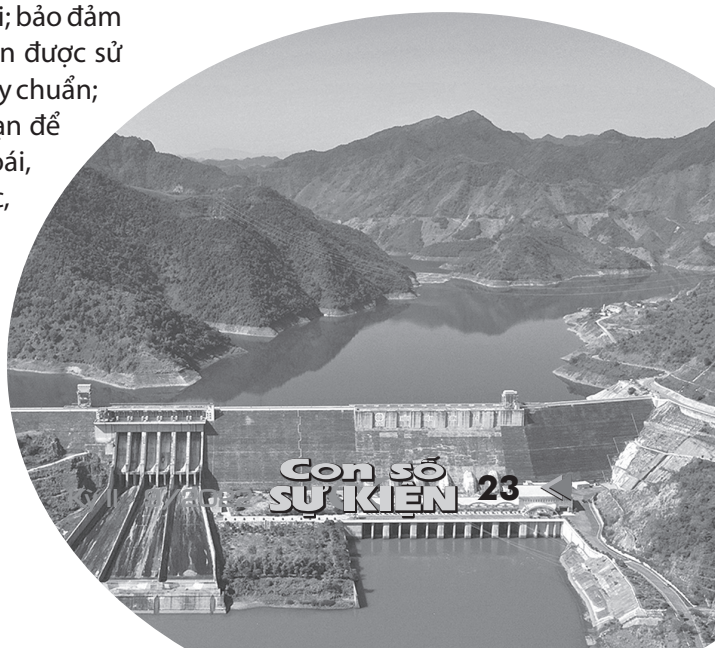
được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn; giải quyết cơ bản tình trạng thiếu nước sinh hoạt, nước cho sản xuất, đặc biệt là các tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long, Tây Nguyên, Nam Trung bộ, miền núi phía Bắc; cơ bản sửa chữa, nâng cấp bảo đảm an toàn các đập, hồ chứa nước bị hư hỏng, xuống cấp, chưa đủ khả năng chống lũ theo thiết kế.

Đến năm 2030, cân đối đủ nước phục vụ dân sinh và phát triển kinh tế - xã hội; 100% hộ gia đình ở thành thị và 80% hộ gia đình ở nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn. Giải quyết căn bản nước sinh hoạt cho các đảo có đông dân cư; hoàn thiện đồng bộ hệ thống công trình điều tiết nước mặn, nước ngọt, tích trữ nước trên các lưu vực sông lớn; hoàn thành sửa chữa, nâng cấp các đập, hồ chứa nước hư hỏng, xuống cấp, thiếu năng lực phòng, chống lũ; bước đầu khắc phục tình trạng suy thoái, ô nhiễm nguồn nước nghiêm trọng tại một số lưu vực sông, hệ thống công trình thủy lợi lớn; chủ động phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu; xây dựng và vận hành hệ thống theo dõi, đánh giá, giám sát an ninh nguồn nước quốc gia theo phương thức quản trị nguồn nước của quốc tế.

Đến năm 2045, chủ động được nguồn nước phục vụ dân sinh và phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm hộ gia đình ở nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn; dự báo, cảnh báo dài hạn để xử lý ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước, ứng phó với thiên tai, biến đổi khí hậu; kiểm soát và khắc phục tình trạng suy thoái, ô nhiễm nguồn nước tại các lưu vực sông,

hệ thống công trình thủy lợi; hoàn thiện chính sách về nước đồng bộ, thống nhất liên ngành, liên vùng, bảo đảm an ninh nguồn nước.

9 nhóm nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu được Bộ Chính trị đặt ra gồm có: (1) Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước trong tình hình mới; (2) Hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước; (3) Nâng cao chất lượng công tác quy hoạch thủy lợi, tài nguyên nước và điều tra cơ bản, đánh giá trữ lượng nguồn nước; (4) Chủ động tích trữ, điều hòa, phân phối nguồn nước, đáp ứng yêu cầu sử dụng nước phục vụ dân sinh và phát triển kinh tế - xã hội; (5) Nâng cao chất lượng, hiệu quả quản lý quản lý, vận hành, bảo đảm an toàn đập, hồ chứa nước; (6) Phòng, chống, giảm thiểu tác động bất lợi do thiên tai liên quan đến nước và biến đổi khí hậu; (7) Nghiên cứu, phát triển, ứng dụng khoa học và công nghệ, chuyển đổi số trong bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn đập, hồ chứa nước; (8) Tăng cường bảo vệ môi trường, bảo vệ nguồn sinh thủy, phòng, chống ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước; (9) Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về bảo đảm an ninh nguồn nước./.



Giải pháp phát triển THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG

ThS. Nguyễn Phương Tú
Đại học Công nghiệp Hà Nội

Phát triển thị trường lao động thời gian qua

Những năm qua, Đảng, Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách tạo hành lang pháp lý góp phần phát triển thị trường lao động. Đến nay, thể chế thị trường lao động ngày càng hoàn thiện. Hệ thống thông tin thị trường từng bước đáp ứng được yêu cầu. Quan hệ lao động được thiết lập hài hòa, công bằng, hợp lý. Thị trường lao động có bước phát triển cả về chiều rộng và chiều sâu, ngày càng hội nhập và từng bước tiệm cận với thị trường lao động khu vực và thế giới. Nguồn cung lao động cho thị trường lao động không ngừng gia tăng về số lượng. Theo Tổng cục Thống kê, trong quý II năm 2022, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở là 51,6 triệu người, tăng hơn 0,4 triệu người so với quý trước và tăng gần 0,6 triệu người so với cùng kỳ năm trước. Cơ cấu lao động có bước chuyển dịch tích cực theo hướng giảm tỷ trọng lao động khu vực nông nghiệp, tăng tỷ trọng lao động khu vực công nghiệp và dịch vụ. Cụ thể, lao động có việc làm trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản là 13,9 triệu người, giảm 27,1 nghìn người so với cùng kỳ năm trước; khu vực công nghiệp và xây dựng đã đạt 16,8 triệu người, tăng 435,7 nghìn người; khu vực dịch vụ đạt 19,6 triệu người, tăng 8,5 nghìn người. Chất lượng

Hình thành và phát triển trong nền kinh tế thị trường, thị trường lao động Việt Nam hiện đã có những bước tiến dài đáng kể. Tuy nhiên, hạn chế về trình độ, kỹ năng nghề đang làm cho lao động Việt Nam khó có được việc làm bền vững và chuyển dịch linh hoạt trong một thị trường lao động đang biến chuyển không ngừng. Để cải thiện tình trạng này, trong thời gian tới, cần tập trung vào các giải pháp theo hướng xây dựng thị trường lao động phát triển hiện đại, linh hoạt, bền vững và hội nhập.

lao động ngày càng nâng cao với tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 26,2%.

Thị trường lao động cũng đã từng bước chính thức hóa một phần khu vực phi chính thức, khi tỷ lệ lao động có việc làm phi chính thức của cả nước trong 6 tháng đầu năm 2022 là 55,9%, giảm 1,3 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước.

Tiền lương và thu nhập của người lao động được cải thiện rõ rệt. Thu nhập bình quân tháng của người lao động 6 tháng đầu năm 2022 là 6,5 triệu đồng, tăng 5,3% so với cùng kỳ năm 2021 và tăng 11% so với cùng kỳ năm 2020.

Hệ thống an sinh xã hội được xây dựng tương đối hoàn thiện và vận hành hiệu quả. Người lao động được tạo điều kiện tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp. Tính đến tháng 7/2022, số người tham gia bảo hiểm xã hội

đạt khoảng 17,15 triệu người, chiếm 34,65% lực lượng lao động trong độ tuổi; số người tham gia bảo hiểm thất nghiệp khoảng 13,94 triệu người, chiếm 28,17% lực lượng lao động trong độ tuổi.

Từ đầu năm 2020 đến nay, dưới tác động của đại dịch Covid-19, thị trường lao động Việt Nam đang có nhiều thay đổi mạnh mẽ về yêu cầu kỹ năng đối với người lao động và sự thiếu hụt lao động có kỹ năng. Bên cạnh đó là cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 cũng đặt ra những yêu cầu mới của thị trường lao động như hoạt động trí tuệ nhân tạo, robot, máy móc sẽ đóng vai trò ngày một lớn trong sản xuất và thay thế nhiều vị trí việc làm hiện tại. Do đó để tạo việc làm, phát triển thị trường lao động bền vững bên cạnh việc phòng chống hiệu quả dịch Covid-19, nhiều chính sách tạo việc làm, hỗ trợ phát triển thị trường lao động

sau đại dịch Covid-19 của Chính phủ đã được triển khai, trong đó phải kể tới Nghị quyết số 68/NQ-CP và Nghị quyết số 116/NQ-CP. Kết quả cả nước đã dành hơn 82 nghìn tỷ đồng thực hiện các chính sách hỗ trợ cho 728.500 lượt người sử dụng lao động và trên 49,7 triệu lượt người lao động và các đối tượng khác. Hiện, Việt Nam cũng đang triển khai Quyết định số 08/2022/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện chính sách hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động có tổng kinh phí 6.600 tỷ đồng. Hiệu quả từ các chính sách có thể thấy được qua dấu hiệu phục hồi của thị trường lao động thể hiện số lượng và tỷ lệ thất nghiệp, thiếu việc làm đều giảm. Trong 6 tháng đầu năm 2022, số người thất nghiệp trong độ tuổi lao động là gần 1,1 triệu người, giảm 47,6 nghìn người so với cùng kỳ năm trước; Tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động là 2,39%, giảm 0,13 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước.

Mặc dù đã có những bước tiến đáng kể song thị trường lao động Việt Nam còn bộc lộ một số hạn chế như: Thị trường lao động Việt Nam vẫn còn manh mún, chưa chuyên nghiệp, thiếu tính linh hoạt, chưa thật bền vững; hệ thống thông tin trên thị trường lao động chưa được phát triển đầy đủ; tình trạng mất cân đối cung - cầu lao động cục bộ,

giữa các vùng miền khu vực, ngành nghề kinh tế; Kết nối thị trường lao động trong nước và quốc tế còn yếu; mạng lưới an sinh xã hội có độ bao phủ thấp; giáo dục - đào tạo chưa đáp ứng đầy đủ được yêu cầu nhu cầu phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là đào tạo nhân lực chất lượng cao, ngành nghề mới, kỹ năng nghề tương lai phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, hội nhập quốc tế; việc gắn kết giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp, huy động nguồn lực đầu tư còn hạn chế.

Giải pháp phát triển thị trường lao động trong thời gian tới

Để phát triển thị trường lao động linh hoạt, hiện đại, bền vững và hội nhập thời gian tới cần tập trung vào các giải pháp sau:

Một là, tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật để phát triển đồng bộ các yếu tố của thị trường lao động, nâng cao hiệu quả hoạt động của các định chế trung gian của thị trường, phát triển hệ thống thông tin thị trường lao động. Nâng cao hiệu quả tổ chức, vận hành thị trường lao động.

Hai là, khẩn trương rà soát, đánh giá nhu cầu nhân lực theo từng ngành, từng lĩnh vực, từng vùng để kịp thời kết nối việc cung ứng nhân lực. Đặc biệt là đánh giá nhu cầu nhân lực của các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào Việt Nam.

Ba là, nghiên cứu, rà soát, đánh giá năng lực hệ thống các cơ sở đào tạo, các kiến nghị và đóng góp ý kiến của yêu cầu của cộng đồng doanh nghiệp, trong đó có các doanh nghiệp FDI để kịp thời triển khai các giải pháp đào tạo, nâng cao năng lực kỹ năng nghề cho công nhân lao động, đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp.

Bốn là, đẩy mạnh đào tạo nghề cho người lao động cả trước, trong, sau quá trình tham gia thị trường lao động; đào tạo các chuyên ngành mới trong chuyển đổi số như trí tuệ nhân tạo (AI), khoa học dữ liệu, dữ liệu lớn, IoT, chuỗi khối,... Tổ chức thực hiện các giải pháp phù hợp để phân luồng học sinh, sinh viên, hướng tới phát triển nguồn nhân lực có chất lượng cao và cơ cấu phù hợp với nhu cầu của nền kinh tế.

Năm là, đầu tư công tác dự báo cung-cầu, phát triển hệ thống thông tin thị trường lao động với trọng tâm tâm là xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về lao động hiện đại, đồng bộ, có sự kết nối, chia sẻ với cơ sở dữ liệu dân cư, đăng ký doanh nghiệp, bảo hiểm. Phổ biến các hệ thống chứng nhận nghề, kỹ năng theo tiêu chuẩn quốc tế để hỗ trợ người lao động được tham gia các thị trường lao động trong và ngoài nước.

Sáu là, đa dạng hóa các nguồn tín dụng để thúc đẩy tạo việc làm mới, việc làm sáng tạo, chất lượng cao, việc làm xanh và bền vững đáp ứng cho việc chuyển đổi số, chuyển đổi năng lượng, ứng phó biến đổi khí hậu, việc làm cho đối tượng yếu thế, vùng sâu, vùng xa.

Bảy là, hỗ trợ phát triển mạng lưới an sinh và bảo hiểm thông qua cung cấp thông tin và dịch vụ tư vấn pháp lý miễn phí cho người lao động khi tham gia thị trường lao động./.



PHÁT TRIỂN DU LỊCH TÂY NINH TRONG HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ



TS. Cảnh Chí Hoàng

Trường đại học Tài chính Marketing

Nguyễn Thành Trung

Trung tâm văn hóa thể thao và truyền thanh huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh

Thực trạng du lịch tỉnh Tây Ninh thời gian qua

Hiện, toàn tỉnh Tây Ninh có 90 di tích lịch sử - văn hóa được xếp hạng và 6 loại hình di sản văn hóa phi vật thể, đây là những yếu tố thuận lợi để phát triển du lịch văn hóa, du lịch tâm linh. Bên cạnh đó, Tây Ninh có một số điểm thu hút khách du lịch như: Khu du lịch núi Bà Đen, khu du lịch sinh thái Long Điền Sơn, khu văn hóa thể thao Thiên Ngân... hầu hết các khu vui chơi giải trí này thu hút khách du lịch nội địa là chủ yếu, thời gian tập trung vào ngày nghỉ lễ và cuối tuần. Tây Ninh còn nổi tiếng với Hội xuân Núi Bà với các hoạt động tổng hợp hành hương, văn hóa nghệ thuật, thể dục thể thao, vui chơi giải trí... được tổ chức hàng năm vào dịp đầu xuân âm lịch, kéo dài 01 tháng, hàng năm thu hút hơn 1,5 triệu lượt khách du lịch đến tham quan. Ngoài ra, Tây Ninh còn có Tài nguyên du lịch Hồ Dầu Tiếng; Tài nguyên du lịch VQG

Tây Ninh là tỉnh biên giới thuộc vùng Đông Nam Bộ (ĐNB), nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam (KTTĐPN), có diện tích tự nhiên 4.041,3 km². Với điều kiện đặc thù về vị trí địa lý, tài nguyên thiên nhiên phong phú và đa dạng, Tây Ninh được biết đến như một điểm đến hấp dẫn đối với du khách trong và ngoài nước thiên về du lịch tâm linh. Tuy nhiên, phát triển du lịch nơi đây còn nhiều hạn chế và cần nhiều giải pháp đồng bộ để phát triển.

Lò Gò - Xa Mát; Tài nguyên du lịch sông Vàm Cỏ Đông; Khu du lịch Ma Thiên Lãnh...

Với những lợi thế đó, những năm qua, du lịch Tây Ninh ngày càng phát triển, số liệu thống kê cho thấy: Năm 2016, Tây Ninh thu hút 2,675 triệu lượt khách, đến năm 2019 tăng lên 3,160 triệu lượt khách, năm 2020 tuy ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 nhưng lượng khách du lịch ước đạt 2,764 triệu lượt khách. 6 tháng đầu năm 2022, khách lưu trú đạt hơn 1,5 triệu lượt người, tăng 48,5% so cùng kỳ, đạt 51,9% so kế hoạch; khách lữ hành đạt 11.500 lượt, tăng 1.269% so cùng kỳ, đạt 41,1% so kế hoạch; khách tham quan các khu, điểm du lịch đạt 3,329 triệu lượt, tăng 124% so cùng kỳ, tăng 7,4% so kế hoạch; 6 tháng năm 2022, tổng doanh thu du lịch đạt 880 tỷ đồng, tăng 47% so cùng kỳ, đạt 64,5% so kế hoạch.

Có thể khẳng định, du lịch Tây Ninh đã góp phần tiêu thụ nhiều

sản phẩm hàng hoá, lương thực và thực phẩm trên địa bàn, tạo nguồn thu cho ngân sách địa phương vừa kích thích sản xuất hàng hóa phát triển, trong đó có sản phẩm từ hàng thủ công mỹ nghệ sẵn có trên địa bàn. Du lịch còn góp phần giải quyết công ăn việc làm, tăng thu nhập cho cộng đồng dân cư tại các điểm, khu du lịch; đồng thời cũng tham gia giáo dục nâng cao nhận thức cho cộng đồng về công tác bảo vệ tài nguyên môi trường, giữ gìn bản sắc văn hoá, phong tục tập quán và phát huy truyền thống cách mạng, yêu nước của cộng đồng dân cư.

Để khai thác tiềm năng, lợi thế du lịch, Tỉnh ủy Tây Ninh ban hành, triển khai Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ Chính trị khoá XII về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn; trong đó, xác định du lịch là một trong những trọng tâm phát triển, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, phấn đấu đến năm 2030 đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh, đóng góp trên 7% GRDP cũng như thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển các ngành, lĩnh vực khác. Để đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng của ngành Du lịch, các cấp lãnh đạo tỉnh Tây Ninh đặc biệt quan tâm đến hoạt động đầu tư và xúc tiến du lịch, tập trung chủ yếu vào 3 lĩnh vực: Phát triển hạ tầng du lịch; Phát triển sản phẩm du lịch; Xây dựng và phát triển các tour, tuyến du lịch trong tỉnh, kết nối với các địa phương trong nước và quốc tế.

Nhờ thực hiện đồng bộ, quyết liệt nhiều giải pháp, tỉnh đã thu hút được nhiều nhà đầu tư chiến lược như: Tập đoàn Sun Group đầu tư vào Khu du lịch quốc gia Núi Bà Đen, xây dựng tuyến cáp treo

lên đỉnh núi được Guinness World Records công nhận kỷ lục "Nhà ga cáp treo lớn nhất thế giới"; Tập đoàn Vingroup đầu tư Trung tâm thương mại Shophouse và khách sạn 5 sao Vinpearl, Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng Khu Di tích lịch sử - văn hóa Căn cứ Dương Minh Châu; Công trình tu bổ, tôn tạo Di tích lịch sử địa đạo An Thới... Để tạo điều kiện cho ngành du lịch phát triển, tỉnh ưu tiên nguồn lực đầu tư về hạ tầng giao thông như nâng cấp đường 30 tháng 4, mở rộng đường Đất Sét - Bến Củi... Nhờ vậy, dịch vụ du lịch từng bước được cải thiện, lượng khách đến tham quan tại các khu, điểm du lịch ngày càng tăng, với mức tăng bình quân 15%/năm; tổng thu từ khách du lịch tăng bình quân 29,3%/năm.

Giải pháp phát triển du lịch Tây Ninh

Bên cạnh những kết quả đạt được, du lịch tỉnh Tây Ninh còn tồn tại một số hạn chế nhất định:

Hạ tầng giao thông, hạ tầng du lịch chưa được đầu tư tương xứng, các doanh nghiệp trong lĩnh vực du lịch không nhiều. Toàn tỉnh chỉ có 15 doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành, trong đó có 1 doanh nghiệp có chức năng kinh doanh lữ hành quốc tế (nhưng chủ yếu tư vấn khách du lịch đi nước ngoài); các cơ sở lưu trú còn khá hạn hẹp với 608 cơ sở lưu trú/6.773 phòng. Trong đó, khách sạn tương đương 5 sao chỉ có 1 cơ sở, khách sạn 3 sao 1 cơ sở, khách sạn 2 sao 8 cơ sở, khách sạn 1 sao 18 cơ sở là quá ít so với nhu cầu thực tế về du lịch.

Tốc độ tăng trưởng về khách du lịch là 9,70%/năm, mức tăng trưởng này tương đối thấp so với các tỉnh vùng du lịch Đông Nam Bộ, tỷ trọng khách du lịch có lưu trú thấp hơn so với khách tham quan;

khách du lịch quốc tế đạt mức rất thấp, chỉ chiếm gần 1% tổng số lượt khách du lịch có lưu trú và 0,28% số lượt khách du lịch trên địa bàn; khách du lịch tham quan chủ yếu là khách du lịch nội địa tăng nhanh nhưng chỉ tập trung vào khách đi tham quan lễ hội và tâm linh có mức chi tiêu thấp.

Sản phẩm du lịch trên địa bàn còn trùng lặp, đơn điệu, mang tính mùa vụ cao; chất lượng sản phẩm du lịch không cao, chưa đủ sức hút khách du lịch và cạnh tranh với sản phẩm du lịch trong khu vực. Một số khu, điểm du lịch có tiềm năng tài nguyên du lịch nổi trội như: Núi Bà Đen, VQG Lò Gò - Xa Mát, Cụm di tích lịch sử cách mạng Trung ương Cục miền Nam, lễ hội... chưa định hướng đầu tư và ưu tiên đầu tư rõ rệt nên sản phẩm du lịch này vẫn dưới dạng tiềm năng.

Ngoài ra, Tỉnh đang phải đối mặt với sự thiếu hụt nghiêm trọng về số lượng và chất lượng nguồn nhân lực du lịch, số lao động du lịch chưa qua đào tạo chiếm 65,2%.

Trước thực tế đó, nhằm thúc đẩy du lịch Tây Ninh phát triển, ngày 10/6/2022, UBND tỉnh Tây Ninh đã ban hành Kế hoạch phát triển du lịch tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 với mục tiêu đến năm 2025, Khu du lịch núi Bà Đen đạt tiêu chuẩn khu du lịch cấp quốc gia, trở thành khu du lịch đẳng cấp của khu vực và quốc gia, là tâm điểm dẫn dắt, kết nối lan tỏa du lịch địa phương và khu vực Đông Nam bộ; doanh thu du lịch giai đoạn 2021-2025 đạt 9.000 tỷ đồng; khách tham quan du lịch giai đoạn 2021-2025 đạt 18 triệu lượt...

Định hướng đến năm 2030, du lịch Tây Ninh là ngành kinh tế mũi nhọn, đóng góp trên 10% GRDP, thúc đẩy mạnh mẽ cho sự phát triển các ngành, lĩnh vực khác;

tốc độ tăng trưởng doanh thu du lịch tăng bình quân hằng năm từ 25%/năm trở lên; doanh thu du lịch giai đoạn 2026-2030 đạt 35.000 tỷ đồng; khách tham quan du lịch giai đoạn 2026-2030 đạt 37 triệu lượt.

Để đạt được mục tiêu này, thời gian tới, Tây Ninh cần thực hiện các giải pháp sau:

Về phát triển sản phẩm du lịch:

(i) Tây Ninh cần tập trung phát triển các sản phẩm du lịch gắn liền với các lễ hội và tín ngưỡng, như: Lễ Hội xuân núi Bà, lễ hội Vía Bà, lễ hội Tòa Thánh Cao Đài Tây Ninh, tạo mối liên kết của các lễ hội này thu hút khách du lịch vào các điểm du lịch khác. (ii) Sản phẩm du lịch gắn liền với các di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh và các công trình văn hoá trên địa bàn. (iii) Sản phẩm du lịch sinh thái gắn với hệ sinh thái VQG, đồng quê, miệt vườn, Sản phẩm du lịch làng nghề. Tăng cường liên kết với khu du lịch núi Bà Đen, Tòa Thánh Cao Đài Tây Ninh, tăng cường đầu tư hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật, quảng bá xúc tiến, kêu gọi đầu tư, loại hình du lịch này, đào tạo nguồn nhân lực, xây dựng du lịch cộng đồng. (iv) Sản phẩm ẩm thực Tây Ninh: Phát triển sản phẩm ẩm thực đặc sản Tây Ninh bánh canh, bánh tráng phơi sương, măng cầu Bà Đen.

Về phát triển cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch

Phát triển đồng bộ hệ thống cơ sở hạ tầng du lịch, hiện đại hệ thống hạ tầng du lịch chú trọng tại các khu du lịch mới và đến các điểm tài nguyên du lịch. Ưu tiên vào đầu tư các khu, điểm, làng nghề truyền thống du lịch tâm cơ

quốc gia, quốc tế, đầu tư vào các Khách sạn từ 3 sao trở lên, các dịch vụ vui chơi giải trí độc đáo phục vụ khách du lịch nội địa và quốc tế và các trạm dừng chân...

Về đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

Liên kết hỗ trợ các đơn vị, doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ, du lịch trên địa bàn tỉnh thu hút nguồn nhân lực chuyên môn theo hướng chuyên nghiệp, chất lượng cao. Đồng thời, đẩy mạnh đào tạo nhóm nghề phục vụ cho phát triển du lịch và dịch vụ du lịch cho lao động nông thôn. Nâng cao trình độ ngoại ngữ cho cán bộ, công chức; hỗ trợ, khuyến khích các cơ sở đào tạo, các trường đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh mở các lớp, khoá đào tạo nghề dịch vụ, du lịch chất lượng cao.

Về phát triển thị trường, xúc tiến quảng bá, xây dựng thương hiệu du lịch

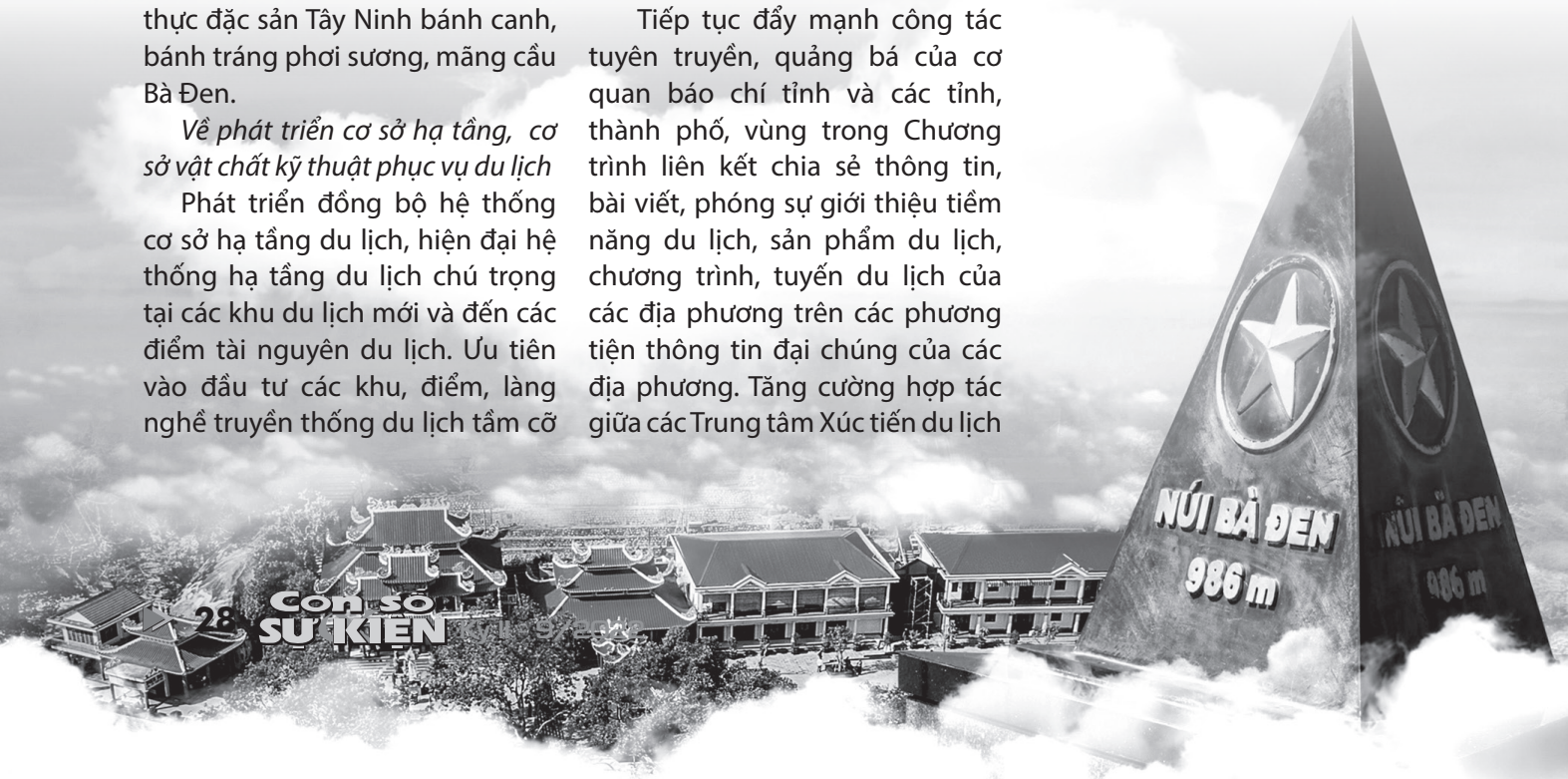
Phối hợp thực hiện các hoạt động xúc tiến điểm đến tới các thị trường mục tiêu thị trường nội địa và quốc tế. Triển khai ứng dụng du lịch thông minh trong công tác quảng bá xúc tiến du lịch, chiến lược quảng bá marketing điện tử song phương, đa phương các địa phương trong vùng.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quảng bá của cơ quan báo chí tỉnh và các tỉnh, thành phố, vùng trong Chương trình liên kết chia sẻ thông tin, bài viết, phóng sự giới thiệu tiềm năng du lịch, sản phẩm du lịch, chương trình, tuyến du lịch của các địa phương trên các phương tiện thông tin đại chúng của các địa phương. Tăng cường hợp tác giữa các Trung tâm Xúc tiến du lịch

của Tỉnh trong Chương trình liên kết trong việc phối hợp các Hiệp hội Du lịch, các doanh nghiệp du lịch cung cấp hình ảnh, sản phẩm du lịch đặc sắc, thông tin điểm đến cho du khách.

Tài liệu tham khảo

1. Tỉnh ủy Tây Ninh (2017). *Chương trình hành động số 68-CTr/TU ngày 05/10/2017 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị (khoá XII) về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.*
2. Tỉnh ủy Tây Ninh (2020). *Chương trình hành động số 13-CTr/TU ngày 22/12/2020 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tây Ninh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025 và Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Tây Ninh 5 năm 2021 - 2025;*
3. Cục Thống kê Tây Ninh (2016, 2017, 2018, 2019, 2020). *Niên giám thống kê năm 2016, 2017, 2018, 2019, 2020*
4. Đỗ Minh Huy (2015). *Phát triển du lịch tỉnh Tây Ninh trong bối cảnh Việt Nam hội nhập kinh tế quốc tế, luận văn Thạc sỹ, trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội.*

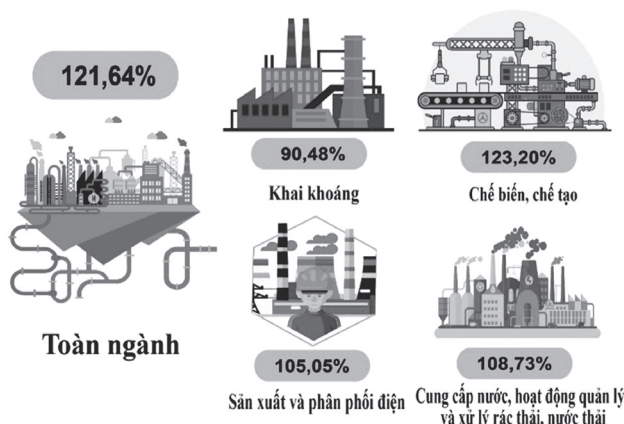


TIN ĐỊA PHƯƠNG

Bình Phước: 8 tháng năm 2022, chỉ số phát triển sản xuất công nghiệp tăng 21,64% so với cùng kỳ

Tính chung 8 tháng năm 2022, chỉ số phát triển sản xuất công nghiệp tăng 21,64% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó: Công nghiệp khai khoáng giảm 9,52% so với cùng kỳ năm trước; Công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 23,20%; Công nghiệp sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 5,05%; Công nghiệp cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 8,73%.

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) 8 tháng/2022 so với cùng kỳ năm trước



Trong các ngành công nghiệp cấp II, một số ngành có chỉ số sản xuất 8 tháng tăng cao so với cùng kỳ năm trước như: Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học tăng 1,06 lần; In, sao chép bản ghi các loại tăng 81,98%; Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu tăng 67,93%...

So với cùng kỳ, chỉ số sử dụng lao động đến cuối tháng 8 năm 2022 tăng 5,80%, trong đó: Khu vực doanh nghiệp nhà nước tăng 2,31%; khu vực doanh nghiệp ngoài quốc doanh giảm 49,59%; khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tăng 33,65%. Trong ngành công nghiệp cấp II, một số ngành có chỉ số sử dụng lao động tăng cao so với cùng kỳ năm trước như: Công nghiệp chế biến, chế tạo

khác tăng 4,12 lần; Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học tăng 224,74%; Sản xuất xe có động cơ tăng 201,61%; Dệt tăng 41,79%... Chỉ số tiêu thụ ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đến cuối tháng 8 giảm 32,53% so với cùng kỳ năm trước. Chỉ số tồn kho ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 8 giảm 22,54% so với cùng kỳ.

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Bình Phước

Vĩnh Phúc: Số doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động cao

Tám tháng đầu năm 2022, nền kinh tế phục hồi nhanh chóng sau đại dịch, Chính phủ ưu tiên ổn định, phát triển kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát,... do đó, tình hình đăng ký doanh nghiệp trên địa bàn Vĩnh Phúc tiếp tục ghi nhận nhiều tín hiệu tích cực. Số doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động đạt kết quả khả quan, cao gấp 2,3 lần số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường.

Tính đến ngày 15/8/2022, toàn tỉnh có 898 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng số vốn đăng ký là trên 18,6 nghìn tỷ đồng, tăng 18,16% về số doanh nghiệp, tăng mạnh 129,47% về vốn đăng ký so với cùng kỳ năm trước.

Số lượng doanh nghiệp tham gia quay trở lại thị trường có xu hướng tích cực với 314 doanh nghiệp, tăng 10,56% so với cùng kỳ năm trước, nâng tổng số doanh nghiệp thành lập mới và doanh nghiệp quay trở lại hoạt động trong 8 tháng đầu năm 2022 lên 1.212 doanh nghiệp (trung bình mỗi tháng có 152 doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động).

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Vĩnh Phúc

Bà Rịa - Vũng Tàu: Dịch vụ lưu trú, ăn uống du lịch tiếp tục hồi sinh mạnh mẽ

Dịch vụ lưu trú, ăn uống Du lịch tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tiếp tục hồi sinh mạnh mẽ sau hơn 2 năm gián đoạn vì dịch Covid-19. Trong mùa du lịch hè 2022, với không khí du lịch sôi động, nhộn nhịp trên toàn tỉnh,

khối lưu trú trên địa bàn tỉnh đạt công suất phòng rất tốt trên 90% như Camerlina, Grand Hồ Tràm, Biển Ngọc Hồ Tràm, Khách Sạn 6 Pullman...

Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống tháng 8 ước tính gần 1,2 nghìn tỷ đồng, tăng 0,25% so với tháng trước và tăng 76 lần so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 8 tháng là hơn 9,3 nghìn tỷ đồng, tăng 2,3 lần so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Dịch vụ lưu trú 3,0 nghìn tỷ đồng, tăng hơn 2 lần; dịch vụ ăn uống trên 6,3 nghìn tỷ đồng, tăng 2,5 lần.

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Phú Thọ: Tổng giá trị vốn đầu tư thực hiện thuộc nguồn vốn nhà nước tăng khá

Tổng giá trị vốn đầu tư thực hiện thuộc nguồn vốn nhà nước do địa phương quản lý tháng 8/2022 ước đạt 332,2 tỷ đồng, tăng 7,2% so với tháng cùng kỳ. Trong đó: Nguồn vốn NSNN cấp tỉnh ước đạt 202,9 tỷ đồng, tăng 10,8%; Vốn NSNN cấp huyện ước đạt 86,7 tỷ đồng, tăng 1,1%; Vốn NSNN cấp xã ước đạt 32,7 tỷ đồng, tăng 2,3%. Một số công trình có giá trị đầu tư đạt khá trong tháng gồm: Dự án đường giao thông liên vùng kết nối đường Hồ Chí Minh với QL70B, QL32C tỉnh Phú Thọ đi tỉnh Yên Bái ước đạt 62,1 tỷ đồng; dự án đầu tư xây dựng trường THPT chuyên Hùng Vương ước đạt 10 tỷ đồng; dự án cải tạo, nâng cấp đường giao thông kết nối quốc lộ 32 với quốc lộ 70B của tỉnh Phú Thọ đi tỉnh Hòa Bình (giai đoạn 2022-2024) ước đạt 8,7 tỷ đồng; dự án thành phần sửa chữa và nâng cao an toàn đập tỉnh Phú Thọ, thuộc dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8) ước đạt 7,8 tỷ đồng; nhà văn hóa nghệ thuật tỉnh Phú Thọ tại thành phố Việt Trì ước đạt 6 tỷ đồng; dự án đường giao thông liên huyện Thanh Thủy - Thanh Sơn ước đạt 5,6 tỷ đồng;

Tính chung 8 tháng, tổng giá trị vốn đầu tư thực hiện thuộc nguồn vốn nhà nước do địa phương quản lý trên địa bàn tỉnh ước thực hiện gần 2,5 nghìn

tỷ đồng, tăng 3,8% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, vốn NSNN cấp tỉnh 1,6 nghìn tỷ đồng, tăng 4,7%; vốn NSNN cấp huyện 639,3 tỷ đồng, tăng 2,8% và vốn ngân sách nhà nước cấp xã 236,4 tỷ đồng, tăng 0,6% so với cùng kỳ.

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Phú Thọ

Tỉnh Hòa Bình: Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn

Ước thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tháng 8/2022 đạt 575,9 tỷ đồng, đạt 8,98% so với chỉ tiêu Nghị quyết HĐND tỉnh giao. Thu NSNN đến hết tháng 8 ước đạt xấp xỉ 3.540 tỷ đồng, so với cùng kỳ tăng 47,72%. Trong đó: Thu nội địa ước đạt 3.291,3 tỷ đồng, so với cùng kỳ năm trước tăng 54,83%; thu xuất khẩu ước đạt gần 248,7 tỷ đồng, giảm 8,11%.

Thu ngân sách địa phương ước thực hiện hết tháng 8/2022 đạt gần 11,3 tỷ đồng, tăng 71,21% so với cùng kỳ năm trước, bằng 93,69% so với dự toán Thủ tướng Chính phủ và bằng 77,6% chỉ tiêu Nghị quyết HĐND tỉnh giao, trong đó: Thu điều tiết được hưởng theo phân cấp 3.010,7 tỷ đồng; thu bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương 4.916 tỷ đồng; thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương 1.765,5 tỷ đồng.

Chi ngân sách địa phương ước thực hiện hết tháng 8/2022 đạt 8.764,3 tỷ đồng, tăng 13,49% so với cùng kỳ năm trước, bằng 72,27% so với dự toán Thủ tướng Chính phủ giao và bằng 59,93% Nghị quyết HĐND tỉnh, trong đó: Chi đầu tư phát triển ước thực hiện 1.706,4 tỷ đồng, bằng 40,32% so với chỉ tiêu Nghị quyết HĐND tỉnh giao; chi thường xuyên ước thực hiện 5.894,9 tỷ đồng, bằng 68,96% chỉ tiêu Nghị quyết HĐND tỉnh giao; chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương ước thực hiện 1.074,8 tỷ đồng, bằng 67,94% so với chỉ tiêu Nghị quyết HĐND tỉnh giao./

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Hòa Bình

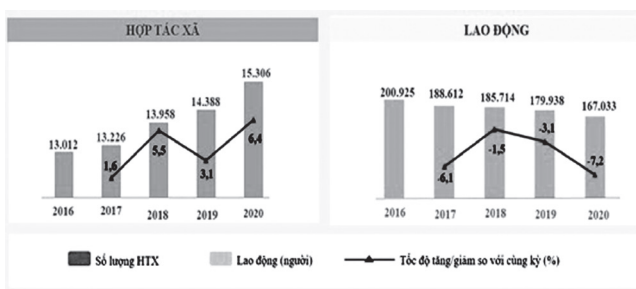
TỔNG ĐIỀU TRA KINH TẾ NĂM 2021 - PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ THỜI HỘI NHẬP

Kinh tế tập thể với nòng cốt là hợp tác xã đã thể hiện được vai trò quan trọng đối với nền kinh tế - xã hội Việt Nam. Trong thời kỳ hội nhập kinh tế sâu rộng, tư duy về mô hình hợp tác xã kiểu mới, đặt cao sự hợp tác đã có những thành công nhất định, góp phần hoàn thiện quan hệ sản xuất, phù hợp với cơ chế thị trường. Vì vậy, sự phát triển của hợp tác xã trong thời kỳ hội nhập cũng nhận được rất nhiều sự quan tâm của các cấp, bộ, ngành và địa phương.

Kết quả Tổng điều tra Kinh tế năm 2021 của Tổng cục Thống kê đã cho thấy bức tranh tương đối đầy đủ về sự tăng trưởng của hợp tác xã (HTX) trong giai đoạn 2016-2020, khi đất nước đang trên đà hội nhập mạnh mẽ. Theo đó, số lượng HTX năm 2020 vẫn giữ nhịp tăng trưởng và cao hơn mức tăng bình quân chung của cả giai đoạn 2016-2020; lao động giảm dần trong cả giai đoạn 2016-2020 và giảm mạnh ở năm 2020, quy mô HTX đang dần thu hẹp. Cụ thể:

Tính đến 31/12/2020, cả nước có 15,3 nghìn HTX đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh (SXKD), tăng 6,4% so với năm 2019; thu hút 167,0 nghìn lao động, giảm 7,2% so với năm 2019, đây là mức giảm lao động mạnh nhất trong giai đoạn 2016-2020.

Biểu đồ 1: Số HTX và lao động trong HTX đang hoạt động có kết quả SXKD



Trong giai đoạn 2016-2020, số HTX tăng tương đối ổn định, bình quân mỗi năm tăng 4,1%, tuy nhiên, số lao động trong HTX giảm dần, bình quân mỗi năm giảm 4,5%. Quy mô HTX đang dần bị thu hẹp, số lao động bình quân mỗi HTX giai đoạn 2016-2020 là 13,2 người/HTX, giảm 23,5% so với bình quân giai đoạn 2011-2015. Nguyên nhân của sự sụt giảm lao động trong giai đoạn 2016-2020 một phần là do xu hướng thu hẹp quy mô của các HTX, phần khác

là do năm 2020, đại dịch Covid-19 xảy ra làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động SXKD của các HTX, tình trạng cắt giảm lao động trong các HTX năm 2020 mạnh hơn các năm trước.

HTX trong khu vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng cao nhất về số HTX và lao động nhưng thấp nhất về nguồn vốn, doanh thu thuần và lợi nhuận trước thuế. Năm 2020, HTX trong khu vực này bị ảnh hưởng nặng nề nhất bởi tác động của đại dịch Covid-19.

Đại dịch Covid-19 trong năm 2020 ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động SXKD của HTX. Tại thời điểm dịch Covid-19 bùng phát mạnh làm đứt gãy chuỗi cung ứng, nhiều mặt hàng nông sản, thủy sản không thể lưu thông, khó khăn trong xuất khẩu và tiêu thụ trong nước. Tính đến 31/12/2020, khu vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản có 7,8 nghìn HTX đang hoạt động có kết quả SXKD, chiếm 50,8% tổng số HTX; thu hút 72,6 nghìn lao động, chiếm 43,5% lao động của toàn bộ HTX; 17,5 nghìn tỷ đồng nguồn vốn, chiếm 6,4% tổng nguồn vốn của HTX; tạo ra 9,6 nghìn tỷ đồng doanh thu thuần, chiếm 10,4% tổng doanh thu thuần của toàn bộ HTX và 303,2 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, chiếm 8,2% tổng lợi nhuận trước thuế của toàn bộ khu vực HTX.

Theo khu vực kinh tế, kết quả hoạt động của HTX trong khu vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2020 giảm sâu. Cụ thể, nguồn vốn giảm 33,7%; doanh thu thuần giảm 43,9%; lợi nhuận trước thuế giảm 24,2% so với cùng kỳ năm 2019. So với cùng thời điểm năm 2016, số HTX nông, lâm nghiệp và thủy sản đang hoạt động có kết quả SXKD tăng 17,6%; số lao động giảm 15,6%; nguồn vốn tăng 36,7%, doanh thu thuần tăng 36,3%, lợi nhuận trước thuế giảm 40,5%.

HTX nông, lâm nghiệp và thủy sản có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển hoạt động nông,



lâm nghiệp và thủy sản; là nhân tố chính để đổi mới, nâng cao trình độ sản xuất nông nghiệp, nông thôn. Giai đoạn 2011-2015, HTX khu vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản có số lượng bình quân năm chiếm 53,0% tổng số HTX, giảm xuống 50,8% trong giai đoạn 2016-2020. Tỷ lệ lao động giảm nhẹ từ 43,0% giai đoạn 2011-2015 xuống 42,8% giai đoạn 2016-2020; tỷ lệ nguồn vốn giảm từ 9,5% xuống 9,0%; tỷ lệ doanh thu thuần tăng từ 10,1% lên 12,4%; tỷ lệ lợi nhuận tăng từ 9,5% lên 11,9% so với kết quả của toàn bộ khu vực HTX.

Tiếp theo, khu vực Dịch vụ chiếm tỷ trọng cao thứ hai về số HTX và lao động nhưng lại chiếm tỷ trọng cao nhất về nguồn vốn, doanh thu thuần và lợi nhuận trước thuế. Năm 2020, nguồn vốn tăng nhưng doanh thu thuần giảm, lợi nhuận chỉ tăng ở một số ngành: bán buôn, bán lẻ, điện, nước và ngân hàng.

HTX khu vực Dịch vụ chịu tác động nặng nề do dịch Covid-19 kéo dài, hầu hết các ngành đều bị giảm sâu. Tính đến thời điểm 31/12/2020, khu vực Dịch vụ có 4,7 nghìn HTX, chiếm 30,7% tổng số HTX, tăng 8,0% so với cùng thời điểm năm 2019; thu hút 58,0 nghìn lao động, chiếm 34,7% lao động của tổng số lao động HTX, giảm 7,8% so với cùng thời điểm năm 2019.

HTX khu vực Dịch vụ thu hút 228,2 nghìn tỷ đồng vốn, chiếm 83,4% tổng nguồn vốn của HTX và tăng 33,8% so với cùng thời điểm năm 2019, chủ yếu tập trung vào các ngành: Bán buôn và bán lẻ, tăng 20,6%, ngành hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 41,1%. Đây là hai ngành thu hút vốn nhiều nhất của khu vực HTX với tỷ lệ tương ứng là 12,2% và 65,3%.

Doanh thu thuần của HTX khu vực dịch vụ năm 2020 đạt 65,0 nghìn tỷ đồng, chiếm 70,5% tổng doanh thu thuần của toàn bộ HTX, giảm 3,2% so với năm 2019. Do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên việc tiêu thụ hàng hóa chậm hơn, nhiều ngành bị giảm sâu như: Ngành nghề thuật, vui chơi và giải trí giảm 82,8%; ngành vận tải, kho bãi giảm 20,7%, ngành bán buôn và bán lẻ giảm 9,1%. Ngược lại, ngành hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 32,7% đã giúp bù đắp một phần giảm sút của các ngành kinh tế khác.

HTX khu vực Dịch vụ tạo ra 2,4 nghìn tỷ đồng lợi nhuận thuần, chiếm 65,5% tổng lợi nhuận trước thuế của toàn bộ HTX và giảm hầu hết ở tất cả các ngành kinh tế. Riêng hai ngành: Bán buôn và bán lẻ tăng 13,7%, chiếm 49,0% lợi nhuận khu vực dịch vụ; ngành hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 35%, chiếm 52,7% lợi nhuận của khu vực Dịch vụ, làm cho tổng lợi nhuận trước thuế của các HTX khu vực Dịch vụ tăng 18,8% so với năm 2019.

So với cùng thời điểm năm 2016, HTX khu vực Dịch vụ tăng 21,9% về số HTX nhưng giảm 14,9% về số lao động, nguồn vốn tăng 70,3%, doanh thu thuần tăng 48,3%, lợi nhuận trước thuế tăng 21,4%.

Bình quân giai đoạn 2011-2015, khu vực dịch vụ có số lượng HTX chiếm 24,8% toàn bộ khu vực HTX, tăng lên 30,5% trong giai đoạn 2016-2020, bình quân mỗi năm số HTX tăng 5,1%; tương ứng tỷ trọng lao động tăng từ 30,9% lên 34,4%; tỷ trọng nguồn vốn tăng từ 77,5% lên 79,8%; tỷ trọng doanh thu thuần giảm từ 72,0% xuống 69,9%; tỷ trọng lợi nhuận trước thuế giảm từ 84,3% xuống 73,6%.

Trong bối cảnh dịch Covid-19 bùng phát và kéo dài, khu vực

Công nghiệp - Xây dựng bị đình trệ sản xuất nhưng là khu vực duy nhất có doanh thu thuần năm 2020 tăng so với cùng kỳ.

Tại thời điểm 31/12/2020, có 2,8 nghìn HTX Công nghiệp - Xây dựng đang hoạt động có kết quả SXKD, tăng 8,2% so với cùng thời điểm năm 2019; thu hút 36,5 nghìn lao động, giảm 7,3%.

Nguồn vốn của HTX khu vực Công nghiệp - Xây dựng đạt 27,9 nghìn tỷ đồng, giảm 3,3%, giảm hầu hết ở tất cả các ngành. Cụ thể, ngành khai khoáng giảm 11,5%, ngành công nghiệp chế biến giảm 4,1%, ngành cung cấp nước, xử lý nước thải, rác thải giảm 9,0%; ngành xây dựng giảm 2,8%; riêng ngành sản xuất và phân phối điện tăng 15,1% so với cùng thời điểm năm 2019.

Doanh thu thuần HTX khu vực Công nghiệp - Xây dựng đạt 17,6 nghìn tỷ đồng, tăng 13,2%, trong đó ngành xây dựng tăng cao nhất với 63,7%; tiếp đến là ngành sản xuất và phân phối điện tăng 16,5% so với cùng kỳ năm 2019.

Lợi nhuận trước thuế đạt 975,2 tỷ đồng, tăng 355,6%, trong đó, lợi nhuận trước thuế ngành xây dựng chiếm 83,0% lợi nhuận trước thuế của HTX khu vực Công nghiệp - Xây dựng, tăng 924,1% so với cùng thời điểm 2019; ngành cung cấp nước, xử lý rác thải, nước thải tăng 50,0% và ngành sản xuất và phân phối điện tăng 13,3% cũng góp phần làm cho lợi nhuận trước thuế khu vực Công nghiệp - Xây dựng tăng cao so với cùng kỳ năm 2019.

So với cùng thời điểm năm 2016, HTX khu vực Công nghiệp - Xây dựng tăng 11,3% số HTX; giảm 22,0% lao động; tăng 46,9% nguồn vốn; tăng 36,5% doanh thu thuần; tăng 276,7% lợi nhuận trước thuế.



Giai đoạn 2016-2020, ngành khai khoáng có xu hướng thu hẹp với sự sụt giảm cả về số lượng HTX, lao động và kết quả SXKD cho thấy nguồn tài nguyên ngày càng cạn kiệt, khai thác ngày càng khó khăn nên không còn mang lại lợi nhuận cho các HTX.

Tại thời điểm 31/12/2020, có 165 HTX hoạt động trong ngành khai khoáng, giảm 8,3% so với cùng thời điểm năm 2019, thu hút 3,8 nghìn lao động, giảm 8,8%; nguồn vốn đạt 1,7 nghìn tỷ đồng, giảm 11,5%; tạo ra 1,1 nghìn tỷ đồng doanh thu thuần, giảm 6,5%; lợi nhuận đạt 28,1 tỷ đồng, giảm 45,1% so với cùng kỳ năm 2019.

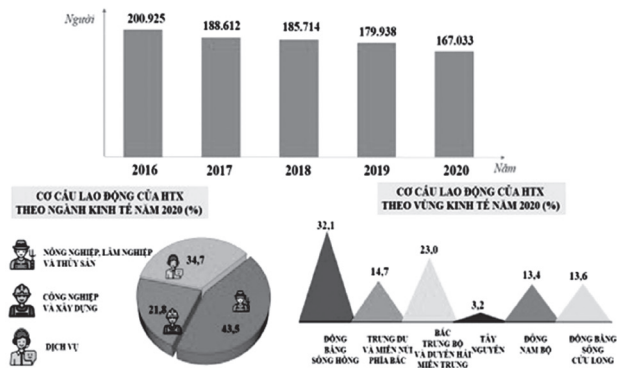
Sự sụt giảm mạnh của ngành khai khoáng cả về số lượng HTX, lao động và kết quả SXKD do khai thác tài nguyên thiên nhiên ngày càng khó khăn, bình quân mỗi năm có 185 HTX, giảm 44,7% so với giai đoạn 2011-2015; thu hút 4,5 nghìn lao động, giảm 49,9%; nguồn vốn đạt 1,7 nghìn tỷ đồng, giảm 14,3%; doanh thu thuần đạt 1,0 nghìn tỷ đồng, giảm 18,0%; lợi nhuận đạt 57 tỷ đồng, tăng 39,5% so với giai đoạn 2011-2015. Nhìn ở khía cạnh tích cực, sự giảm sâu của ngành khai khoáng là động lực quan trọng để các nhà quản lý quyết tâm đổi mới tư duy, chuyển đổi mô hình tăng trưởng, hạn chế khai thác tài nguyên.

Vùng Đồng bằng sông Hồng tập trung số lượng HTX và thu hút lao động nhiều nhất cả nước, do có lợi thế về điều kiện tự nhiên như: Tài nguyên thiên nhiên phong phú, dân cư đông... và nhiều đặc trưng riêng. Theo đó, nhiều mô hình HTX nông nghiệp được xây dựng hỗ trợ hiệu quả cho phát triển kinh tế hộ gia đình và mở ra những triển vọng mới để tái cơ cấu và đổi mới sản xuất nông nghiệp phục vụ hội nhập sâu vào nền kinh tế toàn cầu. Đây chính là một trong những lý do HTX vùng Đồng bằng sông Hồng phát triển mạnh. Tính đến thời điểm 31/12/2020, vùng Đồng bằng sông Hồng có 4,5 nghìn HTX, chiếm 29,3% số HTX cả nước; thu hút 53,6 nghìn lao động, chiếm 32,1% số lao động của cả nước và là vùng có tỷ trọng số HTX và lao động cao nhất cả nước.

Tính đến thời điểm 31/12/2020, Hà Nội đứng đầu vùng Đồng bằng sông Hồng và cả nước về số HTX với 1,3 nghìn HTX, chiếm 8,7% số HTX cả nước; thu hút 64,1 nghìn tỷ đồng vốn, chiếm 23,4% tổng nguồn vốn của khu vực HTX. So với cùng thời điểm năm 2016, Hà Nội tăng 0,2% số HTX; lao động giảm 31,3%, nguồn vốn tăng 58,0%.

Thành phố Hồ Chí Minh đứng đầu vùng Đông Nam Bộ và cả nước về lao động, thu hút 14,9 nghìn người, chiếm 8,9% tổng số lao động trong khu vực

Biểu đồ 2: Lao động trong HTX đang hoạt động có kết quả SXKD



HTX; doanh thu thuần đạt 31,9 nghìn tỷ đồng, chiếm 34,6%; lợi nhuận trước thuế đạt 1,1 nghìn tỷ đồng, chiếm 28,8%. So với cùng thời điểm năm 2016, lao động của Thành phố Hồ Chí Minh giảm 14,1%; doanh thu tăng 95,4%; lợi nhuận tăng 38,1%.

Tại thời điểm 31/12/2020, vùng Đồng bằng sông Hồng có số lượng HTX giảm 0,7% so với cùng thời điểm năm 2016. Trong khi đó, các vùng còn lại có số lượng HTX đều tăng. Cụ thể, vùng Tây Nguyên tăng 72,0%; vùng Đồng bằng sông Cửu Long tăng 53,6%; vùng Trung du và miền núi phía Bắc tăng 39,2%; vùng Đông Nam Bộ tăng 27,2%; vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung tăng 6,3% so với cùng thời điểm năm 2016.

Vùng Đồng bằng sông Hồng có số lượng HTX giai đoạn 2011-2015 chiếm 37,9% tổng số HTX, giảm xuống 32,3% trong giai đoạn 2016-2020; lao động giảm từ 38,9% xuống 34,7%. Trong khi đó, các vùng còn lại có tỷ lệ số lượng HTX bình quân giai đoạn 2016-2020 đều tăng so với giai đoạn 2011-2015. Cụ thể, vùng Trung du và miền núi phía Bắc tăng từ 16,8% lên 17,1%; vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung tăng từ 27,0% lên 27,7%; vùng Tây Nguyên tăng từ 3,1% lên 4,6%; vùng Đông Nam Bộ tăng từ 5,7% lên 7,1%; vùng Đồng bằng sông Cửu Long tăng từ 9,5% lên 11,2%.

Những phát hiện dựa trên Kết quả Tổng điều tra kinh tế năm 2021 của Tổng cục Thống kê đã đem lại cái nhìn tương đối đầy đủ về sự tăng trưởng của HTX Việt Nam trong giai đoạn đất nước đang chuyển mình mạnh mẽ. Điều này sẽ giúp ích rất nhiều cho Chính phủ trong chỉ đạo, điều hành và ban hành các chủ trương chính sách phát triển kinh tế - xã hội trong tương lai./.

Thu Hiền (Tổng điều tra kinh tế năm 2021-
Kết quả chính thức)



Doanh thu, lợi nhuận doanh nghiệp Việt Nam CÓ TỐC ĐỘ TĂNG KHÁ

Tổng điều tra kinh tế năm 2021 được Tổng cục Thống kê thực hiện theo Quyết định số 307/QĐ-TTg ngày 27/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ. Đây là cuộc Tổng điều tra có quy mô lớn, đã khắc họa rõ nét hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp Việt Nam trong thời gian qua.

Theo kết quả TĐT kinh tế năm 2021, trong giai đoạn 2016-2019, số lượng doanh nghiệp tăng lên và có xu hướng tăng chậm lại vào năm 2020 do ảnh hưởng của dịch Covid-19.

Tính đến thời điểm 31/12/2020, cả nước có 684,3 nghìn doanh nghiệp đang hoạt động có sản xuất kinh doanh (SXKD), tăng 35,5% (tăng 179,2 nghìn doanh nghiệp) so với năm 2016. Giai đoạn 2016-2020, bình quân mỗi năm số doanh nghiệp tăng 7,9%. Tuy nhiên, mức tăng này vẫn thấp hơn mức tăng 8,7% bình quân năm của giai đoạn 2011-2016.

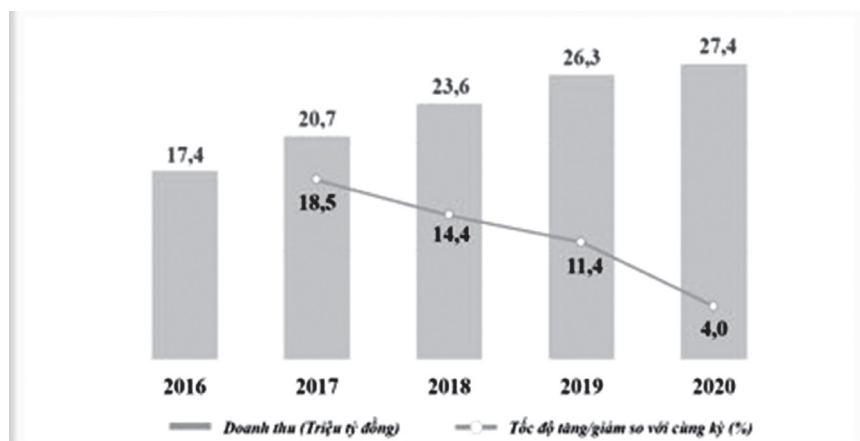
So với cùng thời điểm năm 2019, số doanh nghiệp tăng 2,4%, là mức tăng trưởng thấp nhất trong cả giai đoạn 2016-2020. Nếu tính riêng giai đoạn 2016-2019, tốc độ tăng doanh nghiệp bình quân mỗi năm đạt 9,8%/năm, cao hơn so với mức tăng bình quân 8,1%/năm của giai đoạn 2011-2015). Cụ thể, tốc độ tăng các năm 2017, 2018 và 2019 lần lượt là 11,0%; 9,0% và 9,5%.

Doanh thu thuần của doanh nghiệp có tốc độ tăng trưởng cao

Theo kết quả TĐTKT năm 2021, giai đoạn 2016-2019, doanh thu thuần của doanh nghiệp luôn có tốc độ tăng trưởng cao, tuy nhiên mức tăng trưởng có xu hướng giảm qua từng năm và chậm lại vào năm 2020 do ảnh hưởng của dịch Covid-19.

Tổng doanh thu thuần của toàn bộ khu vực doanh nghiệp tạo ra trong năm 2020 đạt 27,4 triệu tỷ đồng, tăng 4% so với năm 2019 và tăng 57% so với năm 2016. Mức tăng trưởng doanh thu thuần có xu hướng giảm dần, với tốc độ tăng các năm 2017, 2018, 2019 và 2020 lần lượt đạt 18,5%; 14,4%; 11,4% và 4,0%. Bình quân giai đoạn 2016-2020, doanh thu thuần của doanh nghiệp đạt 23,1 triệu tỷ đồng/năm, với tốc độ tăng bình quân 12%/năm, tăng 85,8% so với giai đoạn 2011-2015. Tính riêng giai đoạn 2016-2019, doanh thu thuần của doanh nghiệp đạt mức tăng trưởng bình quân ấn tượng hơn nữa với mức tăng 14,7%/năm.

Biểu đồ 1. Doanh thu thuần của doanh nghiệp đang hoạt động có kết quả SXKD

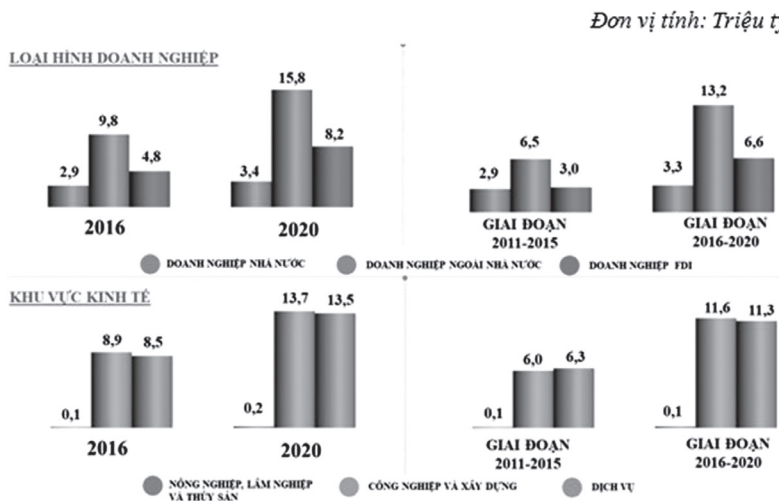


Theo loại hình kinh tế, doanh nghiệp ngoài nhà nước tạo ra nhiều doanh thu thuần nhất, cao gấp 1,9 lần doanh nghiệp FDI và gấp 4,6 lần doanh nghiệp nhà nước. Doanh thu thuần doanh nghiệp ngoài nhà nước đạt 15,8 triệu tỷ đồng năm 2020, tăng 4,3% so với năm 2019 và tăng 61,7% so với năm 2016.

Doanh nghiệp FDI dù chịu tác động nặng nề của dịch bệnh Covid-19 nhưng với sức chống chịu tốt, thích ứng linh hoạt và phát triển bền vững nên đã trở thành điểm sáng của nền kinh tế, đóng góp tích cực vào tăng trưởng chung của toàn bộ doanh nghiệp khi đạt mức tăng trưởng 7,1% so với năm 2019, tạo ra 8,2 triệu tỷ đồng và tăng 69,5% so với năm 2016.

Doanh nghiệp nhà nước tạo ra 3,4 triệu tỷ đồng, giảm 4% so với năm 2019, tăng 20% so với năm 2016.

Biểu đồ 2. Doanh thu thuần của doanh nghiệp đang hoạt động có kết quả SXKD phân theo loại hình doanh nghiệp và khu vực kinh tế



Bình quân giai đoạn 2016-2020, doanh nghiệp ngoài nhà nước tạo ra 13,2 triệu tỷ đồng doanh thu mỗi năm, với tốc độ tăng bình quân giai đoạn đạt 12,8%/năm, tăng 101,3% so với giai đoạn 2011-2015. Doanh nghiệp FDI tạo ra doanh thu bình quân 6,6 triệu tỷ đồng/năm, tăng 14,1%/năm, tăng 118,6% so với giai đoạn trước. Doanh nghiệp nhà nước tạo ra doanh thu bình quân 3,3 triệu tỷ đồng/năm, tăng 4,6%/năm và tăng 15,1% so với giai đoạn trước.

Kết quả TĐTKT năm 2021 cũng cho thấy, khu vực Công nghiệp - Xây dựng đóng vai trò chủ chốt và là động lực tăng trưởng của nền kinh tế, công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm tỷ trọng ngày càng cao, giảm dần phụ thuộc vào khai thác tài nguyên, lao động rẻ.

Cụ thể, năm 2020, doanh nghiệp khu vực Công nghiệp - Xây dựng tạo ra nhiều doanh thu thuần nhất, đạt 13,7 triệu tỷ đồng, chiếm 50,1% doanh thu thuần của toàn bộ doanh nghiệp, tăng 4,4% so với năm 2019 và tăng 54,4% so với năm 2016. Đây là năm có tốc độ tăng trưởng thấp nhất trong giai đoạn 2016-2020. Doanh nghiệp các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo của Việt Nam phụ thuộc lớn vào nguồn nguyên vật liệu nhập khẩu nên khi dịch bệnh Covid-19 bùng nổ trên toàn cầu, các ngành công nghiệp trong nước gặp rất nhiều khó khăn do chuỗi cung ứng toàn cầu bị gián đoạn, đứt gãy, gây thiếu nguồn cung đầu vào, khó khăn trong tiêu thụ các sản phẩm đầu ra.

Doanh nghiệp khu vực Dịch vụ dù bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 nhưng vẫn đóng góp 13,5 triệu tỷ đồng doanh thu thuần trong năm 2020, chiếm 49,3%, tăng 3,7% so với năm 2019 và tăng 59,4% so với năm 2016.

Khu vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản tạo ra 158,1 nghìn tỷ đồng doanh thu thuần năm 2020, chiếm 0,6%, giảm 6,2% so với năm 2019 và tăng 85,3% so với năm 2016.

Giai đoạn 2016-2020, tiếp tục thực hiện chủ trương đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, doanh nghiệp khu vực Công nghiệp - Xây dựng tạo ra nhiều doanh thu nhất, với doanh thu thuần bình quân đạt 11,6 triệu tỷ đồng/năm, chiếm 50,4% doanh thu thuần tạo ra của toàn bộ khu vực doanh nghiệp, tăng 92,4% so với bình quân giai đoạn 2011-2015. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến,

chế tạo chiếm tỷ trọng ngày càng cao (73,9% bình quân giai đoạn 2011-2015 lên 76,6% bình quân giai đoạn 2016-2020), ngành khai khoáng chiếm tỷ trọng ngày càng giảm (5,7% bình quân giai đoạn 2011-2015 xuống 2,8% bình quân giai đoạn 2016-2020).

Doanh thu của doanh nghiệp khu vực Dịch vụ cho thấy vai trò quan trọng trong tăng trưởng của nền kinh tế, khi duy trì nhịp tăng trưởng nhanh (bình quân 15,4%) trong suốt giai đoạn 2016-2019, chiếm 49,1%, tăng 79,6% so với bình quân giai đoạn trước.

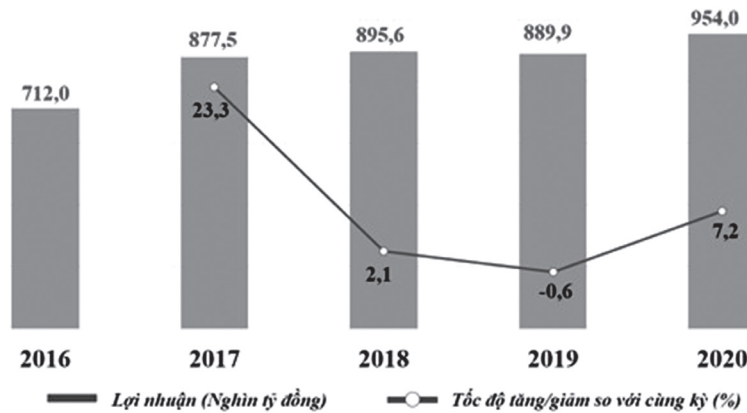
Trong những năm vừa qua, khu vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản được cơ cấu lại theo hướng hiện đại, đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, mang lại những thay đổi tích cực cho khu vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản. Giai đoạn 2016-2019 chứng kiến thời kỳ phát triển mạnh mẽ của doanh nghiệp khu vực này, khi doanh thu thuần bình quân giai đoạn đạt mức tăng trưởng 25,5%/năm, cao nhất trong 3 khu vực kinh tế; tuy nhiên do ảnh hưởng của dịch bệnh vào năm 2020 đã kéo mức tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016-2020 xuống 16,7%/năm, tăng 79,7% so với giai đoạn trước.

Lợi nhuận tạo ra bởi doanh nghiệp có tốc độ tăng trưởng chưa đồng đều giữa các năm.

Năm 2020, tổng lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp đạt 954 nghìn tỷ đồng, tăng 7,2% so với năm 2019 và tăng 34% so với năm 2016. Bình quân giai đoạn 2016-2020, lợi nhuận trước thuế mỗi năm được tạo ra đạt 865,6 nghìn tỷ đồng, với tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 7,6%/năm, tăng 88,9% so với giai đoạn 2011-2015. Tuy nhiên, tốc độ tăng

lợi nhuận hàng năm của các doanh nghiệp có biến động, với mức tăng trưởng qua các năm 2017, 2018, 2019 và 2020 lần lượt đạt 23,3%; 2,1%; -0,6% và 7,2%.

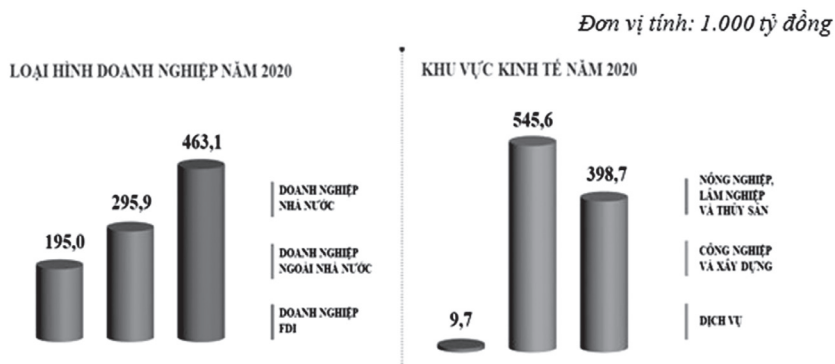
Biểu đồ 3. Lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp đang hoạt động có kết quả SXKD



Doanh nghiệp FDI đóng góp nhiều lợi nhuận nhất trong các loại hình doanh nghiệp.

Năm 2020, doanh nghiệp FDI tạo ra nhiều lợi nhuận trước thuế nhất trong 3 loại hình doanh nghiệp, đạt 463,1 nghìn tỷ đồng, chiếm 48,6% trong tổng lợi nhuận trước thuế của toàn bộ doanh nghiệp, tăng 14,1% so với năm 2019 và tăng 41,8% so với năm 2016. Doanh nghiệp ngoài nhà nước đóng góp đáng kể trong tổng lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp, đạt 295,9 nghìn tỷ đồng, chiếm 31%, tăng 6,6% so với năm 2019 và tăng 57,3% so với năm 2016. Doanh nghiệp nhà nước tạo ra 195 nghìn tỷ đồng, chiếm 20,4%, giảm 5,7% so với năm 2019 và giảm 1,4% so với năm 2016.

Biểu đồ 4. Lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp đang hoạt động có kết quả SXKD phân theo loại hình doanh nghiệp và khu vực kinh tế



Giai đoạn 2016-2020, lợi nhuận trước thuế bình quân doanh nghiệp FDI tạo ra đạt 392,5 nghìn tỷ đồng/năm, tăng 9,1%/năm và tăng 111,6% so với bình quân giai đoạn 2011-2015. Doanh nghiệp ngoài nhà nước

có lợi nhuận trước thuế bình quân đạt 275,1 nghìn tỷ đồng/năm, tăng 12%/năm và tăng 172,9% so với bình quân giai đoạn trước. Doanh nghiệp nhà nước có lợi nhuận trước thuế bình quân đạt 197,9 nghìn tỷ đồng/năm, giảm 0,3%/năm và tăng 15,2% so với bình quân giai đoạn trước.

Theo khu vực kinh tế, doanh nghiệp trong khu vực Công nghiệp - Xây dựng đóng góp nhiều lợi nhuận nhất trong các khu vực của toàn bộ doanh nghiệp.

Năm 2020, doanh nghiệp trong khu vực Công nghiệp - Xây dựng tạo ra nhiều lợi nhuận trước thuế nhất, đạt 545,6 nghìn tỷ đồng, chiếm 57,2% trong tổng lợi nhuận trước thuế của toàn bộ doanh nghiệp, tăng 15,5% so với năm 2019 và tăng 22,2% so với năm 2016. Doanh nghiệp khu vực Dịch vụ tạo ra 398,7 nghìn tỷ đồng, chiếm 41,8%, giảm 4,7% so với năm 2019 và tăng 52,8% so với năm 2016. Doanh nghiệp khu vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản tạo ra 9,7 nghìn tỷ đồng, đây là sự chuyển biến tích cực khi năm 2019 khu vực này thua lỗ 543 tỷ đồng, và tăng 100,9% so với năm 2016.

Bình quân giai đoạn 2016-2020, doanh nghiệp khu vực Công nghiệp - Xây dựng có lợi nhuận trước thuế là 493,7 nghìn tỷ đồng/năm, tăng 5,2%/năm và tăng 77% so với giai đoạn 2011-2015. Doanh nghiệp khu vực Dịch vụ tạo ra lợi nhuận đạt 367,6 nghìn tỷ đồng/năm, tăng 11,2%/năm và tăng 114,2% so với bình quân giai đoạn trước. Doanh nghiệp khu vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản tạo ra 4,3 nghìn tỷ đồng/năm, tăng 19,1%/năm và giảm 44,2% so với bình quân lợi nhuận giai đoạn trước./.

Bích Ngọc

Thế giới trước tình trạng thời tiết ngày càng khắc nghiệt

Gia Linh

Những tháng qua, cả thế giới phải đối mặt với tình trạng thời tiết bất thường, diễn biến phức tạp và khắc nghiệt. Trong khi châu Âu hứng chịu những đợt nắng nóng khủng khiếp, hạn hán kỷ lục; châu Á “oằn mình” chống chọi với mưa lớn bất thường, lũ lụt, thiên tai... Những hiện tượng thời tiết khắc nghiệt đó một lần nữa gióng lên hồi chuông cảnh báo về tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu toàn cầu tới thời tiết của cả thế giới hiện nay.

Tại Châu Á, những trận mưa lũ lịch sử xảy ra vào các tháng mùa hè vừa qua đã cho thấy mức độ nghiêm trọng của tình trạng biến đổi khí hậu dẫn đến những diễn biến phức tạp của thời tiết.

Tại Hàn Quốc: Cơ quan Khí tượng Hàn Quốc (KMA) cho biết, Hàn Quốc vừa trải qua trận mưa lớn kỷ lục tại thủ đô Seoul và một số nơi khác ở miền Trung và Đông của nước này. Mưa lớn với tổng mực nước đo được lên tới 525mm đã trút xuống thủ đô Seoul từ ngày 8/8 đến sáng 10/8. Trong khi đó, ở Yanpyeong, cách Seoul 45km về phía Đông, tổng mực nước mưa đo được trong cùng giai đoạn lên đến 526,2mm.

Trong đêm 7/8/2022, nhiều khu vực của Seoul, thành phố cảng Incheon và tỉnh Gyeonggi đã hứng chịu trận mưa lớn hơn 100mm mỗi giờ. Lượng mưa mỗi giờ tại quận Dongjak của Seoul có thời điểm đã vượt qua 141,5mm, trở thành trận mưa lớn nhất kể từ năm 1942. Đến 4 giờ sáng theo giờ địa phương, lượng mưa tích lũy tại quận này đạt 417mm. Nước lũ dâng nhanh gây ngập lụt



nhà cửa, đường phố và ga tàu điện ngầm. Tại khu vực Gangnam, ngày 8/8 một số tòa nhà và cửa hàng bị ngập nước và mất điện; ô tô, xe buýt và ga tàu điện ngầm bị nhấn chìm; nhiều người dân bị mắc kẹt bởi nước dâng quá nhanh. Nhiều tuyến đường ngập nặng gây cản trở các phương tiện giao thông, trong khi các tuyến đường sắt và tàu điện ngầm đã phải dừng hoạt động. Các con đường chính ở Daechidong, phía nam Seoul bị ngập hoàn toàn. Hàng loạt phương tiện chết máy giữa đường do ngập nước, khiến tài xế phải bỏ xe lại trên đường, làm trầm trọng thêm tình trạng tắc nghẽn giao thông. Chính quyền thành phố Seoul đã phải phát thông báo kêu gọi

người dân chuẩn bị đối phó với thiệt hại do lũ lụt gây ra, đồng thời ra lệnh sơ tán tại các khu vực trũng thấp và sạt lở đất để hạn chế thương vong.

Trước những diễn biến đột suất và phức tạp của thời tiết, chính quyền Trung ương Hàn Quốc đã tiến hành cuộc họp ứng phó khẩn cấp, ra lệnh cho các cơ quan chức năng tập trung vào việc ngăn chặn thương vong, nhanh chóng kiểm soát và khắc phục các khu vực bị ngập lụt.

Đợt mưa kỷ lục bắt đầu từ ngày 8/8 đã gây thiệt hại lớn cho Hàn Quốc với nhiều người thiệt mạng, mất tích, khoảng 7.955 người bị ảnh hưởng, 6.876 ngôi nhà và hơn 1.140ha đất canh tác bị ngập úng.

Nhiều cơ sở hạ tầng đã bị hư hại, trong khi khoảng 52 đường cao tốc và đường bộ đã bị phong tỏa do không thể di chuyển do mưa lũ...

Tại Trung Quốc: Đợt lũ lụt nghiêm trọng xảy ra trong tháng 6 ở miền Nam Trung Quốc đã khiến hơn 500 nghìn người phải sơ tán, phá hủy hàng nghìn ngôi nhà, nhiều diện tích cây trồng bị ngập úng, thiệt hại kinh tế ước tính 250 triệu USD.

Hãng tin Reuters đưa tin, trong ngày 18/6, tại ít nhất là hai quận ở tỉnh Quý Châu, phía tây nam Trung Quốc, mưa lớn đã biến đường phố thành sông. Ôtô và những căn nhà một tầng bị cuốn trôi. Lượng mưa ở một số khu vực được ghi nhận là kỷ lục trong vòng 60 năm qua. Trung tâm Khí tượng Quốc gia Trung Quốc cho biết lượng mưa trung bình ở các tỉnh Quảng Đông, Phúc Kiến và Quảng Tây từ đầu tháng 5 đến giữa tháng 6/2022 đạt 621mm - mức cao nhất kể từ năm 1961.

Ngày 18/8, truyền thông Trung Quốc đưa tin: Trận mưa dông xảy ra bất ngờ tối 17/8 đã gây ra vụ sạt lở đất làm thay đổi dòng chảy một con sông và gây ra lũ quét tại tỉnh Thanh Hải, miền Tây Trung Quốc. Đài Truyền hình Trung ương Trung Quốc (CCTV) cho biết, trận lũ quét gây ảnh hưởng tới hơn 6.200 người từ 6 ngôi làng. Đã có nhiều người bị thiệt mạng và mất tích do lũ quét do đợt mưa lũ này.

Trước đó, giới chức Trung Quốc cũng đã đưa ra cảnh báo mưa to dự kiến sẽ đổ bộ vào các khu vực phía Bắc nước này. Ban chỉ huy phòng, chống lũ lụt và hạn hán quốc gia Trung Quốc đã kích hoạt biện pháp ứng phó khẩn cấp cấp độ 4 đối với công tác phòng, chống lũ lụt do mưa lớn. Biện pháp ứng phó khẩn cấp được áp dụng cho những khu vực gồm:

Bắc Kinh, Thiên Tân, Hà Bắc, Sơn Tây, Nội Mông, Liêu Ninh, Hắc Long Giang, Thiểm Tây và Cam Túc. Các địa phương được yêu cầu tăng cường các biện pháp giám sát và cảnh báo sớm, đồng thời tiến hành những hoạt động chuẩn bị cho công tác phòng, chống lũ lụt.

Không chỉ phải đối mặt với tình trạng mưa lũ, những diễn biến phức tạp của thời tiết cũng đã khiến Trung Quốc phải hứng chịu cả những đợt nắng nóng đỉnh điểm. Theo đó, tình trạng nắng nóng kéo dài, với nhiệt độ lên tới 43,4°C được ghi nhận tại thành phố Thành Đô vào ngày 21/8 làm cho mức nước của nhiều con sông và hồ thủy điện ở hai tỉnh Hồ Bắc và Tứ Xuyên giảm mạnh. Trong khi phần lớn nguồn điện cung cấp cho hai tỉnh này được sản xuất từ các đập thủy điện. Do vậy, chính quyền tỉnh Tứ Xuyên đã phải ban bố tình trạng khẩn cấp "cấp độ 1", mức cao nhất trên thang xếp hạng. Tập đoàn lưới điện quốc gia Trung Quốc cho biết, ít nhất 50 máy phát điện di động từ các địa phương khác đã được huy động nhằm giúp ổn định mạng nguồn cung điện tại địa phương này. Một loạt xí nghiệp, nhà máy tại tỉnh Tứ Xuyên đã bị ngừng cấp điện. Toyota và Foxconn buộc phải tạm dừng hoạt động sản xuất tại tỉnh Tứ Xuyên (địa phương với 84 triệu dân và là thủ phủ của ngành công nghiệp khai thác Lithium

và sản xuất tấm pin năng lượng mặt trời).

Hai thành phố Trùng Khánh và Thành Đô yêu cầu giảm độ sáng của đèn đường vào buổi tối. Nhiều trung tâm thương mại và tòa nhà buộc phải tắt biển hiệu quảng cáo cũng như dừng hoạt động của thang máy. Các nhân viên căn phòng được khuyến khích bật điều hòa ở ngưỡng 27°C để tiết kiệm điện. Thượng Hải cũng phải tạm dừng các chương trình biểu diễn ánh sáng tại khu vực Bến Thượng Hải trong hai ngày. Tại Tứ Xuyên, chủ các phương tiện chạy điện phải tự xoay sở khi các trạm sạc đồng loạt đóng cửa. Tesla thông báo chỉ có 2/14 trạm sạc trên toàn thành phố Thành Đô hoạt động vào 17/8.

Truyền thông Trung Quốc cho biết, quốc gia này không chỉ phải chịu những đợt mưa giông, lũ lịch sử, mà còn phải đối mặt với những đợt nắng nóng và hạn hán trong năm nay ở mức tồi tệ nhất kể từ khi số liệu về các hiện tượng thời tiết cực đoan được ghi nhận cách đây 60 năm. Các chuyên gia cho biết, điều đáng lo ngại hơn nữa là những cảnh báo thời tiết khắc nghiệt đang xuất hiện thường xuyên hơn tại Trung Quốc.

Không chỉ tại Trung Quốc hay Hàn Quốc, tại Ấn Độ và Bangladesh, những tháng vừa qua đã có nhiều người thiệt mạng vì lũ lụt, sét đánh và lở đất kể từ khi mưa lớn bắt đầu vào tháng 6/2022.



Hàng trăm nghìn người đã phải sơ tán, hoạt động cứu hộ diễn ra trong tình trạng gặp nhiều khó khăn do thiên tai làm ngập đường sá, phá hỏng hệ thống điện và liên lạc.

Riêng ở Ấn Độ, giới chức bang Assam ngày 20/6 cho biết, lũ lụt hoành hành tại toàn bộ 33 huyện của bang này đã khiến nhiều người thiệt mạng. Bang lân cận Assam là Meghalaya cũng chứng kiến các trận mưa lớn chưa từng có trong nhiều năm qua. Mưa lớn đã khiến vùng Sylhet bị ngập.

Tại New Zealand, mưa lớn xối xả trút xuống khu vực phía Tây và phía Bắc của đảo Nam nước này trong nhiều ngày liên tiếp (từ 16-18/8), khiến hàng nghìn người dân phải đi sơ tán, nhiều trường học phải đóng cửa. Theo các chuyên gia thời tiết của New Zealand, nguyên nhân dẫn tới tình trạng thời tiết trên là do một luồng hơi nước hẹp của sông khí quyển đang xuất hiện trên toàn lãnh thổ. Ngoài khu vực này, cảnh báo mưa to cũng được đưa ra đối với các khu vực ở phía bắc đảo Bắc của New Zealand.

Trái ngược với tình trạng mưa lụt tại châu Á, tại châu Âu, Mỹ lại phải đối diện với tình trạng nhiệt độ tăng cao kỷ lục, sông ngòi cạn nước, cháy rừng hoành hành.

Các nhà nghiên cứu về thời tiết cho biết, châu Âu vừa trải qua một mùa hè nắng nóng khủng khiếp, với hàng loạt đợt nắng nóng, cháy rừng và hạn hán chưa từng có

trong lịch sử. Và theo dự báo thời kỳ khô hạn của châu Âu dự kiến sẽ còn tiếp tục, các chuyên gia cũng cho rằng đây có thể là đợt hạn hán tồi tệ nhất trong vòng 500 năm qua.

Tại Tây Ban Nha và Đức trong những ngày cuối tháng 6/2022 đã ghi nhận mức nhiệt cao kỷ lục, vượt mốc 40 - 43°C. Pháp cũng ghi nhận thời tiết tháng 5 và 6 nóng nhất trong vòng 100 năm, với mức nhiệt lên đến 41,9°C tại vùng Cazaux. Tại Tây Ban Nha, hỏa hoạn tại vùng núi Sierra de Culebra đã thiêu rụi hơn 30 nghìn ha đất rừng khiến hàng chục ngôi làng phải sơ tán, trước khi đám cháy được dập tắt vào ngày 26/6. Hạn hán cũng khiến sản lượng nông sản ở miền bắc Ý thiệt hại khoảng 50%, còn dòng sông Po dài nhất nước này đang khô hạn kỷ lục trong vòng 70 năm.

Tại Mỹ, miền Tây nước này đang trải qua năm hạn hán thứ 23, là đợt hạn hán nghiêm trọng nhất trong 1.000 năm qua. Giới chức Washington ngày 16/8 cho biết sẽ phải cắt nguồn cung nước tới một số bang ở Mỹ và tới Mexico nhằm tránh thảm họa sụp đổ của sông Colorado trong bối cảnh dòng sông này đang bị ảnh hưởng bởi đợt hạn hán lịch sử. Đây là con sông cung cấp nước cho khu vực Tây nước Mỹ. Tuy nhiên, lượng mưa ở dưới mức trung bình trong hơn 2 thập kỷ qua khiến mực nước của con sông này đang ở mức thấp nguy hiểm, đặc biệt khi chu kỳ hạn hán tự nhiên ngày càng trầm trọng hơn do biến đổi khí hậu.

Tại Anh: Tình trạng hạn hán xảy ra sau khi vùng England chứng kiến tháng 7 khô hạn nhất trong gần 90 năm qua với nhiệt độ lần đầu tiên vượt 40°C. Cơ quan Dự báo thời tiết quốc gia Anh (Met Office) cho biết, nhiều khu vực của England và xứ Wales đang trải qua

đợt nắng nóng dự báo kéo dài 4 ngày với "nhiệt độ cực cao". Cùng với đó là những cảnh báo về nguy cơ với sức khỏe do nắng nóng đã được gia hạn nhiều ngày hơn so với trước đây.

Ngày 12/8, Anh đã ban bố tình trạng hạn hán tại nhiều khu vực. Cơ quan Môi trường Anh đã ban bố tình trạng hạn hán khẩn cấp. Theo đó, các công ty cung cấp nước sẽ tăng cường quản lý tác động của thời tiết khô hạn đối với nông dân và môi trường, trong đó có việc quản lý sử dụng nước để bảo vệ nguồn cung cấp nước. Cùng ngày 12/8, công ty Yorkshire Water - cung cấp nước cho 2,3 triệu hộ gia đình và 130 nghìn doanh nghiệp ở England, đã áp dụng lệnh cấm sử dụng vòi ống nước để tưới vườn, rửa xe hoặc bơm nước vào bể bơi. Lệnh cấm có hiệu lực từ ngày 26/8.

Tại Thụy Sĩ, mực nước các hồ ở miền Đông, miền Trung và miền Nam nước này đã xuống mức thấp kỷ lục do thời tiết mùa hè nóng và khô. Đây là điều hiếm khi xảy ra ở quốc gia được ví là "hồ chứa nước của châu Âu" này. Nắng nóng và thời tiết khô hạn đã làm gia tăng nguy cơ hỏa hoạn trên hầu như toàn bộ đất nước Thụy Sĩ. Nhiều bang đã ban hành lệnh cấm đốt pháo hoa, đốt lửa ngoài trời, trong khi một số bang cũng đã đưa ra các hạn chế về sử dụng nước.

Tại Pháp: Giới chức vùng Aveyron, miền Nam nước Pháp ngày 14/8 cho biết một đám cháy rừng tại đây đã bất ngờ tái bùng phát khiến trên 1.000 người phải sơ tán và thiêu rụi 1.260 ha đất rừng. Đám cháy tại Aveyron lần đầu bùng phát ngày 8/8 khi nước Pháp trải qua một mùa hè khô hạn chưa từng có trong lịch sử. Đáng chú ý, đám cháy này kéo dài gần một tuần, gần như đã được kiểm soát và hoàn toàn được dập tắt



vào chiều 13/8 rồi tái bùng phát với mức độ dữ dội và nhanh chóng lan rộng diện tích hơn 500 ha.

Các chuyên gia thời tiết cho biết, trước tình trạng hạn hán, nắng nóng khắc nghiệt đang diễn ra sẽ khiến nguy cơ sa mạc hóa tăng cao ở châu Âu, gây ảnh hưởng ngày càng rõ ở các quốc gia Địa Trung Hải, trước khi lan dần đến các quốc gia Bắc Âu. Hệ thống Thông tin về Cháy rừng châu Âu (EFFIS) cho biết, mặc dù mùa hè ở châu lục này chưa kết thúc, nhưng năm 2022 đã phá vỡ kỷ lục về các vụ cháy rừng với gần 660 nghìn ha rừng bị tàn phá kể từ tháng 1 năm 2022.

Cơ quan Không gian châu Âu (ESA) đưa ra cảnh báo thiệt hại kinh tế từ những đợt nắng nóng và hạn hán có thể lớn hơn nhiều các tác động của cuộc khủng hoảng năng lượng tại châu Âu, đồng thời kêu gọi hành động chống biến đổi khí hậu.

Theo Ủy ban Liên chính phủ về Biến đổi Khí hậu (IPCC), sự xuất hiện của các hiện tượng cực đoan chưa từng có trong lịch sử sẽ gia tăng cùng với sự nóng lên toàn cầu. Thế giới đang phải đối mặt với nhiều hiểm họa khí hậu không thể tránh khỏi trong hai thập kỷ tới với nhiệt độ toàn cầu có thể nóng lên hơn 1,5°C (2,7°F) so với thời kỳ tiền công nghiệp. Mức nhiệt độ quá nóng này sẽ dẫn đến các tác động nghiêm trọng khác, một số tác động trong số đó sẽ không thể phục hồi được. Nhiệt độ khắc nghiệt đã trở nên thường xuyên hơn và khốc liệt hơn kể từ những năm 1950 và gây ảnh hưởng đến nhiều nơi trên toàn cầu. Tỷ lệ xoáy thuận nhiệt đới cường độ mạnh (loại 4-5) dự kiến sẽ tăng lên khi Trái đất nóng lên nhiều hơn. Cùng với đó là tần suất và cường độ của các trận mưa lớn đã tăng lên kể từ những năm 1950 và điều này dự kiến sẽ tiếp tục. Diện tích đất bị ảnh hưởng bởi hạn hán thường xuyên và nghiêm trọng hơn, một trong những loại hình thiên tai gây ra ít nghiêm trọng, cũng được dự báo sẽ tăng lên. Các nhà nghiên cứu về khí hậu cho rằng, thủ phạm của sự gia tăng hiện tượng thời tiết cực đoan được xác định là biến đổi khí hậu.

Những hiện tượng thời tiết cực đoan, bất thường thời gian qua đã cướp đi sinh mạng của hàng nghìn người, khiến cho hàng triệu người phải rời bỏ nhà cửa và cuộc sống của người dân bị đảo lộn, gây thiệt hại không nhỏ về kinh tế... đã cho thấy hệ lụy ngày càng nghiêm trọng của biến đổi khí hậu. Các nhà khoa học kêu gọi nhiều hành động cụ thể hơn nữa để ứng phó với các mô hình thời tiết mới ngày càng khắc nghiệt, gây ra nhiều vấn đề về kinh tế, xã hội và sức khỏe của người dân, và thế giới cần phải chuẩn bị sẵn sàng hơn nữa cho những mô hình thời tiết ngày càng khắc nghiệt trong tương lai./.

Đối mặt với mùa Hè “hỗn loạn”

Trong những tháng hè, cảnh tượng du khách xếp hàng rồng rắn, hành lý thất lạc chất đống không được xử lý, các chuyến bay bị hủy hoặc trễ giờ đã trở thành chuyện thường ngày tại các sân bay trên khắp châu Âu.

Từ tháng Năm, các hãng hàng không Mỹ đã hủy 21.000 chuyến bay, chiếm khoảng 2,7% tổng số chuyến bay theo lịch trình. Tuy nhiên, con số này vẫn thấp hơn nhiều so với châu Âu. Theo dữ liệu của công ty theo dõi chuyến bay RadarBox.com, từ tháng 4-6/2022, châu Âu có số chuyến bay bị hủy cao gấp hơn hai lần so với Mỹ. Từ ngày 1/4 đến ngày 29/6, 10 sân bay hoạt động kém nhất châu Âu đã hủy 64.100 chuyến bay.

Còn theo công ty phân tích dữ liệu hàng không Cirium, chỉ riêng trong tháng Sáu, các hãng hàng không của Anh, Pháp, Đức, Italy và Tây Ban Nha đã hủy gần 8.000 chuyến, cao gấp 3 lần con số năm 2019. Trong tuần đầu tháng Tám, hãng British Airways (Anh) đã hủy hơn 1.000 chuyến bay từ Heathrow và Gatwick (London), trong khi Air France (Pháp) và Lufthansa (Đức) đã phá vỡ lịch trình bay với việc cắt giảm hàng trăm chuyến bay.

Cuộc khủng hoảng ngành hàng không bắt nguồn từ tình trạng thiếu nhân lực nghiêm trọng tại các hãng hàng không, các sân bay và các công ty dịch vụ mặt đất trong bối cảnh hoạt động du lịch phục hồi mạnh mẽ sau đại dịch.

Hai năm trước, khi các lệnh phong tỏa nhằm kiểm soát dịch COVID-19 được áp đặt khắp châu Âu, các hãng hàng không phải chặt vật để tồn tại, buộc phải cắt giảm lao động hàng loạt để giảm chi phí trong bối cảnh thua lỗ chồng chất. Hãng British Airway đã giảm khoảng 10.000 trong số 42.000 nhân sự và các hãng hàng không khác cũng có những bước đi tương tự. Công ty dịch vụ mặt đất Swissport (Thụy Sĩ) giảm 20.000 trong tổng số 65.000 nhân viên trên khắp thế giới.

Theo một nghiên cứu của tổ chức tư vấn Oxford Economics, số người làm việc trong ngành hàng không đã giảm hơn 2,3 triệu vào tháng 9/2021, và tại thời kỳ đỉnh dịch, khoảng 191.000 nhân viên của các sân bay và hãng hàng không châu Âu đã phải nghỉ việc.

Một nghiên cứu do Liên đoàn Công nhân Vận tải châu Âu công bố vào tháng 1/2021 cũng cho thấy, 58,5% số nhân viên mặt đất của các sân bay không làm việc, ít nhất 23% trong số đó bị nghỉ việc.

Việc các hãng hàng không và sân bay đồng loạt cắt giảm nhân sự mà không chuẩn bị cho sự trở lại

HÀNG KHÔNG CHÂU ÂU: Triển vọng phục hồi sau mùa hè “hỗn loạn”



của du khách, mặc dù nhu cầu du lịch được dự báo sẽ tăng cao sau 2 năm bị kìm hãm vì đại dịch, đã khiến ngành hàng không rơi vào khủng hoảng.

Theo Tổ chức Du lịch Thế giới của Liên hợp quốc (UNTWO), lượng khách du lịch quốc tế sẽ đạt khoảng 70% mức trước đại dịch vào năm 2022, trong đó số du khách đến châu Âu sẽ đạt mức tăng trưởng cao nhất thế giới. Chỉ tính trong ba tháng đầu năm 2022, lượng khách quốc tế đến châu Âu tăng tới 280%, gấp gần 4 lần so với cùng thời điểm năm ngoái. Trong khi đó, lượng khách du lịch đến khu vực châu Mỹ tăng 117% so với cùng kỳ năm 2021. Sự bùng nổ này một phần do các nước châu Âu đi đầu trong việc nới lỏng các quy định phòng dịch. Vào đầu Hè, 31 điểm đến ở châu Âu đã không còn áp dụng các quy định nhập cảnh liên quan đến kiểm soát dịch COVID-19.

Giờ đây, khi hoạt động du lịch trở lại, các sân bay, trong đó có Heathrow và Schiphol (Amsterdam), không có đủ nhân viên trực tại khu vực kiểm tra hành lý, an ninh và đội bay, vì vậy phải

Từ đầu Hè năm 2022, các hoạt động du lịch bằng đường hàng không tại châu Âu dần phục hồi và diễn ra sôi động trở lại sau một thời gian dài đóng băng do dịch Covid -19. Tuy nhiên, ngành hàng không châu Âu lại đang phải đối mặt với hàng loạt các vấn đề: Tình trạng thiếu nhân lực sau khi đã cắt giảm biên chế trong đại dịch Covid-19 đã khiến phải hủy hàng chục nghìn chuyến bay, hàng triệu hành khách bị mắc kẹt, trong khi các sân bay phải giải quyết hàng loạt trục trặc kỹ thuật và các cuộc đình công của nhân viên... Mặc dù vậy, giới phân tích nhận định, các vấn đề của ngành hàng không châu Âu sẽ được giải quyết sau mùa Hè này và sẽ sớm phục hồi trở lại.

yêu cầu các hãng hàng không cắt giảm chuyến bay.

Trong khi thiếu nhân lực nghiêm trọng, ngành hàng không còn phải đối mặt với hàng loạt các cuộc đình công của nhân viên do bất bình

với điều kiện làm việc, cũng như việc bị giảm lương trong thời kỳ đại dịch. Phi hành đoàn tại Tây Ban Nha của hãng Ryanair đã thực hiện cuộc đình công kéo dài 12 ngày trong tháng Bảy và công bố sẽ tiếp tục các cuộc đình công kéo dài trong 5 tháng, bắt đầu từ ngày 8/8.

Hàng loạt các cuộc đình công khác cũng diễn ra trên khắp châu Âu như cuộc đình công của phi công hãng Scandinavian (Đan Mạch, Na Uy, Thụy Sĩ), nhân viên hãng easyJet (Thụy Sĩ), nhân viên kiểm tra an ninh sân bay ở Đức, lính cứu hỏa ở sân bay Charles De Gaulle (Pháp), nhân viên dọn vệ sinh sân bay ở Hà Lan, và nhân viên kiểm soát bay ở Italy.

Dù không phải là ngành duy nhất chịu khủng hoảng nhân lực trong điều kiện thị trường lao động thắt chặt hiện nay, việc tuyển dụng trở lại nhân viên của ngành hàng không đặc biệt khó do những quy định về an ninh. Các nhân viên mới được tuyển dụng phải vượt qua kiểm tra lý lịch trước khi được phép làm việc. Các quy trình này có thể mất vài tuần, thời gian mà các ứng viên có thể đã tìm được một công việc khác.

Trong khi đó, sự gián đoạn chuỗi cung ứng nằm ngoài tầm ngoài tầm kiểm soát của các hãng hàng không khiến tình hình thêm tồi tệ. Để thực hiện một chuyến bay, các hãng hàng không phải sử dụng dịch vụ của các công ty khác nhau, từ các nhà cung cấp nhân sự làm thủ tục bay cho hành khách, nhân viên xử lý hành lý, tới các công ty an ninh sân bay và công ty cung cấp dịch vụ ăn uống trên chuyến bay. Khi một trong các mắt xích của chuỗi cung ứng này gặp vấn đề, các hãng hàng không ngay lập tức chịu tác động.

Ngoài ra, các hãng hàng không đang bán số lượng vé nhiều hơn khả năng cung cấp dịch vụ, làm trầm trọng thêm tình trạng hỗn loạn.

Mặc dù các hãng hàng không đang đẩy nhanh quá trình tuyển dụng, vẫn cần thời gian đào tạo nhân viên trong các lĩnh vực như an ninh hay dịch vụ mặt đất. Vì vậy, tình trạng hỗn loạn được dự báo có thể sẽ tiếp tục ở châu Âu cho đến cuối mùa Hè, trong bối cảnh số lượng hành khách vẫn tăng cao và vượt quá công suất hoạt động của các sân bay và hãng hàng không.

Hội đồng hàng không quốc tế dự báo trong cả mùa Hè này, 2/3 số sân bay ở châu Âu sẽ không tránh khỏi tình trạng chậm chuyến. Cơ quan kiểm soát không lưu châu Âu cũng đưa ra cảnh báo, các hãng hàng không của châu Âu sẽ chịu gián đoạn trong suốt mùa Hè.

Triển vọng phục hồi

Trước những thách thức trên, các nhà phân tích nhận định rằng ngành hàng không có thể phục hồi sau khi mùa Hè kết thúc.

Theo báo cáo của Hiệp hội Vận tải hàng không quốc tế (IATA) công bố vào tháng Sáu, ngành vận tải hàng không đã chứng tỏ khả năng phục hồi trong năm 2022. Mặc dù chỉ số khách luân chuyển toàn cầu RPK, đo lường lượng hành khách

vận chuyển của một hãng hàng không, được dự báo sẽ thấp hơn mức trước đại dịch 2019 cho đến năm 2024, chỉ số này đang tăng tốc trong năm nay khi các hạn chế đi lại được dỡ bỏ và nhiều đường bay được mở lại. Chỉ số hàng hóa luân chuyển CTK cũng tăng trong năm 2022. Theo dự báo của IATA, ngành hàng không đang trên đà phục hồi không chỉ trong năm 2022 mà cả các năm tiếp theo.

Các chuyên gia trong Ngành cho rằng, những vấn đề như thiếu hụt lao động, khó khăn trong tuyển dụng và đào tạo nhân viên, và hoạt động quá tải so với nhu cầu sẽ được giải quyết sau mùa Hè này. Việc các hãng hàng không cũng như các sân bay sẽ bắt đầu trả lương cao hơn là đương nhiên bởi đây là cơ sở để giải quyết vấn đề thiếu hụt lao động. Trong khi đó, đào tạo nhân viên được tuyển chọn sẽ chỉ là vấn đề thời gian và hệ thống sẽ trở lại hoạt động bình thường.

Các chuyên gia cũng chỉ ra triển vọng tăng trưởng nhờ xu hướng tất yếu của việc tăng giá vé. Hiện nay, sự cạnh tranh gay gắt trên tất cả các đường bay của các hãng hàng không giá rẻ khiến việc bay trở nên rẻ đến khó tin. Thậm chí, chi phí để đến một sân bay hoặc chi phí gửi xe tại sân bay còn đắt hơn một chuyến bay từ London đến Barcelona (Tây Ban Nha) hoặc Athens (Hy Lạp), nhưng điều này có thể sẽ không còn tiếp diễn trong tương lai.

Chủ tịch hãng hàng không giá rẻ Ryanair, Michael O'Leary, mới đây cảnh báo giá vé sẽ tăng đều đặn trong vòng 5 năm tới bởi vé máy bay đã quá rẻ trong thời gian dài. Khi giá vé tăng, tỷ suất lợi nhuận đương nhiên cũng tăng và công suất bị cắt giảm của ngành hàng không sẽ được khôi phục.

Trong khi đó, những thách thức về môi trường đối với ngành

vận tải hàng không quốc tế bắt đầu giảm trong bối cảnh đầu tư vào các nhiên liệu thay thế cho máy bay đang gia tăng. Các lựa chọn thay thế có thể là nhiên liệu sinh học, hoặc máy bay chạy bằng hydro hoặc chạy điện. Theo các chuyên gia, những thách thức kỹ thuật này có thể được giải quyết trong vòng ba năm tới, và điều này sẽ thay đổi đáng kể triển vọng của ngành hàng không.

Theo báo cáo của IATA, cam kết của ngành vận tải hàng không quốc tế đạt mục tiêu phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050 có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển của ngành theo mô hình bền vững, toàn diện và thịnh vượng. Khi thế giới có thể trữ và vận chuyển năng lượng Mặt Trời trong thời gian dài và khoảng cách lớn, năng lượng sẽ dồi dào, rẻ, bền vững và dễ tiếp cận, khiến năng lượng không còn là thách thức đối với hàng không.

Mặc dù cổ phiếu của nhiều hãng hàng không đang chạm đáy, các chuyên gia tin vào triển vọng phục hồi của ngành, chỉ ra nhu cầu đi du lịch luôn cao và di chuyển bằng đường hàng không vẫn sẽ là lựa chọn số một của phần đông du khách trong các chuyến đi xa.

Đầu tháng Bảy, tỷ phú giàu nhất nước Đức, Klaus-Michael Kuehne, đã trở thành cổ đông lớn nhất của hãng hàng không quốc gia Lufthansa, hãng hàng không lớn thứ 2 châu Âu, sau khi chi 330 triệu euro (338 triệu USD) để tăng cổ phần từ 10% lên 15% vào hãng này, báo hiệu các nhà đầu tư lớn đã sẵn sàng cho sự phục hồi của ngành hàng không.

Với những triển vọng tích cực trên, IATA cũng đưa ra dự báo, số du khách đến châu Âu trong năm 2022 sẽ phục hồi khoảng 86% so với lượng khách trong năm 2019 trước khi phục hồi hoàn toàn vào năm 2024./.



THÁI BÌNH - TẠO BƯỚC ĐỘT PHÁ VỀ THU HÚT ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI

Trong 5 năm vừa qua, mặc dù còn gặp nhiều khó khăn, thách thức, song với sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, kịp thời của Tỉnh ủy, HĐND, UBND các cấp, cùng với sự cố gắng, nỗ lực của cộng đồng doanh nghiệp và sự đồng thuận, ủng hộ của nhân dân, tình hình kinh tế-xã hội của tỉnh Thái Bình có bước phát triển toàn diện và đạt nhiều thành tựu to lớn, phấn đấu đưa Thái Bình trở thành tỉnh phát triển khá khu vực đồng bằng sông Hồng...

Kế thừa và phát huy những thành tựu kinh tế - xã hội nổi bật

Ông Vũ Kim Cự, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cho biết: Trong giai đoạn 2016-2020, Thái Bình đã có bước phát triển vượt bậc, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, đối ngoại. Kinh tế duy trì tốc độ tăng trưởng khá; cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động chuyển dịch tích cực. Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2016-2020 tăng 8,7%/năm (cao hơn bình quân chung cả nước) và năm 2021 tăng 6,68% (đứng thứ 14/63 tỉnh, thành phố); hoàn thành và hoàn thành vượt mức nhiều chỉ tiêu kế hoạch 5 năm 2016-2020 đã đề ra, đặc biệt là giá trị sản xuất công nghiệp tăng bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt 14,3%/năm và năm 2021 tăng 17%...; cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng.

Bên cạnh đó, công tác thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt kết quả khá, luôn vượt dự toán được giao, bảo đảm cân đối ngân sách cho các nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế - xã hội và bổ sung kinh phí cho các nhiệm vụ phát sinh, nhất là công tác phòng chống dịch. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn giai đoạn 2016-2020 đạt trên 44.655,95 tỷ đồng, tăng 22,6% so với kế hoạch (thu nội địa đạt 28.975 tỷ đồng, tăng 17,3% so với kế hoạch) và thu ngân sách nhà nước năm 2021 đạt 22.016 tỷ đồng, tăng 13,8% so với cùng kỳ (trong đó thu nội địa lần đầu tiên vượt 10.000 tỷ đồng).

Công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản bảo đảm chặt chẽ; tập trung chỉ đạo đẩy mạnh thực hiện và giải ngân đầu tư công, tỷ lệ giải ngân kế hoạch



Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính thăm và chỉ đạo định hướng, giải pháp xây dựng KKT Thái Bình ngày 8/5/2022 (Ảnh: K.D)

vốn đầu tư công hằng năm của tỉnh luôn thuộc top đầu trong cả nước. Công tác giải phóng mặt bằng được chỉ đạo quyết liệt; một số dự án, công trình trọng điểm, kết nối quan trọng được tập trung nguồn lực, đẩy nhanh tiến độ để sớm hoàn thành, tạo động lực cho phát triển kinh tế.

Các lĩnh vực văn hóa, xã hội được chỉ đạo toàn diện, có nhiều tiến bộ; an sinh xã hội được bảo đảm, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng lên; Tỷ lệ hộ nghèo năm 2021 giảm còn 2,0%. Công tác phòng chống dịch Covid-19 được tập trung chỉ đạo quyết liệt, kịp thời theo đúng chỉ đạo của Chính phủ và phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương. Công tác đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy được triển khai kịp thời; hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước được nâng cao. Công tác quân sự, quốc phòng địa phương được tăng cường; an ninh

chính trị được giữ vững, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm...

Tập trung nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng, giao thông kết nối vùng

Trong nhiều năm qua, tỉnh Thái Bình đã có rất nhiều nỗ lực trong cải thiện và xây dựng mới hệ thống hạ tầng cơ sở, nhất là hạ tầng y tế, giáo dục, giao thông nông thôn, giao thông nội tỉnh... thông qua các cơ chế chính sách khuyến khích đầu tư của tỉnh và tập trung cao nguồn lực của tỉnh. Hệ thống giao thông kết nối lớn của tỉnh và kết nối với các tỉnh lân cận được tập trung đầu tư.

Theo đó, tỉnh Thái Bình đã tập trung đẩy mạnh thu hút các nguồn lực đầu tư xây dựng hệ thống giao thông, nhất là kết cấu hạ tầng giao thông kết nối; đã tham mưu với Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương hỗ trợ, tranh thủ các nguồn vốn để hoàn thành một số công trình như: đường Thái Bình

- Hà Nam, đường 39... Hiện nay, tỉnh đang tiếp tục triển khai đầu tư một số công trình trọng điểm quan trọng, có ý nghĩa lớn trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và kết nối Thái Bình với các tỉnh lân cận như: Tuyến đường bộ ven biển đoạn qua tỉnh Thái Bình; Đường 223 thành phố Thái Bình đi cầu Sa Cao; các tuyến đường trục kết nối các khu chức năng trong Khu kinh tế Thái Bình; các tuyến đường nội tỉnh quan trọng như: Đường 223 đi huyện Hưng Hà, Đường 221A đi Côn Vành, đường từ thành phố Thái Bình đi Cầu Ngին, từ thành phố Thái Bình đi Côn Vành, tuyến đường vành đai phía Nam thành phố Thái Bình, tuyến Quốc lộ 37 mới kết nối đi Hải Phòng, tuyến Quốc lộ 37B đi các xã phía Nam huyện Kiến Xương... Đặc biệt, thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính Phủ, tỉnh Thái Bình đang khẩn trương triển khai thủ tục đầu tư để sớm triển khai Cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng (CT.08)... Sau khi các dự án giao thông quan trọng hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng, sẽ giúp tỉnh Thái Bình kết nối dễ dàng hơn với các sân bay, cảng biển và với trung tâm kinh tế của các tỉnh, thành phố lân cận, tạo ra động lực mới đưa nền kinh tế của tỉnh Thái Bình nói riêng và khu vực phía Nam thủ đô Hà Nội, vùng đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung bộ nói chung phát triển mạnh mẽ trong giai đoạn tới, đưa Thái Bình trở thành tỉnh phát triển khá khu vực đồng bằng sông Hồng, góp phần thực hiện thành công Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX đã đề ra.

Cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tạo đột phá trong thu hút đầu tư

Được sự quan tâm của Trung ương, sự vào cuộc quyết liệt của các cấp, các ngành, các địa phương, môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh Thái Bình những năm vừa qua đã được cải thiện mạnh mẽ. Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI năm 2020 của Thái Bình xếp ở top khá, đã vươn lên xếp vị trí thứ 25/63 tỉnh,

thành phố với 64,02 điểm, tăng hạng 03 bậc so với PCI năm 2019 và xếp vị trí thứ 5/11 tỉnh, thành phố vùng đồng bằng sông Hồng. Bên cạnh đó, nhờ những đổi mới, thay đổi tích cực như: Tập trung đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các nhà đầu tư, doanh nghiệp,... Thái Bình đã trở thành điểm đến hấp dẫn của nhiều dự án đầu tư, do vậy đã thu hút được số vốn đầu tư lớn của các nhà đầu tư nước ngoài.

Tính riêng trong năm 2021, tỉnh đã thu hút được 89 dự án với tổng số vốn đăng ký trên 20.041 tỷ đồng (gấp 4,5 lần so với năm 2020) và 6 tháng đầu năm 2022 thu hút được 44 dự án với tổng số vốn 15.142,1 tỷ đồng (gấp 2,2 lần vốn so với cùng kỳ); đặc biệt năm 2021 thu hút được 08 dự án FDI với số vốn đăng ký trên 540 triệu USD. Một số dự án có quy mô lớn đã được tiếp nhận trong năm đang triển khai xây dựng, dự kiến hoàn thành trong năm 2022 như: Dự án đầu tư nhà máy LOTES Thái Thụy Việt (120 triệu USD); Dự án nhà máy Greenworks (200 triệu USD); Dự án nhà máy sản xuất phụ kiện gia đình, phòng tắm, đèn chiếu sáng và đồ nội, ngoại thất của Công ty Jeanson Industrial Limited tại KCN Tiền Hải, (75 triệu USD),...

Để có được những kết quả như trên, Thái Bình đã triển khai một số giải pháp quan trọng, đột phá trong công tác xúc tiến đầu tư và cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh và huy động tối đa nguồn lực xã hội để tập trung xây dựng Khu kinh tế Thái Bình phát triển toàn diện về công nghiệp, thương mại, du lịch, dịch vụ, đô thị và kinh tế biển. Thu hút các dự án có quy mô lớn, giá trị gia tăng cao, sản xuất các sản phẩm tham gia chuỗi giá trị toàn cầu, thân thiện với môi trường, trở thành trọng điểm, động lực phát triển kinh tế của tỉnh. Đồng thời, Thái Bình tập trung thu hút các ngành công nghiệp có tính chất nền tảng mà tỉnh có lợi thế

như công nghiệp vật liệu, công nghiệp hỗ trợ, hóa chất, chế biến, chế tạo, công nghiệp phục vụ nông nghiệp, điện khí, điện gió và điện tử theo đúng quan điểm chủ trương của Đảng, Nhà nước.

Ông Nguyễn Khắc Thận, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình khẳng định: "Với nhiều chính sách ưu đãi, Thái Bình đang tăng cường đổi mới các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp, xúc tiến đầu tư, đưa nhiều tập đoàn thương hiệu mạnh trong và ngoài nước dừng chân tại đây, tạo "sức bật" cho nền kinh tế". Thái Bình đang có chủ trương mở rộng quy hoạch theo hướng lấn biển. Do đó, theo Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Thái Bình sẽ có một số phân khu chức năng có diện tích lớn, quy hoạch nằm ngoài đề biển hiện hữu theo định hướng lấn biển nhằm mở rộng quỹ đất để phát triển kinh tế - xã hội. Các khu bao gồm: Khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ Thái Thượng và Cảng Diêm Điền, huyện Thái Thụy (khoảng 1.000 ha); Khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ Hoàng Long, huyện Tiền Hải (khoảng 800 ha); Khu phố biển Đồng Châu, huyện Tiền Hải (khoảng 837 ha); Khu đô thị, du lịch, nghỉ dưỡng, sân golf Côn Vành - Côn Thủ, huyện Tiền Hải (khoảng 3.450 ha).

Mục tiêu đến năm 2025, tỉnh Thái Bình thu hút được 05 dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN, phấn đấu thu hút vốn đầu tư của nhà đầu tư thứ cấp khoảng 5,0 tỷ USD, thu hút một số dự án lớn thuộc lĩnh vực đô thị, thương mại, dịch vụ, du lịch tại khu vực thị trấn Diêm Điền, Đông Minh, Côn Đen, Côn Vành... Đồng thời, hoàn thành đầu tư xây dựng các tuyến đường cao tốc, tuyến đường bộ ven biển kết nối với thành phố Hải Phòng, một số tuyến đường trục chính kết nối với các khu chức năng trong Khu kinh tế. Đến năm 2030, hoàn thiện kết cấu hạ tầng Khu kinh tế Thái Bình tương đối đồng bộ; phấn đấu mỗi năm thu hút đầu tư khoảng 1,5 tỷ USD./

Trọng Nghĩa





THÁI BÌNH ĐẨY MẠNH THU HÚT ĐẦU TƯ VÀO KHU KINH TẾ VÀ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP

Xác định khu kinh tế và các khu công nghiệp là động lực, là đòn bẩy cho tăng trưởng kinh tế, do đó, những năm qua, hoạt động xúc tiến thu hút đầu tư vào khu kinh tế và các khu công nghiệp luôn được tỉnh Thái Bình đặc biệt quan tâm và đã thu được những kết quả tích cực.

Theo số liệu báo cáo, từ năm 2020 đến nay, trên địa bàn khu kinh tế và các khu công nghiệp tỉnh Thái Bình có 79 dự án được cấp mới, điều chỉnh Quyết định chủ trương đầu tư/GCNĐKĐT, với tổng số vốn đăng ký đầu tư 27.977 tỷ đồng. Trong đó: Cấp mới 24 dự án, với số vốn đăng ký đầu tư 18.815 tỷ đồng; cấp điều chỉnh 55 dự án với số vốn đăng ký đầu tư tăng thêm 9.162 tỷ đồng.

Năm 2021, mặc dù dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, song công tác thu hút đầu tư trên địa bàn khu kinh tế và các khu công nghiệp của tỉnh Thái Bình vẫn đạt kết quả khá tích cực. Tổng vốn đầu tư đăng ký đạt khoảng 730 triệu USD, gấp 10 lần so với năm 2020, trong đó vốn FDI là 540 triệu USD, cao hơn tổng vốn FDI của tỉnh cả giai đoạn 2016-2020, góp phần đưa Thái Bình vươn lên xếp thứ 15 cả nước về thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài. Đáng chú ý, khu công nghiệp đầu tiên trong khu kinh tế (Khu công nghiệp Liên Hà Thái, diện tích 588,84 ha), sau hơn một năm được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư (tháng 02/2021), đã cơ bản hoàn thành giải phóng mặt bằng, đang hoàn thiện hạ tầng và đã thu hút được 5 dự án thứ cấp, với tổng vốn đầu tư đăng ký là 461 triệu USD. Ngoài ra, có nhiều nhà đầu tư lớn đang quan tâm nghiên cứu đầu tư vào khu công nghiệp này.

Đặc biệt, tỉnh Thái Bình đã thu hút được một số dự án khá lớn như: Trung tâm nhiệt điện,

Nhà máy sản xuất Amon Nitrat, Dự án sản xuất túi khí, tay lái ô tô của Công ty TNHH Toyota Gosei Hải Phòng, Dự án sản xuất chân kết nối Ram máy tính của Công ty TNHH Lotes Việt Nam, Dự án sản xuất thiết bị làm vườn của Công ty TNHH Greenworks Việt Nam, Dự án sản xuất phụ kiện gia đình, đèn chiếu sáng và đồ nội, ngoại thất của Công ty Jeanson Industrial Limited... Các dự án kỳ vọng sẽ đóng góp quan trọng vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh, cũng như tạo việc làm ổn định cho người lao động tại địa phương.

Để nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư vào khu kinh tế và các khu công nghiệp, tỉnh Thái Bình đã chỉ đạo Ban Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp tỉnh phối hợp với các đơn vị liên quan chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch và tăng cường các hoạt động xúc tiến đầu tư bằng nhiều hình thức

để giới thiệu, quảng bá các tiềm năng, lợi thế so sánh, các quy hoạch, định hướng phát triển và cơ chế, chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư vào khu kinh tế, khu công nghiệp, nhằm đẩy mạnh thu hút đầu tư trên các lĩnh vực như: Công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp y dược, công nghiệp sạch; đầu tư và xây dựng các cảng biển; hệ thống logistic; đầu tư khu đô thị, khu du lịch; nông nghiệp công nghệ cao...

Song song với đó, tỉnh Thái Bình luôn tích cực đổi mới nội dung, phương thức xúc tiến đầu tư; kết hợp có hiệu quả hoạt động xúc tiến đầu tư nước ngoài và hoạt động xúc tiến đầu tư tại chỗ; chủ động làm việc, giới thiệu, mời gọi các nhà đầu tư chiến lược, tiềm năng để nâng cao hiệu quả công tác xúc tiến đầu tư. Bên cạnh đó, tỉnh thành lập bộ máy thực hiện nhiệm vụ xúc tiến đầu tư theo hướng chuẩn hóa, chuyên nghiệp, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Xây dựng, vận hành Website, Zalo nhằm hỗ trợ các nhà đầu tư, doanh nghiệp đã đầu tư vào tỉnh nói chung và các KCN, KKT nói riêng, chủ động trong việc



Lãnh đạo tỉnh Thái Bình chứng kiến Lễ ký kết thỏa thuận ghi nhớ đầu tư vào khu công nghiệp Liên Hà Thái

cung cấp các thông tin về môi trường đầu tư, thủ tục hành chính, cơ chế chính sách,... cho các nhà đầu tư.

Đặc biệt, tỉnh chú trọng xúc tiến thu hút các nhà đầu tư là những tập đoàn lớn trong nước và nước ngoài. Ưu tiên thu hút các dự án đầu tư có quy mô lớn, suất đầu tư cao, công nghệ tiên tiến, đảm bảo về môi trường, giá trị gia tăng cao, đóng góp lớn cho ngân sách nhà nước, sản xuất các sản phẩm tham gia chuỗi giá trị toàn cầu. Ưu tiên thu hút dự án đầu tư của các nhà đầu tư trong nước có uy tín, các thương hiệu và nhà đầu tư của các nước phát triển như: Liên minh Châu Âu, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore...

Đối với các dự án quy mô lớn khi đầu tư vào khu kinh tế và các khu công nghiệp sẽ được tỉnh Thái Bình hỗ trợ 100% về thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Cùng với đó, Tỉnh chỉ đạo các cơ quan liên quan phối hợp chặt chẽ và đồng hành, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho nhà đầu tư khi thực hiện các thủ tục tiếp theo về quy hoạch, môi trường, phòng cháy chữa cháy, cấp phép xây dựng, hỗ trợ về tuyển dụng, đào tạo lao động, đảm bảo an ninh trật tự... để nhà đầu tư yên tâm đầu tư, sản xuất kinh doanh tại Thái Bình.

Những năm vừa qua, trong bối cảnh đại dịch Covid-19 ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Tỉnh Thái Bình đã kịp thời thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp theo chỉ đạo của Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương. Trong đó, Tỉnh đã cụ thể hóa các điều kiện, hướng dẫn cụ thể hỗ trợ phù hợp với thực trạng các doanh nghiệp của tỉnh và thẩm định kịp thời để người lao động trong doanh nghiệp được hưởng hỗ trợ từ các gói hỗ trợ của Chính phủ trong thời gian sớm nhất giúp các doanh nghiệp có điều kiện phục hồi và ổn định khi sản xuất kinh doanh trở lại sau đại dịch Covid-19.

Đối với nhà đầu tư, doanh nghiệp, Tỉnh thực hiện chính sách tiếp tục giãn hoãn, miễn, giảm có thời hạn các khoản thuế và phí phải nộp, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp, giãn thời gian nộp thuế giá trị gia tăng; giãn tiến độ nộp, giảm tiền thuê đất và mặt bằng sản xuất kinh doanh; giãn, hoãn và giảm các khoản nộp Quỹ BHXH, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế cho các doanh nghiệp chịu ảnh hưởng nhiều từ dịch Covid-19; tạm thời không thu một số loại phí, lệ phí thực hiện các thủ tục hành chính; chưa tăng các loại giá các dịch vụ và giá vật tư đầu vào cho sản xuất kinh doanh do nhà nước quản lý, chưa thu phí từ hoạt động xuất nhập khẩu...

Các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp của tỉnh Thái Bình là sự khẳng định rõ nét nhất cam kết luôn đồng hành và hỗ trợ tối đa cho nhà đầu tư, doanh nghiệp trong suốt quá trình thực hiện dự án, qua đây tạo thêm sức hút đầu tư cho tỉnh bên cạnh những lợi thế so sánh khác./.

Thành Nam

Lựa chọn đúng để nhân rộng

Hằng năm, trên cơ sở Chương trình công tác được phê duyệt và các văn bản chỉ đạo của Bộ Khoa học và Công nghệ, Tỉnh ủy, HĐND, UBND, Sở đã tập trung xây dựng các kế hoạch, giải pháp thực hiện mục tiêu. Đặc biệt, công tác triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia và cấp tỉnh có nhiều thay đổi theo hướng bám sát thực tiễn, chú trọng đến tính ứng dụng, phục vụ hiệu quả mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Cụ thể, đối với đề tài cấp tỉnh thực hiện từ năm 2021, sau khi UBND tỉnh phê duyệt Danh mục, Sở Khoa học và Công nghệ đã thành lập và tổ chức họp các Hội đồng khoa học và công nghệ tư vấn tuyển chọn và giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện, đồng thời thành lập và tổ chức họp các tổ thẩm định kinh phí hỗ trợ cho đề tài khoa học và công nghệ cấp tỉnh. Tính đến tháng 6/2022, Sở đang quản lý 54 đề tài cấp tỉnh, bao gồm 24 đề tài chuyển tiếp từ năm 2020, 2021 sang năm 2022 và 30 đề tài phê duyệt mới thực hiện từ năm 2022.



Thái Bình khuyến khích, hỗ trợ cho các hoạt động khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo trong các doanh nghiệp. Trong ảnh: Kỹ sư, cán bộ kỹ thuật của Công ty CP Tập đoàn Thái Bình Seed đang nhân giống cây trồng bằng phương pháp nuôi cấy mô

Nhờ quá trình triển khai bài bản từ khâu chọn lựa tới thẩm định kinh phí, các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã đi vào chiều sâu, bám sát nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh hoặc giải quyết kịp thời các vấn đề cấp thiết trong sản xuất và đời sống. Nhiều mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ đạt hiệu quả trong nghiên cứu, thực nghiệm được nhân rộng và phát huy hiệu quả trong sản xuất kinh doanh và đời sống xã hội. Nổi bật, trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn: Thái Bình đã nghiên cứu, khảo nghiệm, tuyển chọn giống lúa ngắn ngày, phẩm chất cao bổ sung vào cơ cấu giống cây trồng của tỉnh; nghiên cứu bảo tồn, phục tráng và phát triển giống lúa Nếp Bể Vũ Thư (nếp Keo)



Khoa học công nghệ Thái Bình: Bám sát thực tiễn, chú trọng khả năng ứng dụng tạo động lực cho phát triển

Trong điều kiện các nguồn lực đầu tư cho khoa học công nghệ vẫn chưa thực sự tương xứng, ngành Khoa học và Công nghệ (KH&CN) tỉnh Thái Bình đã có nhiều giải pháp thiết thực để cải thiện chất lượng và hiệu quả các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng KH&CN, trong đó, tập trung vào những đề tài có tính thực tiễn cao, có “địa chỉ” ứng dụng rõ ràng, có khả năng phát huy hiệu quả cao, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng trong sản xuất kinh doanh cũng như chất lượng cuộc sống và hạnh phúc cho người dân.

để xây dựng thương hiệu gạo đặc sản Thái Bình; nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật sinh sản tiên tiến nhân giống gà Tò và xây dựng mô hình nuôi gà Tò thương phẩm theo hướng VietGAHP.

Trong lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ, việc thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ đã góp phần hỗ trợ kinh phí cho các tổ chức/doanh nghiệp trên địa bàn phát triển công nghệ mới, áp dụng vào sản xuất và đời sống. Điển hình như đề tài nghiên cứu chế tạo máy bón phân hóa học dạng hạt đa chức năng phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Không chỉ góp phần nâng cao hiệu quả cho các ngành sản xuất, các nhiệm vụ khoa học công nghệ trong lĩnh vực y tế đã có những đóng góp tích cực trong việc chăm sóc sức khỏe, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân. Với sự trợ giúp của các trang thiết bị công nghệ hiện đại, nhiều kỹ thuật mới đã được ứng dụng vào công tác khám chữa bệnh, công tác y tế dự phòng, sản xuất dược phẩm - vật tư y tế. Nổi bật, đề tài nghiên cứu kết quả của phương pháp đặt stent động mạch vành qua da trong điều trị nhồi máu cơ tim cấp tại BVĐK tỉnh Thái Bình.

Tăng cường hỗ trợ cho đổi mới sáng tạo

Bên cạnh những thành quả đạt được, hoạt động khoa học, công nghệ Thái Bình vẫn còn một số hạn chế cần được khắc phục trong

giai đoạn tới, cụ thể: Nguồn lực đầu tư cho khoa học và công nghệ còn hạn chế dẫn tới hiệu quả của đề tài/dự án chưa thực sự mang lại đột phá, thúc đẩy sự phát triển như kỳ vọng; các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư phát triển khoa học và công nghệ còn thiếu đồng bộ, linh hoạt.

Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Bình lần thứ XX đã xác định khoa học và công nghệ là 1 trong 3 khâu đột phá chiến lược nhằm phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Do đó, thời gian tới để tiếp tục phát huy những thành quả đã đạt được và khắc phục một số hạn chế còn tồn tại, đưa khoa học và công nghệ thực sự là động lực phát triển kinh tế - xã hội, Thái Bình sẽ tiến hành cơ cấu lại các nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Chủ trương này được cụ thể hóa trong Đề án “Phát triển KH&CN tỉnh Thái Bình giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030”. Trong đó, Tỉnh định hướng lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao, chăm sóc sức khỏe của nhân dân đạt trên 60% nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh; huy động tối đa các nguồn lực để tổ chức thực hiện các chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp nhà nước trên địa bàn tỉnh Thái Bình như: Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2030, Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia...

Mặt khác, để hỗ trợ và khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức,

cá nhân đẩy mạnh, nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao, đổi mới công nghệ, thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp sáng tạo, Sở Khoa học và Công nghệ đã tham mưu để UBND tỉnh trình HĐND tỉnh sẽ sớm thông qua Nghị quyết Quy định các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022 - 2025. Quy định này khi được ban hành sẽ tạo môi trường mở cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn Thái Bình đủ điều kiện đều có thể được hỗ trợ. Các cơ chế, chính sách hỗ trợ của tỉnh tập trung vào 4 nhóm nội dung chính bao gồm: Chuyển giao và đổi mới công nghệ; hoạt động xúc tiến thị trường khoa học và công nghệ; phát triển các doanh nghiệp khoa học và công nghệ; hoạt động khởi nghiệp sáng tạo.

Trong điều kiện nguồn ngân sách địa phương chưa đáp ứng được đầy đủ cho các nhu cầu phát triển, việc ưu tiên dành nguồn lực để hỗ trợ các hoạt động phát triển khoa học, công nghệ thể hiện quyết tâm rất lớn của tỉnh Thái Bình để đưa hoạt động khoa học, công nghệ ngày càng phát triển, trở thành động lực cho tăng trưởng kinh tế và góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân./.

Thanh Hà

THÁI BÌNH:

KHAI THÔNG VÀ SỬ DỤNG HIỆU QUẢ NGUỒN LỰC CHO PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

Như nhiều địa phương khác trên cả nước, sau hơn hai năm chịu ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, tình hình kinh tế - xã hội của Thái Bình cũng gặp nhiều khó khăn. Chính vì vậy, ngay khi dịch bệnh được kiểm soát, Thái Bình đã nhanh chóng triển khai các giải pháp hồi phục kinh tế. Nhằm góp phần đẩy nhanh quá trình này, ngành tài chính Thái Bình đã tham mưu đặc lực để Tỉnh triển khai nhiều giải pháp phát triển, nuôi dưỡng nguồn thu, tăng cường tiềm lực tài chính, từ đó, đảm bảo đủ nguồn lực cho các chương trình, chính sách quan trọng của địa phương.

Duy trì và phát triển các nguồn thu

Ngay từ những tháng đầu năm 2022, Sở Tài chính đã chủ động phối hợp với cơ quan Thuế, Hải quan, các ngành chức năng, UBND các huyện, thành phố tập trung rà soát, phát hiện khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp, đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn, kích lệ và động viên kịp thời các doanh nghiệp thực hiện mục tiêu kép vừa phòng chống dịch an toàn, vừa ổn định, phát triển sản xuất kinh doanh, đồng thời đơn đốc thu kịp thời số thuế phát sinh không được gia hạn.

Bên cạnh đó, các đơn vị trong ngành Tài chính cũng triển khai các giải pháp chống thất thu, chuyển giá, trốn thuế, xử lý thu hồi nợ thuế (nhất là thuế bảo vệ môi trường) không để xảy ra tình trạng doanh nghiệp lợi dụng chính sách hỗ trợ về thuế của nhà nước để trốn thuế, chây ỳ, nợ đọng tiền thuế; rà soát các nguồn thu còn dư địa, còn tiềm năng để khai thác tăng thu; tăng cường kiểm soát các dự án hết thời gian ưu đãi thuế, các dự án mới phát sinh, các khoản truy thu theo kiến nghị của cơ quan kiểm toán, thanh tra... tạo nguồn thu ngân sách ổn định, vững chắc.

Song song, Cục Thuế tỉnh thường xuyên theo dõi diễn biến và tiến độ các khoản thu ngân sách nhà nước, nhất là các khoản thu cân đối ngân sách địa phương; tăng cường thanh, kiểm tra

việc thực hiện nghĩa vụ tài chính của các doanh nghiệp; tập trung thanh, quyết toán và tổ chức thực hiện thu nộp số thuế chuyển tiếp, số thuế nợ đọng, các khoản thu hồi theo kết luận của thanh tra, kiểm toán nhà nước...; tiến hành xử phạt các đơn vị vi phạm về chính sách thuế đảm bảo thu đúng, thu đủ vào NSNN.

Để khơi thông và tạo sức bật từ nguồn lực đất đai, ngành Tài chính cũng khẩn trương tháo gỡ các khó khăn vướng mắc, tồn tại trong việc giao đất, đấu giá, đấu thầu các khu đất theo chỉ đạo của UBND tỉnh; hướng dẫn UBND các huyện, thành phố triển khai các thủ tục để thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất các khu đất đã đăng ký thực hiện với UBND tỉnh, song vẫn đảm bảo thực hiện nghiêm quy định của pháp luật về đất đai và quản lý tài sản công.

Mặc dù trong năm 2022, Thái Bình đang triển khai các chính sách gia hạn, miễn, giảm thuế, phí, lệ phí nhưng với sự nỗ lực vượt bậc của các cấp, các ngành, cộng đồng các doanh nghiệp nên số thu nội địa của tỉnh 6 tháng đầu năm 2022 đạt 57,1% dự toán năm, 14/16 khoản thu đạt kết quả cao so với dự toán HĐND tỉnh giao. Tổng thu ngân sách nhà nước 6 tháng thực hiện 14.302,2 tỷ đồng, đạt 79,5% dự toán năm, bằng 123,9% so với cùng kỳ năm 2021. Tổng thu ngân sách địa phương 6 tháng thực hiện 11.625,1 tỷ đồng, đạt 76,5% dự toán năm, bằng 117% so với cùng kỳ năm 2021.

Đảm bảo các nguồn lực cho các chương trình, để án trọng điểm

Nhờ thu ngân sách đạt khá, các nhiệm vụ chỉ được đảm bảo theo dự toán, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ kinh tế, chính trị của các đơn vị



Các đồng chí lãnh đạo tỉnh tặng quà chúc mừng cán bộ nhân viên ngành Tài chính tỉnh hoàn thành nhiệm vụ



sử dụng ngân sách và có thêm nguồn lực xử lý kịp thời các nhiệm vụ quan trọng, cấp bách phát sinh về đầu tư hạ tầng kinh tế - xã hội, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh đặc biệt là dịch bệnh Covid-19, đảm bảo an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh. Bên cạnh đó, các địa phương đã chủ động sử dụng dự phòng ngân sách địa phương và nguồn lực tại chỗ để khôi phục sản xuất, cơ sở hạ tầng thiết yếu, phòng chống dịch bệnh và hỗ trợ đời sống nhân dân.

Phát huy những kết quả đạt được trong giai đoạn 2015-2020, chi ngân sách địa phương đạt được kết quả đáng khích lệ góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Bước vào giai đoạn 2021 - 2025, trên cơ sở kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách Trung ương được giao (tập trung chính vào chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới), ngành Tài chính Thái Bình đã tham mưu để tỉnh bố trí đối ứng khoảng 931 tỷ đồng cho chương trình xây dựng nông thôn mới. Với việc 100% các xã trong tỉnh đã được công nhận chuẩn quốc gia nông thôn mới, nguồn lực này sẽ khuyến khích và hỗ trợ các địa phương trong tỉnh nâng cao chất lượng các tiêu chí và hướng tới xây dựng nông thôn mới nâng cao.

Bên cạnh đó, đối với thực hiện các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng, kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 được HĐND tỉnh thông qua là 15,4 nghìn tỷ đồng, trong đó nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu là: 5.249 tỷ đồng; nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh là: 10.151 tỷ đồng. Từ những nguồn lực này, Tỉnh tập trung bố trí cho một số dự án xây dựng kết cấu hạ tầng trọng điểm để thu hút đầu tư như: Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ ven biển tỉnh Thái Bình là 1.975 tỷ đồng, dự án đầu tư xây dựng các tuyến đường trục kết nối với các khu chức năng trong khu kinh tế Thái Bình là 1.700 tỷ đồng, dự án cải tạo, tuyến đường bộ từ thành phố Thái Bình đi cầu Nghìn là 784,67 tỷ đồng, tuyến đường thành phố Thái Bình đi Cồn Vành là 300 tỷ đồng...

Đặc biệt, dự án Đường cao tốc Ninh Bình - Nam Định - Thái Bình - Hải Phòng với tổng chiều dài toàn tuyến khoảng 80km và đoạn qua tỉnh Thái Bình dài khoảng 33km vừa được Thủ tướng Chính phủ giao tỉnh Thái Bình triển khai các thủ tục đầu tư. Đây là một dự án giao thông quan trọng của khu vực, hứa hẹn mở ra khả năng kết nối, phát triển kinh tế và thu hút đầu tư cho các địa phương. Thời gian tới, việc huy động tối đa các nguồn lực để thực hiện công tác giải phóng mặt bằng cũng là một trong những nhiệm vụ chính trị trọng tâm của ngành Tài chính và các Sở, ngành có liên quan để đảm bảo đẩy nhanh tiến độ thực hiện và hoàn thành dự án theo đúng chỉ đạo của Chính phủ./.

Trịnh Long

PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI THÁI BÌNH NHỮNG KẾT QUẢ NỔI BẬT

Đối diện với những khó khăn chưa từng có của dịch bệnh Covid-19, tỉnh Thái Bình đã tích cực, chủ động và sáng tạo trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ phát triển công nghiệp và thương mại, có giải pháp kịp thời để hỗ trợ doanh nghiệp trong sản xuất kinh doanh, đẩy mạnh xuất nhập khẩu, nhờ đó lĩnh vực công nghiệp và thương mại của tỉnh tiếp tục phát triển với những kết quả ấn tượng.

Sản xuất công nghiệp phát triển

Theo số liệu báo cáo năm 2021, giá trị sản xuất công nghiệp (giá so sánh 2010) của tỉnh Thái Bình ước đạt 80.849 tỷ đồng, tăng 17% so với năm 2020. Tiếp đà tăng trưởng của năm 2021, trong 6 tháng đầu năm 2022, giá trị sản xuất công nghiệp (giá so sánh 2010) của tỉnh Thái Bình ước đạt 44.387 tỷ đồng, tăng 18,2% so với cùng kỳ 2021, xếp thứ 3/11 tỉnh, thành phố vùng đồng bằng sông Hồng;

Bên cạnh đó, hoạt động thu hút đầu tư các dự án công nghiệp được tỉnh Thái Bình đẩy mạnh, nhất là thu hút các dự án FDI quy mô lớn vào khu kinh tế và các khu, cụm công nghiệp. Năm 2021, Thái Bình đã chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư, cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho 73 dự án với tổng vốn đăng ký mới và tăng thêm là 18.265 tỷ đồng, tăng 4,5 lần so với năm 2020. Đặc biệt, tỉnh đã thu hút được 05 dự án FDI đầu tư vào khu kinh tế với tổng vốn đăng ký gần 420 triệu USD (lớn hơn tổng vốn đầu tư FDI của cả giai đoạn 2016-2020). Trong 6 tháng đầu năm 2022, trên đà phục hồi kinh tế mạnh, tỉnh Thái Bình tiếp tục chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư, cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho 40 dự án với tổng số vốn đăng ký mới và tăng thêm trên 14.497 tỷ đồng (tăng 2,5 lần so với cùng kỳ năm 2021) và thu hút được 04 dự án FDI với tổng vốn đăng ký gần 45 triệu USD.

Để tạo mặt bằng sạch, sẵn sàng chào đón nhà đầu tư, tỉnh Thái Bình rất quyết liệt trong việc chỉ đạo thực hiện công tác quy hoạch phát triển khu kinh tế Thái Bình, trong đó tập trung đẩy mạnh quy hoạch phân khu và đầu tư xây dựng hạ tầng, xúc tiến đầu tư vào khu kinh tế. Cùng với đó, tiến độ đầu tư xây dựng hạ tầng các cụm công nghiệp tiếp tục được đẩy mạnh, hiện nay trên địa bàn tỉnh Thái Bình đã có 06 cụm công nghiệp đã hoàn thành đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung và đang đầu tư

xây dựng hệ thống này cho 07 cụm công nghiệp khác.

Hiện nay, một số dự án công nghiệp trọng điểm đang được đẩy mạnh triển khai như: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Liên Hà Thái; Nhà máy Greenworks Thái Bình Việt Nam; Nhà máy Lotes Thái Thụy Việt Nam; Đầu tư nhà máy sản xuất tấm trần thạch cao MIKADO GYPSUM của Công ty CP Vinafrit; Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất đồ gỗ cao cấp của Công ty CP đầu tư thương mại quốc tế Minh Vượng; Sản xuất tấm Modun pin năng lượng mặt trời của Công ty China New Energy Industry Group Limisted; ...Các dự án trên khi hoàn thành đưa vào vận hành sản xuất chắc chắn sẽ đóng góp lớn vào giá trị sản xuất công nghiệp của tỉnh Thái Bình trong thời gian tới.

Hoạt động xúc tiến thương mại trên nền tảng số được tăng cường

Đại dịch Covid-19 làm hạn chế các hoạt động xúc tiến thương mại, giao thương hàng hóa giữa các tỉnh, vùng miền và giữa các quốc gia theo cách thức truyền thống. Trong tình hình đó, tận dụng những tiện ích từ cách mạng công nghiệp 4.0 mang lại, tỉnh Thái Bình đã đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại trực tuyến bên cạnh việc triển khai xúc tiến thương mại theo hình thức truyền thống, nhằm duy trì chuỗi cung ứng và đảm bảo ổn định sản xuất kinh doanh cho các doanh nghiệp. Để thực hiện hiệu quả các hoạt động xúc tiến thương mại trực tuyến, tỉnh đã tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng thương mại điện tử trong hoạt động sản xuất kinh doanh như: Hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng website riêng, bộ thương hiệu trực tuyến, phần mềm quản lý dữ liệu khách hàng, xúc tiến bán hàng trực tuyến, hệ thống quản lý hoạt động xuất nhập khẩu trực tuyến... Song song với đó,



Hoạt động sản xuất hàng may mặc xuất khẩu của Công ty Tân Đệ tại tỉnh Thái Bình

tỉnh đẩy mạnh quảng bá thương hiệu, thông tin của doanh nghiệp trên cổng thông tin điện tử uy tín của Bộ Công Thương để doanh nghiệp tiếp cận dễ dàng hơn với thông tin thị trường, giúp giảm thời gian, chi phí giao dịch, tiếp thị, phát triển quan hệ, tìm kiếm đối tác, từ đó mang lại hiệu quả kinh tế trong thời đại công nghệ số.

Bên cạnh đó, để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tìm kiếm đối tác và mở rộng thị trường tiêu thụ hàng hóa, tỉnh Thái Bình luôn tích cực liên kết, giới thiệu để các doanh nghiệp của tỉnh tham gia các hội nghị, hội chợ quốc tế trực tuyến, tham gia các hoạt động XTTM thực hiện trên môi trường mạng, khai thác các thị trường các nước ký kết hiệp định CPTPP, EVFTA và các FTA khác do Cục XTTM tổ chức. Tỉnh còn hỗ trợ doanh nghiệp tham gia đào tạo, huấn luyện xuất khẩu hàng hóa qua các nền tảng, sàn thương mại điện tử quốc tế lớn như Amazon, Alibaba; khai thác tốt các ứng dụng phục vụ công tác XTTM như: Hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung quản lý khách hàng - CRM; hệ sinh thái XTTM - VECOBIZ; cổng truy xuất nguồn gốc XTTM; cổng thông tin hướng dẫn xuất nhập khẩu hàng hóa; nền tảng đào tạo XTTM trực tuyến.

Ngoài ra, nhằm giúp các doanh nghiệp kết nối khách hàng,

duy trì và phát triển kênh phân phối thị trường trong nước, củng cố và phát triển thị trường xuất khẩu với chi phí thấp hơn, tỉnh Thái Bình đã tăng cường cung cấp và tư vấn thông tin thị trường qua nhiều hình thức như đăng tải trên cổng thông tin, phát hành ấn phẩm, thông qua các phương tiện thông tin đại chúng...

Nhờ đẩy mạnh xúc tiến thương mại trên nền tảng số nên hoạt động thương mại của tỉnh Thái Bình vẫn phát triển mạnh bất chấp những tác động tiêu cực từ đại dịch Covid-19. Năm 2021, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 7,5% so với năm 2020, là một trong những tỉnh có tăng trưởng thương mại dương (bình quân cả nước là -4,6%). Hoạt động xuất nhập khẩu phục hồi và tăng trưởng mạnh. Kim ngạch xuất khẩu ước đạt 2.069 triệu USD, tăng 23,5% so với năm 2020; kim ngạch nhập khẩu ước đạt 1.632 triệu USD, tăng 21,3% so với năm 2020. Trong 6 tháng đầu năm 2022, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 17,4% so với cùng kỳ 2021; kim ngạch xuất khẩu đạt 1.080 triệu USD, tăng 25,2% so với cùng kỳ; kim ngạch nhập khẩu đạt 1.112 triệu USD, tăng 31% so với cùng kỳ năm 2021./.

Minh Châu



Huyện Kiến Xương vững bước đi lên

Nhờ hướng đi đúng, những năm gần đây, bức tranh kinh tế - xã hội huyện Kiến Xương (Thái Bình) đạt được những kết quả khá toàn diện trên các lĩnh vực, đời sống nhân dân ngày càng được nâng cao.

Huyện Kiến Xương có con sông Kiến Giang và hệ thống sông ngòi phong phú... tiếp giáp với huyện Vũ Thư và thành phố Thái Bình về phía Tây, huyện Đông Hưng về phía Tây Bắc, huyện Thái Thụy về phía Đông Bắc, huyện Tiền Hải về phía Đông, tỉnh Nam Định về phía Nam, là địa thế vô cùng thuận lợi cho việc giao lưu, phát triển kinh tế, văn hoá - xã hội, du lịch với các địa phương trong và ngoài tỉnh.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Kiến Xương lần thứ XXV, trên cơ sở dựa vào tiềm năng, lợi thế địa bàn, UBND huyện đã triển khai các nhiệm vụ, tập trung trên tất cả các lĩnh vực. Nhờ đó, kinh tế huyện đã có bước tăng trưởng khá (mặc dù gặp nhiều khó khăn do tác động của biến đổi khí hậu, thiên tai và đặc biệt là dịch bệnh Covid-19). Tổng giá trị sản xuất 5 năm 2015-2020 tăng bình quân 9,85%/năm (vượt 1,33%/năm so với mục tiêu Đại hội đề ra), trong đó: Sản xuất nông, lâm, thủy sản tăng bình quân 2,06%/năm; công nghiệp, xây dựng tăng bình quân 15,58%/năm; dịch vụ tăng bình quân 7,32%/năm. Giá trị sản xuất bình quân đầu người ước đạt 48,76 triệu đồng/người (năm 2015), tăng lên 71,64 triệu đồng/người (năm 2020).

Đa dạng hóa trong thực hiện chiến lược phát triển kinh tế

Ông Nguyễn Văn Dục, Chủ tịch UBND huyện Kiến Xương cho biết: Trên cơ sở kế hoạch phát triển ngành nông nghiệp làm trụ đỡ, Huyện đã triển khai đồng bộ, chuyển dịch mạnh cơ cấu nội bộ ngành nông nghiệp gắn với tăng quy mô và giá trị hàng hóa, tăng tỷ trọng chăn nuôi và thủy sản,

nhân rộng các mô hình hiệu quả để thúc đẩy phát triển, đưa ngành nông nghiệp của huyện lên tầm cao mới một cách bền vững, từng bước nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống nhân dân.

Huyện đã tập trung rà soát, đẩy mạnh tích tụ ruộng đất, điều chỉnh quy hoạch gắn với chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi có lợi thế cạnh tranh, giá trị, hiệu quả cao, phù hợp với điều kiện tự nhiên, đặc điểm sinh thái của từng vùng; phát triển các hình thức liên kết sản xuất, thuê mượn đất, hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung với tổng diện tích gần 1.300 ha như: Quy hoạch vùng nuôi tôm thẻ chân trắng (28 ha) tại xã Hồng Tiến, chuyển đổi từ đất chuyên lúa kém hiệu quả sang trồng cây ăn quả, cây dược liệu và chuyên màu; các vùng sản xuất lúa chất lượng cao, sản xuất đồng trà, đồng giống có diện tích từ 20 ha-100 ha...

Cùng với đó, huyện chú trọng phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, điển hình. Nổi bật là gần 3000 m² nhà lưới trồng dưa hữu cơ theo công nghệ tưới tiết kiệm đã được triển khai tại xã Bình Định, Vũ Hòa mang lại giá trị cạnh tranh hiệu quả gấp nhiều lần so với trồng lúa. Liên tiếp theo đó là các liên kết sản xuất chuỗi, chặt chẽ từ khâu sản xuất đến khâu chế biến, tiêu thụ giữa hộ nông dân với doanh nghiệp, HTX, chủ trang trại.

Huyện cũng chú trọng xây dựng thương hiệu cho một số

sản phẩm có thể mạnh và gạo hữu cơ của huyện. Có chính sách thu hút các nguồn lực đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, đưa công nghệ số tiên tiến, hiện đại vào sản xuất, quản lý đồng ruộng để xóa bỏ các bờ ngăn, bờ thửa tăng diện tích sản xuất, đưa cơ giới hóa vào sản xuất (100% diện tích đất lúa được cơ giới hóa khâu làm đất, 95% khâu thu hoạch lúa)... Hỗ trợ xây dựng các mô hình sản xuất giống, vật nuôi; phát triển gia trại, trang trại theo mô hình tổng hợp: Trồng trọt - chăn nuôi - thủy sản, khuyến khích cải tạo các diện tích ao, hồ; phát triển nuôi cá lồng trên sông... (xã An Bình, Quốc Tuấn, Trà Giang), mở rộng mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng...

Nhằm chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng nhanh tỷ trọng, huyện đã thực hiện đa dạng hóa về quy mô loại hình và thành phần kinh tế, vừa tích cực thu hút đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng, nghề và làng nghề (24 làng nghề), vừa gắn với phát triển dịch vụ, du lịch tâm linh, du lịch trải nghiệm, du lịch làng nghề với những điểm đến nổi tiếng như: Đền Đồng Xâm, Hội chùa Tây Am, Khu di tích lịch sử Đồn Cả; làng nghề Chạm bạc Đồng Xâm; làng nghề Dệt đũi Nam Cao; rượu Đinh lăng, mấm Cáy xã Hồng Tiến...; lồng ghép khôi phục, bảo tồn, duy trì các nguồn lợi thủy sản, đặc sản tự nhiên có truyền thống như: Rươi, cáy, cua, tôm, tép... theo mô hình



Nông thôn mới, diện mạo mới, sức sống mới tại huyện Kiến Xương

sản xuất lúa, cây hữu cơ kết hợp mô hình sinh thái 3 tầng: Cau - Lúa - Cây... là tiền đề cho việc phát triển du lịch trải nghiệm, du lịch sinh thái ven sông Hồng trên địa bàn huyện.

Thông qua chương trình mỗi xã một sản phẩm, đến nay, huyện Kiến Xương đã có 03 sản phẩm OCOP đạt 4 sao, 03 sản phẩm đạt 3 sao bước đầu khẳng định chất lượng, thương hiệu sản phẩm có chỗ đứng trên thị trường góp phần thúc đẩy phát triển du lịch và xây dựng nông thôn mới (XDNTM).

Song song triển khai các chương trình, dự án phát triển nông nghiệp, huyện còn tập trung đầu tư nâng cấp hạ tầng kỹ thuật để đẩy mạnh phát triển công nghiệp theo chiều sâu; hình thành các khu đô thị; xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu với các dự án quan trọng (28 dự án) phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; xây mới, nâng cấp và hoàn thành nhiều tuyến đường giao thông trọng điểm như: Đường Vũ Quý - Vũ Bình; đường huyện 219 đoạn qua xã Quốc Tuấn, Bình Nguyên; đường Quang Trung - Quang Minh; đường 457 Bình Minh - Trà Giang; cầu Vũ Quý - Vũ Trung... với tổng chiều dài đạt 45,64 km, tạo sự kết nối giao thương trên địa bàn và tạo đà đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội thời gian tới.

Để tạo việc làm cho người dân, huyện tập trung cho công tác giải phóng mặt bằng, xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng ở tất cả các Cụm công nghiệp, tích cực thu hút đầu tư, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp... nhờ đó 03/7 cụm công nghiệp trên địa bàn đã cơ bản được lấp đầy và tiếp tục được mở rộng (cụm công nghiệp Vũ Ninh, cụm công nghiệp Vũ Quý, cụm công nghiệp Thanh Tân) đã góp phần tạo công ăn việc làm cho thu nhập cao cho hàng nghìn lao động tại địa phương.

Nâng cao chất lượng xây dựng nông thôn mới

Huyện Kiến Xương được Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 286/QĐ-TTg công nhận đạt chuẩn NTM năm 2019, vượt trước 2 năm so với kế hoạch Đại hội Đảng bộ huyện.

Ông Nguyễn Văn Dực chia sẻ thêm: "Sau khi hoàn thành NTM, huyện tiếp tục củng cố và nâng cao các tiêu chí. Kế hoạch thực hiện XDNTM nâng cao được huyện triển khai cụ thể đến từng xã; huy động các nguồn lực bảo dưỡng, nhất là nguồn lực xã hội hóa để nâng cấp và đầu tư các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn... Để đạt được mục tiêu, kế hoạch, mấu chốt là: Đổi mới nội dung, hình thức tuyên truyền vận động, XDNTM nâng cao, NTM kiểu mẫu có đối thoại trực tiếp của người đứng đầu UBND huyện theo từng chuyên đề, trong đó phát huy vai trò chủ thể của người dân là nòng cốt, vận động để nhân dân hiểu, đồng thuận và thực hiện".

Với sự quyết tâm, nỗ lực không ngừng của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân, đến nay, huyện Kiến Xương có 6/24 xã của tỉnh được công nhận xã NTM nâng cao (xã Bình Định, Nam Bình, Bình Thanh, Vũ Ninh, Vũ Hòa, Quang Trung), phần đầu có thêm 2 xã được công nhận xã NTM nâng cao (Vũ Lễ, Hồng Tiến) và phần đầu hết năm 2025, Kiến Xương có trên 25% số xã đạt chuẩn NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu./.

Ngĩa Thủy

Sứ mệnh tiên phong

Khu kinh tế (KKT) Thái Bình được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch chung xây dựng tại Quyết định số 1486/QĐ-TTg ngày 28/10/2019. KKT Thái Bình có diện tích trên 30.000 ha, trong đó diện tích dành cho công nghiệp, đô thị, dịch vụ trên 8.000 ha. Với kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư hạ tầng khu công nghiệp (KCN), Công ty CP Green IP-1 đã trở thành đơn vị được Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư và UBND tỉnh Thái Bình cấp giấy chứng nhận đầu tiên để đầu tư xây dựng KCN trong KKT Thái Bình - KCN Green IP-1.



Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính trong chuyến khảo sát, đánh giá và lắng nghe những khó khăn trong quá trình đầu tư xây dựng và thu hút đầu tư tại KCN Liên Hà Thái vào tháng 5/2022

Tuy nhiên, do là đơn vị tiên phong nên trong quá trình triển khai, Công ty cũng gặp không ít những khó khăn, đặc biệt trong 02 năm vừa qua, tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp, nhiều nơi đã phải tạm dừng các hoạt động để cho chống dịch. Song, nhờ Thái Bình đã kiểm soát rất tốt tình hình dịch bệnh nên mọi công việc trong KCN vẫn được triển khai bình thường.

Tính đến tháng 7/2022, công tác GPMB tại KCN đạt được 540 ha và dự kiến trong năm 2022 đạt mục tiêu 588 ha mặt bằng sạch. Để có được kết quả như vậy, Công ty luôn nhận được sự quan tâm, đồng hành của cấp ủy, chính quyền các cấp trong tỉnh. Đặc biệt, ở huyện Thái Thụy đã làm tốt công tác vận động người dân, tích cực tuyên truyền các chính sách pháp luật về GPMD để tạo sự đồng thuận trong nhân dân. Trong quá trình triển khai, các đồng chí Bí thư, Chủ tịch UBND tỉnh cùng các lãnh đạo Sở, Ban, Ngành liên quan cũng thường xuyên (khoảng 2-3 tuần/lần) xuống kiểm tra hiện trường hoặc tổ chức họp nghe báo cáo tiến độ, từ đó có chỉ đạo và giải quyết kịp thời các vấn đề tồn tại thực tế mà chính sách chưa phù hợp với thực tiễn.

Song hành với nhiệm vụ GPMB, công tác thi công hạ tầng cũng đạt kết quả tốt. Đến nay, Công ty đã cho thi công một loạt các tuyến đường nội khu;

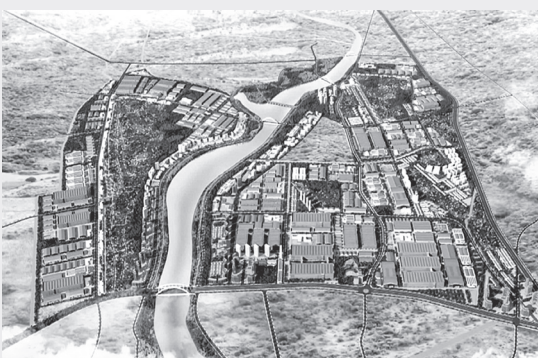
KHU CÔNG NGHIỆP LIÊN HÀ THÁI (GREEN IP-1): Sẵn sàng rộng mở đón “đại bàng” đến làm tổ

Nhờ những lợi thế lớn từ cơ sở hạ tầng được đầu tư bài bản cùng khả năng kết nối thuận lợi với các tuyến giao thông, cảng nước sâu trong khu vực và sân bay quốc tế, Khu công nghiệp (KCN) Liên Hà Thái (Green IP-1) đang trở thành điểm đến vô cùng hấp dẫn với các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

san lấp khoảng 800.000 m³; hoàn thành xây dựng nhà máy xử lý nước thải module 1 với 5.000 m³/ngày đêm và các công trình hạ tầng đồng bộ của KCN. Công việc triển khai hạ tầng nhộn nhịp như đại công trường, Công ty cùng các nhà thầu quyết tâm cao để hoàn thành công trình chất lượng, sớm hiện thực hình ảnh một KCN kiểu mẫu của tỉnh Thái Bình.

Sức hút cực lớn

KCN Green IP-1 được lựa chọn là dự án trọng điểm trong KKT Thái Bình nhờ hội tụ đầy đủ các lợi thế, có thể đáp ứng yêu cầu khắt khe nhất của nhà đầu tư thứ cấp. Trước hết, KCN này nằm trên tuyến đường bộ ven biển là trục phát triển kết nối vùng kinh tế biển các tỉnh từ Thanh Hóa đến Quảng Ninh. Hiện nay, các tuyến QL39, QL37, tỉnh lộ 456 đều tiếp giáp với KCN Green IP-1 sẽ tạo thuận tiện cho vận chuyển xuất nhập khẩu hàng hóa, máy móc, thiết bị cho các dự án trong KCN. Bên cạnh đó, với việc nằm liền kề cảng Diêm Điền, gần sông Diêm Hộ, cách sân bay quốc tế Cát Bi, cảng nước sâu Lạch Huyện (Hải Phòng) gần 40km, việc tiếp cận với các dịch vụ logistics cả đường bộ, đường thủy và đường hàng không sẽ vô cùng thuận lợi và hiệu quả.



Phối cảnh KCN Liên Hà Thái theo quy hoạch

Mặt khác, KCN Green IP-1 đóng chân trên địa bàn tỉnh Thái Bình, nơi có nguồn nhân lực dồi dào, với dân số khoảng 2 triệu người, tỷ lệ trong độ tuổi lao động khoảng 57%. Đó là chưa kể còn khoảng 2 triệu người có nguyên quán Thái Bình đang sinh sống trên cả nước, đa số đều có mong muốn về làm việc tại quê hương nếu có công việc phù hợp. Đây chính là lợi thế không phải địa phương nào cũng có.

Nằm trong KKT Thái Bình nên khi các doanh nghiệp đầu tư vào KCN Green IP-1 sẽ được hưởng đầy đủ những chính sách ưu đãi của KKT. Cụ thể như thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được hưởng mức thuế suất 10% trong 15 năm đầu tiên; ngoài ra, 4 năm đầu sẽ được miễn 100% và 9 năm tiếp theo được giảm 50%.

Với diện tích quy hoạch cũng vào loại khá lớn, gần 600 ha, KCN Green IP-1 được quy hoạch phân khu chia theo từng quy mô lớn, nhỏ rất phù hợp cho các nhà đầu tư, có những lô 70-80 ha đáp ứng đủ cho những nhà đầu tư lớn nếu muốn đặt một cứ điểm sản xuất tại KKT Thái Bình. Rút kinh nghiệm từ thực tiễn vận hành các KCN trên cả nước, KCN Green IP-1 còn có quy hoạch khoảng 135 ha quỹ đất xây dựng nhà ở công nhân cho các nhà đầu tư thứ cấp, để đảm bảo điều kiện ăn, ở, làm việc tại chỗ cho lực lượng lao động.

Những tín hiệu tốt

Để tăng sức hút cho KCN Green IP-1, Chủ đầu tư - Công ty CP Green IP-1 luôn đồng hành cùng các nhà đầu tư thứ cấp không chỉ thời gian đầu khi họ đầu tư vào đây mà trong suốt cả đời dự án của họ. Cụ thể, sau khi ký các biên bản ghi nhớ thuê đất tại KCN Green IP-1, Công ty sẽ chủ động phối hợp với

BQL KKT và các KCN tỉnh Thái Bình hỗ trợ nhà đầu tư làm các thủ tục cần thiết từ đăng ký chứng nhận đầu tư, đăng ký kinh doanh đến đánh giá tác động môi trường, hồ sơ phòng cháy chữa cháy, cấp phép xây dựng...

Với sức hấp dẫn lớn như vậy, hiện nay đã có 6 dự án thứ cấp đã và đang triển khai xây dựng hạ tầng tại KCN Green IP-1. Đó là: dự án Lotes (Đài Loan) với tổng vốn đầu tư 120 triệu USD; Dự án Greenworks (Mỹ) thuê 20ha tổng vốn đầu tư 80 triệu USD; Dự án Ohsung (Hàn Quốc) tổng vốn đầu tư 40 triệu USD; Dự án JingYang Electric (Hàn Quốc) tổng vốn đầu tư 21 triệu USD; và gần đây nhất là Công ty An Thái thuê 2ha tổng vốn đầu tư dự kiến là 10 triệu USD. Các lĩnh vực thu hút đầu tư được đều đi theo đúng định hướng của tỉnh Thái Bình đó là công nghiệp công nghệ cao, ít gây ô nhiễm như điện, điện tử, công nghệ thông tin; phần mềm tin học, công nghiệp cơ khí, lắp ráp chế tạo máy, tự động hóa, công nghiệp ô tô, công nghiệp phụ trợ, vật liệu xây dựng, dịch vụ công nghiệp, công nghiệp chế biến, sản xuất hàng tiêu dùng, thực phẩm đồ uống, dược phẩm, thực phẩm chức năng và sản xuất thiết bị y tế công nghệ cao.

Từ những tín hiệu tích cực ban đầu, Công ty CP Green IP-1 đặt mục tiêu thu hút các dự án thứ cấp lấp đầy khu công nghiệp tối thiểu đạt 4 tỷ USD, giải quyết việc làm cho khoảng 50.000 lao động, dự kiến đóng góp hàng năm từ 1.500 - 2.000 tỷ đồng cho ngân sách tỉnh, qua đó không chỉ giúp Thái Bình trở thành đầu tàu về thu hút vốn FDI mà còn thúc đẩy kinh tế địa phương phát triển nhanh và bền vững.

Trịnh Long

BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN THÁI BÌNH

NƠI “TRAO CHẤT LƯỢNG - NHẬN NIỀM TIN”

Bệnh viện Y học Cổ truyền Thái Bình có bề dày truyền thống 50 năm xây dựng và phát triển, có nhiệm vụ khám chữa bệnh đa khoa bằng phương pháp y học cổ truyền; y học cổ truyền kết hợp với y học hiện đại và phục hồi chức năng; khám chữa bệnh BHYT ban đầu cho trên 20.000 người dân trên địa bàn Thành phố Thái Bình. Đồng thời, thực hiện nghiên cứu khoa học, kế thừa bảo tồn và phát triển y, dược học cổ truyền tại tỉnh. Bệnh viện có quy mô 390 giường bệnh, 7 phòng chức năng, 13 khoa lâm sàng, cận lâm sàng (Khoa khám bệnh, Khoa điều trị theo yêu cầu, Khoa dược, Khoa xét nghiệm, Khoa chẩn đoán hình ảnh, Khoa chăm cứu, Khoa phục hồi chức năng, Khoa ngoại, Khoa lão khoa, Khoa tăng cường, Khoa Ngũ quan và Khoa nội cơ xương khớp,...) cùng đội ngũ cán bộ khám đa khoa, chuyên khoa có trình độ chuyên môn chuyên sâu, có kinh nghiệm, yêu nghề và tận tâm vì người bệnh.

Với phương châm “Trao chất lượng - Nhận niềm tin”, Ban lãnh đạo và tập thể cán bộ, viên chức Bệnh viện Y học cổ truyền Thái Bình đã luôn xây dựng và nỗ lực thực hiện nhiều giải pháp nhằm nâng cao chất lượng các dịch vụ khám, chữa bệnh, hồi phục chức năng, chăm sóc bệnh nhân như: Chú trọng, tăng cường công tác quản lý; cải tạo cơ sở vật chất;

Bệnh viện Y học cổ truyền Thái Bình là bệnh viện hạng II tuyến tỉnh, nơi tiếp nhận số lượng lớn bệnh nhân khám chữa bệnh mỗi ngày.

đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý cũng như trong triển khai hoạt động khám, chữa bệnh; nâng cao trình độ năng lực chuyên môn; đổi mới cơ chế; cải cách thủ tục hành chính trong tiếp nhận người bệnh tới khám và điều trị,... Nâng cao tinh thần, thái độ, cung cách phục vụ người bệnh - người cao tuổi bằng các phong trào thi đua: “Tích cực rèn luyện ý đức, nâng cao y thuật”; “Lấy người bệnh làm trung tâm phục vụ”; “Đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ y tế hướng tới sự hài lòng của người bệnh”..., Thực hiện mô hình quản lý chất lượng 5S trong toàn bộ đội ngũ y tế “Sàng lọc, Sắp xếp, Sạch sẽ, Sẵn sàng, Sẵn sàng” giúp hạn chế, ngăn chặn những sai sót, sự cố trong quá trình chăm sóc điều trị.

Xuyên suốt định hướng kết hợp giữa y học cổ truyền với y học hiện đại trong khám chữa bệnh, Bệnh viện đã liên kết với các bệnh viện đầu ngành tăng cường đào tạo về chuyên môn, kỹ thuật chuyên sâu để chẩn đoán, điều trị

và phòng ngừa bệnh tăng huyết áp; loạn nhịp đầu thất ngực; kỹ thuật bào chế hoàn mễ, cốm tan, chè tan từ dược liệu... Bên cạnh đó, Bệnh viện đã đầu tư nhiều trang thiết bị máy móc hiện đại phục vụ công tác khám chữa bệnh, sản xuất và bào chế thuốc (máy sắc thuốc đóng gói tự động, máy sản xuất viên hoàn cứng, máy đóng trà túi lọc...). Khai thác các thế mạnh của y học hiện đại; kết hợp hài hòa giữa y học cổ truyền và y học hiện đại cùng việc nghiên cứu các bài thuốc hay, phương pháp chữa bệnh y học cổ truyền mới.

Thạc sĩ, Bác sĩ Nguyễn Hồng Việt, Bí thư Đảng ủy - Giám đốc Bệnh viện chia sẻ:

“Những năm gần đây, Bệnh viện Y học cổ truyền Thái Bình còn phát triển, ứng dụng nhiều kỹ thuật mới như: Tiêm xơ búi trĩ, tiêm nội khớp, laser nội mạch, điều trị sóng cao tần; kỹ thuật mới về chuyên ngành tim mạch, cơ xương khớp, nội tiết... điển hình là kỹ thuật tiêm xơ búi trĩ được Bệnh viện triển khai từ tháng 7/2021 đã mang lại cơ hội điều trị cho bệnh nhân mà không phải phẫu thuật, giảm thiểu đau đớn, ít gây biến chứng, thời gian hồi phục nhanh”.

Tính đến trước thời điểm dịch bệnh Covid-19 diễn ra (năm 2020), trong năm 2019, Bệnh viện đã tổ chức khám bệnh cho gần 35.000 lượt người bệnh, điều trị nội trú cho gần 8.000 bệnh nhân và điều trị ngoại trú cho gần 3.000 người. Từ đầu năm 2022 đến nay, tình hình dịch bệnh đã dần đi vào ổn định, người dân đến khám và điều trị tại bệnh viện cũng ngày một tăng lên, góp phần giảm bớt khó khăn cho đơn vị khi phải thực hiện cơ chế tự chủ về tài chính...

Qua những con số biết nói, đã khẳng định vị thế của Bệnh viện Y học cổ truyền Thái Bình phù hợp với xu thế về yêu cầu khám, chữa bệnh ngày càng cao của người dân trong xã hội hiện đại, xứng đáng với niềm tin và là địa chỉ đáng tin cậy trong lòng người cao tuổi và nhân dân trên địa bàn./.

Kiều Thủy



Nhân viên y tế hướng dẫn thực hiện các bài tập phục hồi chức năng cho bệnh nhân bị tai biến mạch máu não